

ĐẠI THỪA NGHĨA CHƯƠNG

QUYỂN 12

NHÓM PHÁP TỊNH TRONG NHÂN PHÁP

- Quyển này có ba mươi một môn:

1. Nghĩa năm nguyện
2. Nghĩa năm giới
3. Nghĩa năm phẩm, mười điều lành.
4. Nghĩa năm dừng tâm.
5. Nghĩa năm định thánh chi .
6. Nghĩa năm tam muội thánh trí .
7. Nghĩa năm trí .
8. Nghĩa năm nhẫn.
9. Nghĩa năm thứ bồ đề .
10. Nghĩa năm phương tiện.
11. Nghĩa năm thiện pháp.
12. Nghĩa năm hạnh
13. Nghĩa năm sinh.
14. Nghĩa năm vô lượng.
15. Nghĩa năm đức nêu tội .
16. Nghĩa năm thứ giáo giới.
17. Nghĩa sáu ba la mật .
18. Nghĩa sáu niệm.
19. Nghĩa sáu thứ quyết định
20. Nghĩa sáu diệu hạnh .
21. Nghĩa sáu pháp thiện.
22. Nghĩa sáu hòa kính.
23. Nghĩa sáu tu định.
24. Nghĩa sáu tam muội.
25. Nghĩa sáu nhiếp.
26. Nghĩa bảy luật nghi thiện.
27. Nghĩa bảy tịnh.

- 28. Nghĩa bảy tài.
- 29. Nghĩa bảy thứ đại thừa.
- 30. Nghĩa bảy địa
- 31. Nghĩa tám giới trai.

1. NGHĨA NĂM NGUYỆN

Nghĩa năm nguyện xuất xứ từ luận Địa Trì. Nghĩa của cầu mong gọi là Nguyện. Nguyện chia khác nhau. Một môn nói có năm, năm nguyện là:

- Nguyện Phát tâm
- Nguyện Sinh
- Nguyện Cảnh giới
- Nguyện Bình đẳng
- Nguyện Đại.

Nguyện đầu tiên là nguyện tự lợi; bốn nguyện sau thuộc về lợi tha.

Nguyện Phát tâm: Bồ-tát tự mình phát tâm Bồ-đề, cầu đại Bồ-đề, gọi là nguyện phát tâm.

Nguyện Sinh: Cầu lợi cho người khác, vì chúng sinh nên nguyện đời vị lai sinh về cõi thiện, dùng đạo làm lợi ích chúng sinh, gọi là nguyện sinh.

Hỏi: Vì sao không nguyện vào đường ác?

Đáp: Tâm nguyện có hai thứ:

Vì cứu khổ, nên nguyện sinh đường ác.

Vì ban điều lành nên nguyện sinh cõi thiện, vì chúng sinh cõi thiện kham nhận đạo.

Nguyện Cảnh giới: Cầu trí lợi tha, nguyện đời vị lai thành tựu năm trí vô lượng, biết rõ năm cảnh giới vô lượng gọi là cảnh giới nguyện.

Năm vô lượng là:

- Cảnh chúng sinh vô lượng.
- Thế giới vô lượng.
- Pháp giới vô lượng.
- Điều phục giới vô lượng.
- Điều phục giới phương tiện giới vô lượng.

Nghĩa này như trong Năm vô lượng ở sau sẽ phân biệt rộng.

Nguyện Bình đẳng: Cầu hạnh lợi tha, nguyện đời vị lai, tất cả Bồ-tát thực hành bốn nhiếp được bình đẳng thành tựu, gọi là Bình đẳng nguyện.

Đại: Chính cầu lợi tha, nguyện đời vị lai đối với chúng sinh, dùng bốn nhiếp pháp làm lợi ích bình đẳng, gọi là nguyện đại. Nên luận giải thích rằng: nguyện Đại tức là nguyện bình đẳng, vì dùng các nguyện bình đẳng trước rộng làm lợi ích cho người.

Năm nguyện như thế.

2. NGHĨA NĂM GIỚI

Chia làm năm môn:

- 1- Kể tên, giải thích, phân biệt, phế lập.
- 2- Phân biệt giá - tánh.
- 3- Đắc (giới) có phân biệt đầy đủ.
- 4- Phân biệt theo thời.
- 5- Phân biệt theo cõi người và thân báo.

1. Kể tên, giải thích, liệtu giản, phế lập:

Năm giới là: Không giết hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Năm pháp giới này có năng lực ngăn ngừa nên gọi là giới. Ba điều trước ngăn thân, một giới tiếp theo ngăn miệng, một giới sau ngăn cả thân và miệng, giữ gìn bốn giới trước.

Hỏi: Trong thân, đánh trói v.v...đều là việc bất thiện, sao không nói là?

Đáp: Những việc đánh, trói là quyến thuộc của giết hại. Chỉ nói là giết hại thì đã nhiếp đủ, nên không nói riêng. Lại, lỗi này nhẹ, thế gian khó giữ, nên không nói là.

Hỏi: Trong lia giết, lia trộm không nói lia tà. Sao trong lia dâm nói nghiêng về lia tà?

Đáp: Giết và trộm chỉ là tà không có chánh, đều cần phải lia. Cho nên không cần chia riêng tà. Dâm thì không như thế, có chánh có tà. Với vợ mình là chánh, xâm phạm vợ người là tà, vì phân biệt chánh dâm nên nói không tà.

Hỏi: Vì sao trong giới pháp khác, có dâm đều lia. Còn trong năm giới nghiêng về lia tà dâm?

Đáp: Năm giới trùm cả người tại gia. Người tại gia, vợ mình khó dứt nên nghiêng về lia tà. Lại luận Thành Thật nói: Nếu dâm vợ mình, không đọa địa ngục, cho nên chừa ra để nói nghiêng về lia tà.

Hỏi: Tám giới cũng trùm tại gia, vì sao có dâm đều lia, chẳng nói lia tà?

Đáp: Tám giới là người tại gia giữ pháp xuất gia, nên tương tự

người xuất gia, có dâm đều lìa. Lại nữa, thời gian giữ tám giới ngăn, dễ giữ, có dâm đều lìa; năm giới phải giữ suốt đời, thời gian lâu, khó giữ, nên chỉ lìa tà. Vì khó giữ nên cho đến Thánh sơ quả tại gia cũng không thể lìa.

Hỏi: Lỗi của miệng có bốn thứ, vì sao chỉ về lìa nói dối, không lìa ba lỗi kia?

Ngài Long Thọ giải thích: Nói dối là tội nặng nên nghiêng về nói lìa. Lại nữa, vì nói dối nên khởi tâm tạo tác, những lỗi kia không nhất định, hoặc có lý do tạo tác, hoặc không có lý do tạo tác. Lại nữa, nói dối thuộc về lỗi khác của miệng. Tội hai lưỡi v.v...không đúng pháp nên đều gọi là nói dối. Nếu nói lìa vọng thì các lỗi kia đều theo nên không nói riêng. Lại, hai lưỡi v.v...tại gia khó giữ nên không nói lìa. Cho nên Tạp Tâm nói: Người xuất gia còn không lìa được, huống chi người tại gia.

Hỏi: Uống rượu không xúc não chúng sinh, vì sao phải lìa?

Luận nói: Uống rượu là điều kiện buông lung, phần nhiều sinh ra tội lỗi, cho nên phải lìa.

Hỏi: Tất cả việc ca múa, vì sao không nói lìa?

Vì lỗi nhỏ. Lại, người tại gia khó giữ thường, do đó chẳng nói.

2. Nói về giá tánh

Bốn giới đầu xa lìa tánh tội. Một giới sau ngăn cấm ngừa ác. Trước lìa tánh tội là giới thể, Sau lìa giá ác là pháp giúp giới. Lại, giới thể trước là sở hộ, một pháp giúp sau là năng hộ, Sở hộ như quả trái, năng hộ tựa như tường rào.

Luận nói như thế.

3. Nói về đắc giới:

Có từng phần, có đầy đủ.

Có người nói: Pháp năm giới phải thọ đầy đủ mới đắc. Có người lại nói: Không đủ cũng đắc. Nếu theo Luận Tỳ-đàm, thọ đủ mới đắc; thọ từng phần thì không đắc.

Hỏi: Nếu nói thọ đủ mới đắc, nghĩa này không đúng. Như trong kinh nói: Ưu-bà-tắc có năm nghĩa khác nhau: 1. Một phần. 2. Phần ít. 3. Phần nhiều, 4. Đầy đủ, 5. Dứt dâm. Nếu thọ đủ mới đắc, tại sao lại có sự khác nhau giữa một phần v.v...?

Luận Tỳ-đàm giải thích rằng: Đây là y cứ theo việc giữ để nói là một phần, ít, phần nhiều v.v...không liên quan đến việc thọ. Đối với

năm giới, thọ đủ thì đắc xong; nếu được một giới gọi là một phần; nếu giữ hai giới gọi là phần ít; nếu giữ ba, bốn giới gọi là phần nhiều, nếu giữ đủ gọi là cụ túc. Nếu đối với vợ mình không dâm gọi là dứt dâm.

Nếu theo Luận Thành Thật (quyển 9) thì thọ từng phần cũng đắc. Lượng theo phần hạn hoặc thọ một, hai cho đến đầy đủ. Nên luận ấy nói: Hễ thọ nhiều ít đều đắc. Y cứ tội cùng nói năm, vì đắc từng phần nên trong kinh nói rằng một phần, phần nhiều, cho đến dứt dâm.

Luận Đại Trí Độ đồng với luận Thành Thật nói.

4. Nói về thời phân:

Trong đây có hai:

Y theo thời gian mong cầu để nói về thời phân.

Y theo pháp nói về thời.

Theo thời gian quan trọng để nói về thời phân: Thời gian cầu thọ có ba:

Thời kỳ mong cầu suốt một ngày đêm: Tám giới.

Thời kỳ mong cầu suốt một đời: Năm giới, giới xuất gia.

Thời kỳ mong cầu tận mé vị lai: giới Bồ-tát.

Y Như Luận Tỳ-đàm nói, lúc có Phật pháp, thọ giới thì đắc. Lúc không có thì không đắc, vì giới phải nương vào Phật pháp mà thọ. Nếu trước thọ đắc, Phật pháp tuy diệt vẫn thành tựu chẳng mất.

Trong Luận Thành Thật, cho đến pháp diệt, lúc người mười tuổi, thọ giới cũng đắc.

Hỏi: Bấy giờ thì không có Phật pháp, nương vào đâu mà thọ đắc?

Đáp: Bấy giờ tuy không có người truyền trao nhưng nếu tự mình mong cầu kết nguyện dứt ác cũng có thể được.

5. Phân biệt theo cõi, người, hình báo:

Cõi (thú) có năm:

Theo Luận Tỳ-đàm, năm giới chỉ thọ ở cõi người, cõi trời, không thọ ở cõi khác.

Trong Luận Thành Thật, người, trời, súc sinh tất cả đều thọ đắc.

Phân biệt về cõi như thế.

Y theo người:

Theo Luận Tỳ-đàm, đệ tử Phật, v.v... được thọ giới này, ngoại đạo không được.

Trong Luận Thành Thật, nói ngoại đạo cũng được.

Trong kinh A-hàm nói rằng: Ngoại đạo được thọ tám giới, nên biết năm giới lẽ ra cũng được thọ.

Kinh Niết-bàn nói: Người cúng dường ngoại đạo giữ giới được phước báo vô lượng, rõ ràng cũng được thọ.

Phân biệt về người như thế.

Y theo hình:

Luận Tỳ-đàm nói: Nam, nữ đều thọ được, ngoài ra không được.

Phẩm Luật Nghi trong Luận Thành Thật nói: Huỳnh môn không căn, bất năng nam v.v... đều được, không hạn cuộc nam, nữ.

Nghĩa năm giới nói sơ như thế.

3. NGHĨA NĂM PHẨM MƯỜI ĐIỀU THIỆN.

Chia làm bốn môn:

- 1- Giải thích tên gọi.
- 2- Khai hợp nói về tướng.
- 3- Y cứ theo nhân vị nói về chung riêng.
- 4- Sở trị đồng, khác.

1. Giải thích tên gọi :

Năm phẩm mười điều thiện xuất xứ từ luận Địa Kinh.

Nghĩa thuận gọi là thiện, thuận có ba loại:

- Thuận ích tăng lên cao gọi là Thiện: Nếu theo nghĩa này, xuống hết pháp lành người trời, ba cõi đều là thiện.

- Thuận lý gọi là thiện: Hạnh vô lậu. Nếu theo nghĩa này xuống đến pháp thiện của Nhị thừa tu đều gọi là thiện vì đồng thuận lý.

- Thể thuận gọi là thiện: Là hạnh đức thành tựu trong chân thức.

Tướng trạng thế nào? Chân tánh pháp giới là tự thể của mình. Thể tánh duyên khởi nhóm thành hạnh đức, hạnh chẳng khác tánh, lại tức là bản thể, tức như, chẳng trái gọi là thể thuận. Nếu theo nghĩa này, chỉ có Phật Bồ-tát thể chứng chân hạnh là thiện.

Vì ác đối lại có ba, nên thiện chia ra ba loại này. Ba ác là:

- Trái tổn gọi là ác. Nếu theo nghĩa này, chỉ cho ba đường và quả báo riêng nghiệp khổ của trời, người là ác. Ngược lại với ở đây nên nói loại thiện đầu.

- Trái lý gọi là ác: Trong tâm chấp tánh, các nghiệp đã gây ra đều trái pháp lý đồng gọi là ác. Nếu theo nghĩa này, nghiệp thiện hữu lậu của phàm phu cao nhất vẫn gọi là ác. Ngược với ác này là thiện thứ hai.

- Trái thể gọi là ác: Tất cả các nghiệp do vọng tâm khởi trái với chân thể đồng gọi là ác. Nếu theo nghĩa này, lên đến Ba thừa duyên chiếu vô lậu đều gọi là ác, vì vọng tâm khởi. Trái với ác này nên nói điều thiện thứ ba.

Nghĩa của tên gọi như thế.

2. Khai hợp bất định:

Chung thì chỉ một điều thiện.

Phân biệt Phạm khác Thánh, chia làm hai.

Thánh chia Đại, Tiểu, chung với phạm là ba.

Trong Tiểu chia ra Thanh văn và Duyên giác, hai loại thiện khác nhau, chung với thiện còn lại là bốn.

Trong Đại chia Phật và Bồ-tát, hai loại thiện riêng, chung với các thiện kia là năm.

Trong phạm chia ra thiện của trời, người khác nhau, chung với các thiện kia là sáu.

Rộng thì vô lượng.

Nay y cứ một môn hãy nói năm loại.

Khai hợp như thế.

3. Y theo nhân vị nói về chung - riêng:

Người có năm bậc là phạm phu, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát và Phật. Chung, riêng thế nào?

Thiện có hai loại: 1. Pháp thiện, 2. Hạnh thiện.

Hai loại này khác nhau thế nào? Có bốn nghĩa khác:

Nghĩa thứ nhất: Pháp có cả lý sự, hạnh chỉ có sự.

Nghĩa thứ hai: Pháp có cả ở hữu tình và vô tình; hạnh chỉ có ở hữu tình.

Nghĩa thứ ba: Pháp có cả thiện, ác và vô ký; hạnh chỉ có thiện.

Nghĩa thứ tư: Pháp có cả tự và tha; hạnh chỉ hạn cuộc riêng.

Pháp chung thế nào? Pháp người hành được là pháp của mình. pháp mình hành được là pháp của người.

Hạnh riêng thế nào? Mình hành không được nói là người hành, người hành không được nói là mình hành. Có khác nhau như thế nên chia ra hai môn.

Nay trước y theo pháp nói về chung, riêng nghĩa chia làm bốn:

Tùy người phân chia: Pháp thiện phạm phu chỉ nói theo phạm.

Cho đến thiện của Phật chỉ nói theo Phật, không có lý chung nhau.

Phân biệt hơn khác kém: Trong môn này, dưới gồm cả trên, trên gồm cả dưới. Vì nghĩa này, phàm phu kém nhất, chỉ có thiện phàm, không có bốn loại kia. Thanh văn hơn tiếp theo, có pháp thiện của Thanh văn, phàm phu, không có ba loại kia. Duyên giác thì hơn, có đủ ba thứ thiện là Duyên giác, Thanh văn, Phàm phu, không có hai loại kia. Bồ-tát đủ bốn, không có pháp thiện của Phật, Như Lai đầy đủ tất cả pháp thiện.

Phân biệt Đại khác Tiểu: Phàm phu, Nhị thừa là Tiểu, nên hạ không gồm thượng, thượng gồm được hạ, đầy đủ như vừa nói. Bồ-tát và Phật là Đại, nên đều đầy đủ tất cả pháp thiện, tinh và thô có khác. Vì đều đầy đủ nên Bồ-tát Nhị địa nhiếp năm mươi điều thiện là giới nhiếp thiện.

Y theo thật, nói chung: Phàm phu, Nhị thừa, Bồ-tát và Phật, tất cả đều đầy đủ năm phẩm pháp thiện. Đây y theo pháp môn mười điều lành trong Như Lai tạng chân thật để nói đủ. Trong tâm phàm phu có đủ tất cả pháp thiện của pháp giới. Nay tuy chưa hiện pháp thật thường có, Nhị thừa cũng vậy, Bồ-tát thấy một ít, đến Phật thấy tròn đầy, vì pháp giới không thêm bớt nên tất cả đều đủ.

Pháp chung, riêng nói sơ như thế.

Kế theo hạnh thiện để nói về chung, riêng. Trong đây có ba:

- Phân biệt theo người
- Phân biệt hơn khác kém.
- Phân biệt Đại khác Tiểu.

Tương tự với ba nghĩa đầu trong Pháp trước. Hạnh chỉ ở sự không đồng với Pháp, nên thiếu không có nghĩa thứ tư phàm Thánh đều đủ.

Nói về Chung, riêng như thế.

4. Nói về nghĩa chỗ đối trị đồng hay khác:

Năm phẩm mười điều thiện, nghĩa đối trị chương có đồng và khác.

Đồng là tất cả đều lia mười nghiệp bất thiện.

Hỏi: Chỗ trị đã đồng, do duyên gì được chia ra năm phẩm thiện khác nhau?

Đáp: Lia có xa có gần, nên chia làm năm phẩm thiện khác nhau. Mười điều thiện của phàm phu lia rất gần, cho đến thiện của Phật thì cách phàm phu rất xa.

Khác là mười điều thiện của phàm phu chính là lia nghiệp đạo. Bốn loại kia lia nghiệp căn bản. Năm trụ phiền não là nghiệp căn bản.

Thanh văn, Duyên giác đồng trị bốn trụ; mà Thanh văn hiểu kém, thấy Pháp thô sơ, lờ mờ, chỗ đối trị không tinh tế; trí Duyên giác cao siêu hơn, thấy lý sâu, sáng, chỗ dứt trừ tinh tường, rốt ráo. Bồ-tát và Phật đồng diệt vô minh, Bồ-tát trí cạn, lìa chưa cùng tột, trí Phật tròn đầy tột cùng, dứt vô minh rốt ráo. Có khác nhau như vậy nên chia năm phẩm. Năm phẩm mười điều lành nói sơ như thế.

4. NGHĨA NĂM PHÁP DỪNG TÂM

Chia làm bốn môn:

1. Giải thích tên gọi, nói về tướng.
2. Trị hoạn khác nhau.
3. Phân biệt ba điều thiện.
4. Phân biệt theo địa.

1. Giải thích tên gọi, nói về tướng:

Năm pháp dừng tâm là:

- Quán bất tịnh
- Quán từ bi
- Quán nhân duyên
- Quán giới phân biệt
- Quán an-na-ban-na.

Năm pháp quán này trong kinh gọi là năm độ môn, cũng gọi là năm pháp quán dừng tâm.

Độ môn: Độ nghĩa là ra khỏi và đi đến. Tu năm quán này sẽ ra khỏi năm thứ phiền não tham, v.v... đến chỗ Niết-bàn, nên gọi là độ. Lại, dứt phiền não, độ lìa sinh tử cũng gọi là độ; hướng vào thông suốt, do đó nói là Môn.

Dừng tâm: Dừng là nghĩa dừng nghỉ an trụ. Dứt bỏ tham, v.v..., chế phục ý ở pháp bất tịnh, v.v... nên nói dừng tâm. Tên gọi như thế, còn tướng trạng thế nào?

Trong quán bất tịnh, lược có hai loại:

Chán thân người khác, quán bất tịnh của người.

Chán thân mình, quán mình bất tịnh.

Quán thân người có chín tướng:

Tướng chết

- Tướng sinh trưởng
- Tướng bầm xanh
- Tướng thối rữa

- Tướng hoại
- Tướng máu me
- Tướng giò rúc rĩa
- Tướng xương liền nhau
- Tướng rời rã.

Trong Luận Đại Trí Độ, thêm một tướng thiêu đốt, bỏ tướng chết. Nghĩa này như trong chương “Chín Tướng” ở sau sẽ phân biệt rộng.

b. Quán trong thân mình có năm thứ bất tịnh, Như Luận Đại Trí Độ nói:

Hạt giống bất tịnh: Thân này quá khứ kiết nghiệp làm hạt giống, hiện tại do tinh huyết cha mẹ làm hạt giống.

Nơi ở bất tịnh: An trí thân thể mình giữa hai cõi dưới sinh tạng và trên thực tạng trong thai mẹ.

Tự tướng bất tịnh: Thân này có đủ chín lỗ thường rỉ chảy; mắt chảy ghèn, nước mắt, tai ra ráy tai; mũi chảy nước mũi, miệng ra đờm dãi, đường đại tiểu tiện ra nước tiểu, phân.

Tự thể bất tịnh: Thân này có đủ ba mươi sáu vật chung hợp thành. Như Đại Trí Độ Luận nói: 1. Tóc, 2. Lông, 3. Móng, 4. Răng, 5. Da, 6. Thịt, 7. Xương, 8. Tủy, 9. Gân, 10. Mạch, 11. Lá lách, 12. Thận, 13. Tim, 14. Gan, 15. Phổi, 16. Ruột non, 17. Ruột già, 18. Bao tử, 19. Tế bào, 20. Phẩn, 21. Nước tiểu, 22. Ghét, 23. Mồ hôi, 24. Nước mắt, 25. Cứt ráy, 26. Nước mũi, 27. Nước miếng, 28. Mủ, 29. Máu, 30. Đờm, 31. Dãi, 32. Mỡ, 33. Mỡ xa, 34. Não, 35. Màng, 36. Tinh.

Trong môn này tóm lại chỉ có hai loại:

Quán da, v.v..

Trừ bỏ da thịt là quán xương trắng, Quán xương có ba. Như Luận Tỳ-đàm nói:

Ban đầu quán sát thân mình, từ đầu đến chân, trừ bỏ da thịt, làm thành tướng xương.

Đã tập hành quán bộ xương kia rồi dần dần nở rộng khắp mặt đất. Lại quán xương kia lần lượt đổi nhau, gió lớn thổi gom biến thành đồng tuyết. Tu tướng xương này đến cùng cực, khiến cho thuần thực, không nghĩ tự nhiên vẫn hiện.

Tư duy rồi bỏ qua bộ xương kia, từ từ giảm bớt trở lại thân mình. Đối với chỗ duyên thanh tịnh, vắng lặng, chỉ quán một sắc.

Đây là tự thể bất tịnh thứ tư.

Hoàn toàn bất tịnh: Thân này chết rồi, chôn thì thành đất, giò ăn thành phần, lửa đốt thành tro. Rốt ráo tìm cầu không có một tướng sạch

sẽ, gọi là hoàn toàn bất tịnh.

Quán Từ Bi: Duyên khắp chúng sinh, khởi ý tưởng ban vui cứu khổ, gọi là Quán Từ Bi. Trong đây, rộng có bảy phẩm tụ tập, như trong chương “Bốn vô lượng” ở trước đã phân biệt rộng.

Quán Nhân duyên: Ở mười hai nhân duyên sinh tử kia phân biệt quán sát. Quán này lược có hai loại khác nhau: 1. Thuận, 2. Nghịch. Nghịch thuận khác nhau, lược có hai môn:

Phân biệt trước sau: Từ trước đến sau thứ lớp quán sát gọi là quán thuận. Từ sau đến trước thứ lớp mà suy gọi là quán nghịch.

Phân biệt không - Hữu: Quán Hữu gọi là thuận vì thuận với pháp tướng, quán Không gọi là nghịch, vì trái với các pháp.

Nhân duyên quán trong năm môn, theo môn đầu tiên mà nói.

Phân biệt giới: Y như Tỳ-đàm, quán sáu giới gọi là phân biệt giới. Sáu giới là:

1- Đất. 2- Nước. 3- Lửa. 4- Gió. 5- Không. 6- Thức.

Như trong Luận giải thích: Đất được nước thấm nhuần nên không rời nhau. Nước được đất gìn giữ nên không trôi tan, lửa thành thực nên không bít lấp, tàn hoại, gió lay động nên được thêm lớn. Nhờ không giới nên thức ăn, v.v...ra vào; Thức giới hợp nên có sự tạo tác. Sáu giới này khác nhau, không có ngã nhân.

Nếu theo kinh Niết-bàn, quán mười tám giới gọi là phân biệt giới. Nghĩa mười tám giới đã giải thích rộng ở trên, ở đây phân biệt biết không ngã nhân.

Quán Sở tức: Quán hơi thở mình, buộc tâm vào mà đếm, không cho quên mất gọi là quán sở tức. Trong đây phân biệt lược có bốn thứ:

Đếm thêm: Cho một là hai.

Đếm bớt: Cho hai là một.

Đếm loạn: Ra tưởng vào, vào tưởng ra.

Đếm bằng: Lấy một làm một.

Tâm tán loạn là ba loại đếm trước. Tâm không loạn là loại thứ tư. Đếm nhiều nhất không quá mười. Trong mười số kia, nếu chưa đủ mà tâm quên, phải đếm lại từ một. Nếu tâm không loạn, đến mười thì quay trở lại.

Hỏi: Vì sao chỉ mười, không thêm không bớt?

Luận tự giải thích: Sợ tâm tán loạn nên không được quá mười. E tâm tập trung nên không được dưới mười. Trong hơi thở ra vào, đếm mười thế nào? Nghĩa này không nhất định. Người hơi thở bên trong tăng thì đếm hơi thở ra. Người nội khí ít thì đếm hơi thở vào. Người hơi thở

điều hoà thì ra, vào đều đếm. Như Táp Tâm nói: Vào năm, ra năm, họp thành mười.

Hỏi: Trong hơi thở ra vào đếm hơi thở nào trước?

Đáp: Như trong luận nói: Trước đếm hơi thở vào, sau đếm hơi thở ra. Bởi vì lúc sống thì thở vào trước, nên đếm trước. Lúc qua đời thở ra sau, nên sau đếm hơi ra.

Nói sơ về tướng trạng như thế.

2. Nói về năm độ trị hoạn khác nhau:

Như trong kinh nói: “Chúng sinh tham nhiều, dạy quán bất tịnh”. Tham có năm loại, đối trị khác nhau. Năm tham gồm:

Tham sắc: Nam nữ yêu nhau, dùng quán bất tịnh mà đối trị.

Tham thân: Cũng gọi là tham dâm, quyến thuộc thương nhau gọi là tham thân thích. Thân tình yêu nhau nối tiếp không dứt gọi là tham dâm. Như mưa nhiều ngày gọi là mưa dâm, gió nhiều ngày gọi là gió dâm. Ở đây cũng như thế, không giống dâm dật của thế gian gọi là dâm. Dâm tham này dùng tâm xả vô lượng để đối trị. Nên Táp Tâm nói: Tâm Xả vô lượng đối trị dâm tham.

Tham tài: Tiếc lẫn tài sản của mình. Dùng bố thí để trị.

Tham tiếng: Cầu tiếng khen tốt, dùng “thân không” để trị.

Tham pháp lành: Yêu thích pháp lành, dùng “pháp không” để trị.

Nay ở đây nói nghiêng về tham sắc, đối trị là độ môn đầu tiên. Vì đây là căn bản thọ sinh rất nặng nên nói nghiêng về nó.

Tham sắc có hai:

Yêu tự thân: Quán năm thứ bất tịnh để đối trị.

Yêu thân người: Quán chín tướng để trị. Trong yêu thân người có bốn thứ dục:

1- Dục Oai nghi, 2- Dục Hình sắc, 3- Dục nơi chốn, 4- Dục tế xúc.

Dục Oai nghi: Dùng tướng chết để trị.

Dục Hình sắc: Xanh bầm, mủ, thối rữa, máu me để trị.

Dục nơi chốn: Trưởng sinh, hư hoại, trùng ăn, rã rời để trị.

Dục Tế xúc: Dùng bộ xương để trị.

Hỏi: Chín tướng có công năng trị tham dục, có gì khác với mười tướng đối trị kia?

Đáp: Chín tướng có thể ngăn chặn, hàng phục. Mười tướng có thể diệt, chín tướng có thể hàng phục, giống như trời giặc. Mười tướng có thể diệt, giống như giết giặc, khác nhau như thế. Nghĩa mười tướng sẽ

nói riêng ở sau.

“Chúng sinh nặng về sân thì dạy quán từ bi”. Hai tâm từ và bi đối trị có chung và riêng. Chung thì cùng trị tất cả tức giận, riêng thì mỗi thứ khác nhau. Như trong kinh Niết-bàn (phẩm Phạm Hạnh thứ 14) chia làm sáu môn:

Nghĩa thứ nhất: Sân có hai thứ:

a. Cướp đoạt tính mạng, b. Đánh đập.

Sân cướp đoạt tính mạng, thô mà dễ bỏ, tu Từ Bi có thể trị.

Tức giận đánh đập, nhẹ mà khó lìa. Tu Bi mới trị được.

Nghĩa thứ hai: Sân có hai thứ:

a. Sân của chúng sinh, b- Sân của phi chúng sinh.

Sân của chúng sinh: Chỗ đáng sinh thì khởi, tánh dễ nhẹ mỏng, dễ trừ dễ đuổi. Tu từ sẽ trị được.

Sân của phi chúng sinh: Chỗ chẳng nên sinh mà khởi, tánh sẽ sâu dày, khó lìa, khó bỏ. Tu bi mới lìa. Sân của phi chúng sinh là đối với chỗ chúng sinh tự nhiên sân cũng bốc lên, nên nói là sâu dày.

Nghĩa thứ ba: Sân có hai loại:

a- Có nhân duyên, b- Không có nhân duyên.

Có duyên sinh sân, chỗ đáng sinh khởi, tánh nhẹ mỏng, dễ trừ dễ bỏ. Tu từ thì trị được.

Vô duyên sinh, tánh sẽ sâu dày, khó trừ, khó dứt. Tu Bi mới trị được. Vô duyên sinh thì có duyên cũng sân, nên nói sâu dày.

Nghĩa thứ tư: Sân có hai thứ:

Duyên nhân duyên quá khứ từ lâu mà sinh.

Duyên nhân duyên hiện tại gần mà sinh.

Duyên ở duyên quá khứ lâu mà sinh là cách cảnh đã xa xôi, sân dễ mỏng nhẹ, dễ trừ dễ bỏ. Tu từ sẽ trị được.

Duyên hiện tại: Cảnh gần bức bách tâm phần não sẽ sâu, khó dứt, khó nhẵn. Tu bi mới trị được.

Nghĩa thứ năm: Sân có hai loại:

a- Sân của bậc Thánh, b- Sân của phàm phu.

Sân của bậc Thánh: Chỗ đáng kính mà khởi, dễ trừ dễ bỏ, Tu từ sẽ trị được.

Sân của phàm phu: Chỗ đáng ghét thì khởi, khó nhẵn, khó xả, tu bi mới trị được.

Nghĩa thứ sáu: Sân có ba phẩm: Thượng, trung và hạ.

Sân phẩm thượng dễ dừng, tu từ sẽ trị được. Sân phẩm trung khó hơn, tu bi mới trị được. Sân phẩm hạ khó dứt, tu tuệ mới lìa, còn từ bi

không trị được.

“Người nặng về ngu si thì dạy quán nhân duyên”. Si có bốn loại:
Mê việc đời, dùng năm minh để trị.

Mê pháp nhân quả của thế tục, quán mười hai nhân duyên để đối trị.

Mê lý Hai đế có, không; dùng quán Hai đế để đối trị.

Mê Như lai tạng chân thật, dùng thật chứng để trị.

Nay nói về loại thứ hai là quán nhân duyên.

Hỏi: Kinh nói Thanh văn độn căn dạy quán bốn Đế; Duyên giác lợi căn dạy quán nhân duyên. Nay tại sao nói chúng sinh ngu si dạy quán nhân duyên?

Ngài Long Thọ giải thích: Người ngu si này không phải như trâu dê hoàn toàn không biết gì. Họ là ngoại đạo tà kiến, lợi căn mà mê nhân quả chân chánh nên nói là si. Vì lợi căn nên có thể quán nhân duyên, nhưng trong nhân duyên đối trị bệnh (hoạn) chẳng phải một. Nay y cứ một môn, nên nói đối trị si.

“Người nặng về chấp ngã dạy phân biệt giới”. Theo Luận Tỳ-đàm, sáu giới phân biệt là không có ngã nhân. Trong kinh Niết-bàn (bản Nam quyển 33), nói mười tám giới quán không có ngã nhân. Thân này chỉ có sáu căn, sáu trần và thức. Trị về ngã có một, hai, ba cho đến sáu mươi lăm loại khác nhau. Trong chương Vô ngã có phân biệt rộng.

“Người nặng về nghĩ ngợi dạy quán số tức”, Giác có tám thứ: dục giác, sân, não, hàng xóm, cõi nước, bất tử, tộc tánh, khinh hối. Nghĩa này như trong chương Tám giác ở trước có phân biệt rộng.

Hỏi: Người có các bệnh lấy gì để trị?

Đáp: Trong Luận Thành Thật nói có mười sáu đặc thắng có thể dùng đối trị. Theo kinh Quán Phật Tam-muội, dùng Tam-muội Quán Phật để đối trị. Trong Luận Tỳ-đàm cũng đồng nghĩa này. Vì tướng tốt của Phật không phải cảnh giới ba độc cho nên như thế.

Hỏi: Vì sao trong các phiền não chỉ nói đối trị tham, sân, si, ngã và giác quán là độ môn mà không nói các kiết khác?

Đáp: Vì đây là những thứ mà phàm phu thường khởi. Lại tham sân si là gốc của ba độc; Ngã là căn bản của tất cả kiến chấp, giác quán ngoại đạo nên nghiêng về đối trị các loại này cho là độ môn. Các kiết sử khác không phải như thế, do đó không nói. Lại, các phiền não khác đều thuộc quán nhiếp nên chỉ nói năm.

3. Y theo ba thiện phân biệt năm độ:

Ba thiện là ba thiện căn không tham, không sân, không si. Trong quán năm độ, quán môn bất tịnh là tánh không tham; quán môn từ bi là tánh không sân; ba quán môn kia là quán không si. Nếu nói về quyền thuộc thì tánh năm ấm, định và vô tác là sắc ấm, tâm sở thọ là thọ, tâm sở tưởng là tưởng, tâm vương là Thức, còn lại là hành ấm.

4. Nói theo địa:

Địa là cõi Dục, vị lai, trung gian và tám thiện địa. Y theo các địa này để phân biệt năm độ:

Quán bất tịnh: Đầu tiên là thuộc năm địa: cõi Dục, Vị lai, Trung gian, Sơ thiên và Nhị thiên. Nếu nương tâm văn, tư, tuệ của cõi Dục mà làm thì thuộc cõi Dục; nương tâm tuệ của Vị lai, v.v... làm thì thuộc về thiên vị lai.

Hỏi: Vì sao Tam thiên trở lên không khởi quán này?

Đáp: Cõi Dục có hai thứ dục: a) Thân dục, b) Tâm dục. Trong địa ngũ thức có thân dục; trong địa ý thức có tâm dục. Nên từ cõi Dục đến Thiên Trung gian tu quán Bất tịnh để trị dục ấy. Trong Sơ thiên địa cũng có hai dục: Ba thức địa nhãn, nhĩ và thân có thân dục; trong ý thức địa có tâm dục. Nên nương Nhị thiên tu quán Bất tịnh đối trị dục ấy. Nhị thiên trở lên chỉ có tâm dục, không có thân dục, nên trên Tam thiên không tu quán này. Lại, lạc trong Tam thiên là cái vui tự lạc, Tứ thiên trở lên tâm tịch tĩnh, không ưa quán việc bất tịnh này. Nên trên Tam thiên không có tu quán này, dù có tu tập cũng ít nên không nói.

Quán từ bi: Theo Luận Tỳ-đàm (bảy địa cõi Dục, Tứ thiên, Vị lai, Trung gian) quán này thuộc về. Trong Luận Thành Thật thì thuộc về tất cả địa. Trong pháp Đại thừa: Thô thì đồng với Luận Tỳ-đàm, tế thì đồng với Luận Thành Thật.

Nhân duyên và giới Nhập: Hai thứ độ môn này thuộc về tất cả địa.

- An-ban niệm: Nhiếp thuộc năm địa là cõi Dục, Vị lai, Trung gian và phương tiện đạo của Nhị thiên, Tam thiên.

Tuy thuộc năm địa nhưng phần nhiều dùng tâm văn, tư, tu của cõi Dục mà quán.

Hỏi: Trong định Căn Bản của Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, do nghĩa gì không có quán này?

Đáp: Sở tức vì cầu thiên định. Định căn bản kia, tâm định đã thành, cho nên không làm.

Lại hỏi: Vì sao Tứ thiên trở lên không dùng quán này?

Đáp: Vì địa kia đã lia hơi thở ra vào.
Nghĩa năm dừng tâm đại khái như thế.

5. NGHĨA NĂM ĐỊNH THÁNH CHI.

Như Luận Thành Thật (quyển 15) nói: Định có thể sinh lên bậc Thánh. Làm nhân cho Thánh gọi là định Thánh chi. Trong môn định Thánh chi có năm chi khác nhau, có năm chi. Năm chi ấy là gì?

- Định Hỷ.
- Định Lạc.
- Định Thanh tịnh tâm
- Định Minh tướng
- Định Quán tướng.

Sơ thiên, Nhị thiên gọi là định Hỷ.

Tam thiên gọi là lạc.

Trong đệ Tứ thiên, thoát ba tai nạn, dứt bốn thọ, dứt hơi thở ra vào gọi là thanh tịnh tâm định.

Ba thứ này vẫn là Tứ thiên thế tục.

Nưng ba loại này phát sinh lý giải gọi là minh, gọi là quán. Ban đầu quán năm ấm khổ, vô thường, v.v... gọi là Minh.

Phá hoại năm ấm, quán năm ấm không, gọi đó là Quán.

Hỏi: Vì sao trong định thế tục chỉ nói bốn thiên là Thánh chi?.

Đáp: Vì định ấy sinh Thánh mạnh.

Lại hỏi: Vị thứ của năm định này ở chỗ nào?

Đáp: Ba vị trước ở Ngoại phạm. Hai loại sau vẫn, tư đã bỏ. Trong đó nói nghĩa tiến, lùi bất định. Một nghĩa giải thích rằng: Trong vị Văn, Tư thì Tập Giải, Phương Tiện gọi là Minh. Trong vị Tu tuệ, hiện thấy hai không gọi là Quán.

Nghĩa thứ hai giải thích: Tâm Bốn Hiện Nhẫn đồng gọi là Minh. Vô Tướng trở đi đều gọi là Quán. Lấy Tiểu so với Đại, Đại cũng nên có. Trong Đại, ba vị trước cũng ở Ngoại phạm, Minh ở Chung Tánh, Quán ở Giải Hạnh. Cũng có thể nói ở Chung Tánh, Giải Hạnh; Quán ở Địa thượng.

Năm Định Thánh chi nói sơ như thế.

6. NGHĨA NĂM TAM-MUỘI THÁNH TRÍ.

Năm định Tam-muội Thánh trí như phẩm Thánh Trí trong Luận Thành Thật (quyển 15) nói. Năm Thánh trí gồm:

- Định Thánh thanh tịnh.

- Định Phi phạm được người trí khen ngợi.
- Định Tịch diệt diệu ly.
- Định Hiện lạc, hậu lạc.
- Định Nhất tâm xuất nhập.
- Thánh thanh tịnh: Hành giả lúc tại Kiến đế đạo tu thiền định, nếu khởi phiền não thì dùng trí tuệ trừ phiền não kia khiến định thanh tịnh gọi là Thánh thanh tịnh.
- Phi phạm được người trí khen ngợi: Hành giả có thể phá giả danh của thế tục, vào địa vị vô tướng, được Thánh định gọi là phi phạm được người trí khen ngợi.

Tịch diệt ly: Luận tự giải thích: Làm mỏng các phiền não, khiến tham v.v...diệt gọi là tịch diệt. Đây là định mà Tư-đà-hàm chứng được. Sạch hết phiền não sâu kín của cõi Dục gọi là Diệu ly. Đây là định mà A-na-hàm chứng được.

Hiện lạc, hậu lạc: Ở đời hiện tại chứng, phiền não dứt gọi là hiện lạc. Ở đời vị lai được quả Niết-bàn gọi là hậu lạc. Đây là định đối trị tất cả phiền não của hai cõi trên.

Nhất tâm xuất nhập: Luận tự giải thích: Hành giả thường thực hành tâm vô tướng nên gọi là Tam-muội nhất tâm xuất nhập. Định này ở địa vị Vô học. Y theo Tiểu để so với Đại, Đại thừa cũng có đủ.

Từ Giải Hạnh về trước gọi là Thánh thanh tịnh.

Hoan Hỷ địa gọi là phi phạm được người trí khen ngợi.

Nhị địa trở lên đến Bát địa gọi là Tịch diệt diệu ly.

Cửu địa, Thập địa gọi là Hiện lạc, Hậu lạc.

Phật địa gọi là nhất tâm xuất nhập.

Hỏi: Vì sao nói năm loại này?

Luận Thành Thật (quyển 15) giải thích: Phật nói trong định chẳng những cột tâm mà còn có Thánh trí, cho nên nói như thế.

Năm định Thánh trí nói sơ như thế.

7. NGHĨA NĂM TRÍ

Chia làm sáu môn:

- 1- Nói về tướng.
- 2- Nói về thể.
- 3- Phân biệt lậu, vô lậu.
- 4- Phân biệt theo giai vị.
- 5- Phân biệt theo người.
- 6- Phân biệt theo xứ.

1. Nói về tướng:

Năm trí là:

- Trí Pháp trụ
- Trí Nê-hoàn
- Trí Vô tránh
- Trí Nguyện
- Trí Biên tế

1.2. Pháp trụ và Nê-hoàn là từ Cảnh đặt tên, tướng trạng thế nào?

Giải thích rộng có sáu:

Phân biệt theo hữu vi và vô vi:

Biết khổ, tập, đạo là pháp hữu vi, pháp tướng còn, nên đặt tên là pháp trụ trí.

Quán sát diệt đế là pháp vô vi gọi là trí nê-hoàn. Nê-hoàn là tiếng Phạm, cùng một tên với Niết-bàn, khi lưu truyền có âm khác.

Phân biệt so sánh sự sinh tử thêm bớt:

Quán tập sinh khổ, thêm lớn sinh tử gọi là trí pháp trụ.

Quán đạo hướng về diệt, giảm tổn sinh tử gọi là trí Nê-hoàn. Lại, quán các pháp vô thường, khổ không, thú hưởng Niết-bàn cũng gọi là trí Nê-hoàn. Nên luận nói rằng: Thêm lớn sinh tử gọi là trí Pháp trụ, giảm tổn sinh tử gọi là trí Nê-hoàn.

Phân biệt Không - Hữu:

Biết thế đế là hữu gọi là trí pháp trụ.

Rõ chân đế là không, gọi là trí Nê-hoàn.

Phân biệt so sánh hữu pháp tăng tổn

Quán hữu pháp từ nhân duyên nhóm họp gọi là trí pháp trụ.

Quán pháp vô thường, khổ, vô ngã, v.v...hướng về lý KHÔNG, gọi là trí Nê-hoàn

Phân biệt Sự lý:

Rõ biết pháp tánh thường trụ trong Như Lai Tạng chân thật gọi là trí Pháp trụ, nên kinh nói rằng: Pháp chân đế là pháp giới pháp trụ.

Biết sự diệt là pháp vô vi gọi là trí Nê-hoàn.

Theo ngay chân đế, phân biệt tùy nghĩa:

Biết pháp tánh Đệ nhất nghĩa thường trụ gọi là trí Pháp Trụ.

Biết một khổ diệt gọi là trí Nê-hoàn.

Trong sáu loại này phân biệt tùy tông:

Hai môn đầu là Luận Tỳ-đàm.

Hai môn giữa là Luận Thành Thật.

Hai môn cuối là pháp Đại thừa.

Dùng sáu nhiếp cạ:
 Hai môn đầu là của Luận Tỳ-đàm.
 Bốn môn trước là của Luận Thành Thật.
 Sáu môn đều là Pháp Đại Thừa.
 Hai trí một và hai như thế.

Trí Vô tránh là theo công năng mà đặt tên. Lúc được trí này không ganh đua với người (vật) gọi là trí vô tránh, nghĩa này thế nào?

Bậc Thánh thường sợ trái với tâm chúng sinh khiến họ sinh ra phiền não. Hễ làm gì đều quán sát tình người để biết tâm ưa thích của họ, có thể dùng trí tuệ khéo léo để thuận theo, gọi là trí vô tránh.

Trí Nguyện là đặt tên theo phương tiện. Bậc Thánh tu được trí mau lẹ, nên đối với tất cả pháp theo nguyện muốn biết liền được biết, gọi là trí nguyện.

Trí Biên tế là đặt tên theo cảnh, chỗ tột cùng của thân báo gọi là bờ mé, bậc Thánh tu được trí tự tại nên ở bờ mé này kéo dài hay rút ngắn mạng sống tùy tâm gọi là trí biên tế.

Hỏi: Quả báo kéo dài của trí này lấy gì làm tập nhân?

Đáp: Nhân kéo dài chẳng khác, dùng ngay năng lực bờ mé trụ trì nên khiến thân báo này nối tiếp không hoại. Báo không hoại nên nhân đền đáp không cùng tận. Giống như tiên được kéo dài mạng sống không chết; do không chết nên đáp nhân không dứt. Ở đây cũng như thế.

Hỏi: Kéo dài là do trí biên tế so với kia để nói tập (nhân) có được không?

Đáp: Không được! Hễ nói tập là có nghĩa năng sinh; tu chỉ có thể đối trị chứ không thể sinh quả, nên chẳng phải tập nhân. Ví như cái bình tốt đựng nước không rỉ chảy, không phải nước từ bình sinh ra. Cũng như thế.

2. Nói về thể tánh:

Năm trí này đều dùng tuệ số làm thể. Trong đó chia ra pháp trụ và Nê-hoàn.

Trong pháp Tiểu thừa, trí Nhất thiết là trí thể, người Tiểu thừa đều có khả năng biết tất cả pháp.

Trong pháp Đại Thừa hoặc là trí Nhất thiết, hoặc là Trí Nhất thiết chủng. Nghĩa này thế nào? Trong pháp Đại thừa. Người biết thế đế gọi là Trí Nhất thiết chủng, người biết chân đế gọi là trí Nhất thiết.

Trí pháp trụ và Nê-hoàn kia không phải một, mà bất định. Nếu theo Thế đế biết pháp hữu vi gọi là Pháp trụ; biết Pháp vô vi gọi là Nê-

hoàn, cho nên hai loại đều dùng chủng trí làm thể.

Hỏi: Vì sao Nhị thừa biết điều này gọi là trí Nhất thiết, Như Lai biết điều này lại gọi là Trí Nhất thiết chủng?

Đáp: Nhị thừa chỉ có thể biết tướng chung của tất cả pháp nên gọi là trí Nhất thiết. Như Lai trong đây biết riêng từng loại, nên gọi là Nhất Thiết Chủng. Ngài Long Thọ nói: “Thanh văn, Duyên giác có trí Nhất thiết; chư Phật Như Lai có Trí Nhất thiết chủng”.

Nếu theo chân đế biết lý thường trụ gọi là trí Pháp trụ; biết lý vắng lặng gọi là trí Nê-hoàn, hai loại đều dùng trí Nhất thiết làm thể.

Nếu biết Thế pháp gọi là trí Pháp trụ; biết chân đế không, gọi là trí Nê-hoàn. Thế thì trí pháp trụ lấy chủng trí làm thể, trí Nê-hoàn lấy trí Nhất thiết làm thể.

Nếu nói biết rõ chân đế thường trụ là trí Pháp trụ; biết rõ sự diệt ở Thế đế, vô vi là trí Nê-hoàn: Thế thì pháp trụ lấy trí Nhất thiết làm thể; trí Nê-hoàn lấy Chủng Trí làm thể.

Trí Vô tránh thứ ba lấy trí khéo léo làm thể, vì khéo léo thuận theo tâm chúng sinh.

Trí Nguyện thứ tư lấy trí vô ngại làm thể, vì biết pháp chủng mau lẹ không chướng ngại.

Trí biên tế thứ năm lấy trí tự tại làm thể, tùy theo tâm muốn kéo dài hay rút ngắn đều được tự tại.

3. Phân biệt theo hữu lậu và vô lậu:

Trong Luận Tỳ-đàm Trí Pháp trụ và Trí Nê-hoàn chung cả hữu lậu và vô lậu. Trí thuộc Đẳng trí quán thì hữu lậu, thuộc Thánh Trí quán thì vô lậu.

Trong Luận Thành Thật thì Trí Nê-hoàn là vô lậu; trí pháp trụ bất định, từ Kiến đạo trở xuống là hữu lậu, từ Kiến đạo trở lên là gồm cả hai. Tất cả bậc Thánh dùng tâm khởi, không sinh lậu hoặc nên gọi là vô lậu; chẳng phải hiện quán không, dứt lậu hạnh nên gọi là hữu lậu.

Trong pháp Đại thừa có hai nghĩa:

Phân biệt theo cảnh: Trong hai trí này, nếu biết thế đế là hữu lậu, còn biết Chân đế là vô lậu.

Phân biệt theo tâm: Trong tâm có ba:

a. Quán đẳng trí

b. Câu hữu lậu: Hai trí này duyên chiếu trí quán vô lậu nên vừa hữu lậu vừa vô lậu. Duyên tu trị chướng gọi là vô lậu, tánh là vọng tưởng phân biệt tâm pháp gọi là hữu lậu.

c. Quán chân trí: Hoàn toàn vô lậu. Trong Luận Tỳ-đàm hoàn toàn hữu lậu vì thuộc về Đẳng Trí.

Trong Luận Thành Thật thì vừa hữu lậu, vừa vô lậu: Bạc Thánh vô học, gọi là dụng tâm khởi không sinh lậu hoặc, nên gọi là vô lậu; chẳng phải hành quán không dứt lậu hoặc, nên là hữu lậu.

Trong pháp Đại thừa có hai nghĩa:

Phân biệt theo cảnh: Ba trí này biết về pháp Thế đế nên hoàn toàn hữu lậu.

Phân biệt theo tâm: Tâm có chân, vọng. Chia ra theo tướng mà nói thì vọng tâm khởi ra hoàn toàn hữu lậu, vì tánh của nó là pháp vọng tưởng phiền não, do Chân tâm khởi nên hoàn toàn vô lậu, vì thể chẳng phải pháp vọng tưởng phiền não.

Y theo nghĩa nói chung thì vọng tâm khởi ra cũng thuộc hữu lậu và vô lậu, đồng với luận Thành Thật; danh dụng tâm khởi nên gọi là vô lậu, chẳng phải hạnh quán không dứt lậu nên gọi là hữu lậu. Do Chân tâm khởi nên vừa hữu lậu, vừa vô lậu. Thể sinh ra vọng tưởng gọi là vô lậu; tác dụng tùy thế gian gọi là hữu lậu.

Hữu lậu, vô lậu nói sơ như thế.

4. Nói theo giai vị:

Vị chia làm năm:

1. Ngoại phạm, 2. Nội phạm, 3. Kiến đạo, 4. Tu đạo, 5. Vô học đạo.

Theo Pháp Tiểu thừa: Trí Pháp Trụ, Trí Nê-hoàn không có trong vị đầu, có trong bốn vị sau. Ba trí sau có trong vị thứ năm, bốn vị trước không có, vì là công đức tăng thượng cao siêu.

Trong Pháp Đại thừa: Trừ trí biên tế ra, bốn trí kia không có trong vị đầu, bốn vị sau có. Một trí biên tế chia địa vị không cố định, Tiểu so với Đại thì hạn cuộc ở Địa thượng, chỗ cùng tột của Hữu học là ở Thập Địa vì hậu thân Bồ-tát ở mé sinh tử được tự tại.

Dùng thật để nói chung thì từ Chứng tánh trở lên đều được trí này. Trong sinh tử, thô tế vô lượng, vì tùy ở bờ mé nào đều được tự tại.

5. Nói theo người:

Người là phạm phu, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát và Như Lai.

Người phạm phu cả năm trí không có.

Người Duyên giác chỉ có Trí Pháp trụ và trí Nê-hoàn, không có ba Trí kia. Vì ba Trí sau nương theo giáo mà khởi tu, bậc Duyên giác ra đời

không có giáo pháp để nương cho nên không có.

Thanh văn, Bồ-tát, Như Lai đều có đủ năm trí. Trong hàng Thanh văn, tất cả có đủ hai trí Pháp trụ và Nê-hoàn, còn ba trí sau thì bậc A-la-hán lợi căn tăng thượng mới có, ngoài ra không có. Vì đây là công đức cao siêu tăng thượng, vì người lợi căn có trí nguyện nên có khả năng thần biến tự tại trong Tam thiên đại thiên thế giới. Cho đến tâm của các chúng sinh cõi Vô Sắc cũng có thể biết được.

6. Nói theo xứ :

Trong xứ có ba:

1- Thân xứ, 2- Tâm xứ, 3- Cảnh xứ

Thân xứ: Trí pháp trụ và Trí Nê-hoàn đều khởi tu được trong thân ba cõi. Ba trí kia, trong hàng Thanh văn chỉ ở cõi Dục, trừ Uất-đơn-việt ra, người ở ba thiên hạ có thể khởi tu được, vì nương lời dạy mà khởi tu. Nên luận nói rằng nương vào ba phương. Bồ-tát thì không phải như thế, đối với tất cả chỗ đều khởi tu được.

Tâm xứ: Trí Pháp trụ và Trí Nê-hoàn, từ tâm cõi Dục cho đến Phi tưởng đều khởi tu được.

Hỏi: Ở cõi Dục khởi tu từ tâm nào?

Đáp: Theo Luận Tỳ-đàm, trong Địa cõi Dục hai thứ tâm Văn tuệ và Tư tuệ khởi.

Theo Luận Thành Thật và pháp Đại thừa thì trong địa cõi Dục tâm của ba tuệ khởi, vì họ nói cõi Dục có Thiên định. Ba trí sau trong pháp Tiểu thừa nương Đệ Tứ thiền, vì công đức cao siêu nên chư Phật, Bồ-tát đồng với Tiểu thừa. Lấy thật mà nói chung thì tất cả tâm địa đều khởi tu được vì tâm tự tại.

Cảnh xứ: Trí Pháp trụ, Trí Nê-hoàn và trí Nguyện dùng Pháp ba cõi làm cảnh giới. Trí Vô tránh chỉ tâm chưa sinh phiền não trong cõi Dục là Cảnh giới. Họ quán tâm chưa sinh phiền não của cõi Dục che chở không để khởi tức giận. Vì chỉ họ còn ở trong địa cõi Dục.

Luận nói rằng: Duyên ở cõi Dục chưa sinh não.

Trí biên tế trong Pháp Tiểu thừa chỉ lấy thân báo cõi Dục làm cảnh, bờ mé chỉ tu ở cõi Dục. Chư Phật, Bồ-tát dùng thân báo tất cả chỗ làm cảnh vì tất cả thân đều tự tại.

Năm trí như thế.

8. NGHĨA NĂM NHÃN

Chia làm hai môn:

1. Giải thích danh nghĩa.
2. Phân biệt theo giai vị.

1. Giải thích tên gọi :

Nghĩa Năm Nhẫn phát xuất từ kinh Nhân Vương, tâm tuệ an trú nơi pháp gọi là Nhẫn, hạnh Nhẫn khác nhau, có một môn nói năm, Năm Nhẫn là:

1- Phục nhẫn, 2- Tín nhẫn, 3- Thuận nhẫn, 4- Vô sinh nhẫn, 5- Tịch diệt nhẫn.

Phục nhẫn: Theo khả năng mà đặt tên. Ban đầu tụ tập quán, hiểu, có khả năng hàng phục phiền não nên gọi là Phục nhẫn.

Tín nhẫn: Theo bạn đặt tên.

Thế của nhẫn là tuệ, cùng theo với tín, nên theo bạn nói là tín nhẫn. Nghĩa này thế nào? Tín có hai loại:

Chứng tín: Theo trước, hàng phục rồi sau tâm quán càng sâu, chứng từng phần pháp tánh. Đối với pháp chứng được, chứng tín thanh tịnh, nên gọi là Tín nhẫn.

Huyền tín: Dem sở đắc của mình, so với pháp trên, tin hiểu không nghi nên nói Tín nhẫn.

Nhẫn Thuận: đặt tên theo khả năng.

Y theo niềm tin ở trước rồi lại tu thêm tuệ cao siêu hướng thuận vô sinh, vì thế thuận với địa trên nên gọi là Thuận nhẫn.

Nhẫn Vô sinh: Theo cảnh mà có tên.

Lý vắng lặng chẳng khởi gọi là Vô sinh, trí tuệ an lý này gọi là Vô sinh nhẫn, cũng được gọi là đẹp tướng mà gọi tên. Lúc được nhẫn này xả lìa tướng sinh nên gọi là Vô sinh.

Nhẫn Tịch diệt: Theo cảnh mà có tên.

Tất cả pháp giới thường tịch chẳng động gọi là tịch diệt. Trí tuệ an trú nơi pháp này gọi là Tịch diệt nhẫn. Cũng được gọi là ngay tướng đặt tên, bỏ duyên phân biệt, tâm thể vắng lặng gọi là Tịch diệt nhẫn.

Hỏi: Tịch diệt, vô sinh, vô ngã và “không bình đẳng” có gì khác nhau?

Đáp: Giải thích thông thường là một, cho nên các địa đều được nghĩa này, trong đây phân biệt ra thì chẳng phải không có khác. Tướng khác thế nào?

Quán pháp hư vọng, đẹp tánh cố định là nghĩa vô ngã, lý này cạn nhất.

Phá tướng nhập vào như, gọi là không bình đẳng, lý này sâu hơn.

Chứng thật, là tướng, nguyên nhân chẳng khởi gọi là vô sinh, lý này càng sâu hơn.

Pháp giới đều lặng lẽ gọi là vắng lặng, chẳng đồng Vô sinh, chỉ thật vô tướng. Lý này hơn hết. Vì không đồng, nên trong các địa cũng có khác nhau. Sự khác nhau ấy sẽ nói ở sau.

2. Nói theo giai vị:

Phục nhẫn:

Chung thì khắp tất cả Địa tiền (trước Sơ địa). Ở Địa tiền, mới quán chứ chưa dứt, đó gọi là Phục.

Riêng thì chỉ ở trí Chủng tánh và trí Giải hạnh, vì hai trí ấy ở thế gian chưa vào Thánh vị không thể dứt hẳn nên nghiêng về phục.

Hỏi: Địa Trì nói rằng: “Hai giai vị v.v...có hai Chủng tánh chướng ngại tâm thanh tịnh”, dường như dứt hẳn nhưng không phải phục. Văn ấy lại nói: Bồ-tát Giải hạnh có các thứ phiền não thượng triền (trói buộc của cõi trên). Niết-bàn cũng nói: “Bồ-tát Địa tiền có tánh phiền não gọi là phạm phu”; thì dường như còn phiền não, không phục mà cũng không dứt hẳn, kinh Nhân Vương nói phục, dường như không phải dứt hẳn cũng chẳng phải còn đủ. Nghĩa này thế nào?

Đáp: Phiền não có thô, tế, chẳng phải một. Trong đó, cái thô lúc ở Chủng tánh đã phục, đã dứt. Địa Trì y cứ theo đây nói hai chướng thanh tịnh. Phiền não hạng trung, thì Địa Tiền mới phục, chứ chưa thể dứt hẳn. Kinh Nhân Vương y cứ theo đây nói là Phục nhẫn. Phiền não sâu kín, Bồ-tát Địa tiền chưa phục, chưa dứt. Kinh Địa Trì nói Bồ-tát Giải hạnh có các thứ phiền não thượng triền là y cứ theo đây. Niết-bàn nói có tánh phiền não, gồm cả hai nghĩa. Nếu so với bậc trung, hàng phục mà chưa dứt cũng gọi là đủ. Nếu so với phiền não nhỏ nhiệm thì, chưa phục chưa dứt cũng được gọi là đủ. Nếu lại nói kỹ thì phiền não có vô lượng.

Hoặc có phiền não, trong Thập tín mới phục, đến Chủng tánh mới dứt.

Hoặc có phiền não lúc chủng tánh mới hàng phục, trong Giải hạnh mới dứt.

Hoặc có phiền não, trong Giải hạnh mới hàng phục, đến Sơ địa mới dứt.

Hoặc có phiền não, lúc Sơ địa mới hàng phục, ở Nhị địa mới dứt.

Như thế lần lượt cho đến Phật địa.

Nếu lại nói kỹ thì từ mới phát tâm cho đến Phật địa, trong từng niệm trước phục, sau dứt. Vì có nghĩa này nên Phật nói các thứ khác

nhau chìm nổi. Nay y cứ theo một nghĩa, nên chỉ nói Địa tiền là phục. Phục này có ba: Bậc Hạ, bậc trung và bậc thượng.

Bậc Hạ ở Tập chủng, bậc trung ở Tánh chủng, bậc thượng ở Giải hạnh.

Nhấn Tín:

Chung thì cũng ở khắp, như Tín được nói trong Đạo phẩm.

Riêng thì chỉ ở Sơ địa, Nhị địa, Tam địa. Như kinh Nhân Vương nói. Hạ phẩm trong Tín ở Sơ địa, trung phẩm ở Nhị địa, thượng phẩm ở Tam địa.

Hỏi: Luận (Thập Địa, quyển 1) nói hai địa Chứng, Tín. Tín ở Địa Tiền, nên luận nói rằng: Nguyên thiện quyết định đã nhập Sơ địa, chẳng phải thuộc Tín Địa. Nay nói Tín nhấn vì sao ở tại Sơ địa, Nhị địa, Tam địa?

Đáp: Tín là nói theo tướng đầu tiên ở thế gian, thế và xuất thế có hai pháp đối đãi nhau:

Phân biệt Địa tiền và Địa thượng đối nhau: Địa tiền thế gian gọi là Tín địa, Địa thượng xuất thế cho là Chứng địa.

Y theo Địa thượng tùy tướng để phân chia: Sơ địa, Nhị địa, Tam địa là thế gian, nói là Tín nhấn. Tứ địa trở lên xuất thế nên lại cho là tên khác, gọi là Thuận nhấn, Vô sinh nhấn, v.v...

Hỏi: Nếu nói Tín là tướng đầu tiên thế gian nói thì Bốn bất hoại tín đáng lẽ ở thế gian, vì sao nói theo xuất thế kia?

Đáp: Bất hoại là chứng tín nên nói theo chỗ chứng xuất thế, không đồng với Huyền Tín và ở xuất thế. Hoặc đối với Địa tiền, Sơ địa xuất thế gọi là Bất hoại tịnh. Nên Địa Trì nói Bồ-tát Sơ địa được Bất hoại tịnh, sinh tâm vui mừng, hoặc lại đối với hạnh thế gian từ Tam địa trở xuống, Tứ địa xuất thế gọi là Bất hoại tịnh. Nên luận Địa Trì (quyển 7) nói Bồ-tát Tứ địa là đứng đầu bất hoại tịnh (Bất hoại tịnh thủ), như Tu-đa-la.

Nhấn Thuận:

Chung thì ở cùng khắp.

Riêng thì ở các địa: Thứ tư, thứ năm và địa thứ sáu. Như kinh Nhân Vương và Địa Kinh nói. Dùng ba địa này phá tướng hưởng tịch, thuận nhập vào Vô Sinh, nên nói là Thuận. Thuận có ba phẩm: Phẩm Hạ thì ở Tứ địa, là Đạo phẩm quán; phẩm Trung thì ở Ngũ địa là quán bốn Đế; và phẩm Thượng thì ở Lục địa là Mười pháp bình đẳng và quán Nhân duyên.

Nhấn Vô Sinh:

Chung thì ở cùng khắp.

Riêng thì không cố định. Như Ngài Long Thọ nói Sơ địa trở lên cũng được Vô Sinh. Nếu theo kinh Nhân Vương và Địa Kinh thì Vô sinh ở tại các địa Thất, Bát, và Cửu: Phẩm hạ ở Thất địa, mới tu tập vô sinh; phẩm trung ở tại Bát địa, thành tựu Vô sinh và phẩm thượng ở tại Cửu địa, Vô sinh nhẫn viên mãn.

Hỏi: Từ trước đến giờ vì sao không gọi là Vô sinh, đến đây mới nói ?

Đáp: Có bốn nghĩa:

Nói theo hạnh: Trong sáu địa trước các hạnh tu đạo khác nhau dần khởi: Sơ địa khởi nguyện, Nhị địa khởi giới, Tam địa khởi định, Tứ địa khởi tu tuệ đạo phẩm, Ngũ địa khởi tu tuệ đế tướng ứng, Lục địa tu tập tuệ duyên khởi. Vì các hạnh này từng phần mới sinh nên không phải Vô Sinh. Thất địa trở lên niệm niệm chóng khởi, tất cả Phật pháp không có hạnh mới khởi riêng nên gọi là Vô sinh.

Y cứ tu để giải thích: Từ Sơ địa đến Lục địa dụng công tu đạo, tu tâm chưa thuần phục, nên gọi là Sinh. Trong Đệ Thất địa tu vô công dụng, Bát địa trở lên thành tựu vô công dụng, tu tâm thuần phục nên nói Vô sinh.

Giải thích theo hai pháp Hữu - Vô: Trong sáu địa trước hai hành hữu vô sinh khởi xen lẫn trước, sau, không thể song tu. Vì khởi lẫn nhau nên gọi là Sinh. Thất Địa trở lên vắng lặng dùng song tu không có cách nhau khởi, nên gọi là Vô sinh.

Theo nhất tướng như lý để giải thích: Sơ Địa trở lên, quán pháp hư vọng phá dẹp tánh cố định, được gọi là Vô ngã. Tứ Địa trở lên phá tướng nhập vào như, chưa thể thật chứng tự thể vô tướng, nên chẳng phải Vô sinh. Thất địa trở lên chứng thật lìa tướng, biết pháp vốn vắng lặng, nguyên do chẳng khởi nên gọi là Vô Sinh.

Nhẫn vắng lặng:

Chung thì ở cùng khắp.

Riêng chỉ ở Thập địa trở lên, trong đó chỉ có hai phẩm thượng, hạ. Như kinh Nhân Vương nói: Hạ ở Thập địa, thượng ở Như Lai. Nên kinh nói rằng: Hành Trong Hạ nhẫn hành gọi là Bồ-tát, hành trong Thượng nhẫn gọi là Phật.

Hỏi: Vì sao từ địa thứ chín trở xuống không đắc nhẫn này ?

Đáp; Vì hành giả ở các địa ấy chỉ một tướng tịch diệt nên chia các pháp riêng. Vì chưa liễu đạt pháp giới đều tịch nên không đắc nhẫn này.

Hỏi: Vì sao trong Ba trì, Địa tiền chia ra nhiều, Địa thượng là một; trong Năm nhẫn này, Địa tiền là một, Địa thượng lại chia ra nhiều?

Đáp: Địa vị khai, hợp không nhất định, hoặc có khai trước, hợp sau, như trong Ba trì, Ba quyết định kia v.v... Hoặc khai sau hợp trước, như Năm nhẫn v.v... Hoặc trước sau đều khai, như Năm phương tiện và Sáu địa v.v... Hoặc trước sau đều hợp như Hai địa Chứng, Tín kia v.v... Môn riêng khác nhau đâu thể một loại.

Nghĩa Năm nhẫn đại khái như thế.

9. NGHĨA NĂM THỨ BỒ-ĐỀ

Nghĩa năm Bồ-đề như phẩm Vô Sinh trong kinh Đại Phẩm nói. Kinh ấy nói ngay năm thứ Bồ-đề, nhưng không nêu tên, luận có hai giải thích:

- Hợp ba tâm Bồ-đề: Thanh văn, Duyên giác và Đại thừa cùng Thuận Nhẫn và Vô sinh pháp nhẫn thành năm.

- Theo ngay trong Đại thừa, tùy nghĩa chia ra năm, năm thứ Bồ-đề là?

Bồ-đề Phát tâm

Bồ-đề Phục tâm

Bồ-đề Minh tâm

Bồ-đề Xuất đạo

Bồ-đề Vô thượng.

Phát tâm Bồ-đề: Luận nói: đối với sinh tử vô lượng, phát tâm Bồ-đề cầu đại Bồ-đề, trong nhân nói quả, cho nên gọi là phát tâm Bồ-đề.

Phục tâm: Luận nói: Bồ-tát dứt các phiền não, hàng phục tâm mình, thực hành các Ba-la-mật gọi là Phục tâm Bồ-đề.

Minh tâm Bồ-đề: Luận nói: Bồ-tát quán pháp ba đời chung riêng xưa nay được pháp thật tướng, rốt ráo thanh tịnh là tướng Bát-nhã Ba-la-mật, gọi là Minh tâm Bồ-đề.

Xuất đạo: Luận nói: Bồ-tát đối với Bát-nhã được năng lực phương tiện, chẳng chấp Bát-nhã, dứt tất cả phiền não, được Vô Sinh Nhẫn; ra khỏi ba cõi, đến Tát-ba-nhã, gọi là Xuất đạo Bồ-đề.

Vô thượng: Luận nói: Đạo tràng dứt tập khí phiền não, được Bồ-đề Vô thượng gọi là Vô thượng.

Hỏi: Năm vị này chia chỗ nào?

Đáp: Văn không có quyết định, giải thích có ba nghĩa:

Phân biệt Nghĩa:

Phát tâm Bồ-đề ở trong vị thiện thú (đường lành) ở trước Chủng

tánh, vì đây là đối với vô lượng sinh tử cầu Bồ-đề.

Phục tâm ở Chủng tánh, Giải hạnh: Vì vị này thuộc về Phục nhĩn.

Minh tâm Bồ-đề ở tại Sơ địa cho đến Lục địa, vì các địa này được trí vô ngã phá các pháp.

Xuất đạo ở tại Thất địa trở lên cho đến Thập địa, vì Thất địa trở lên ra khỏi tình tướng, đến Vô Sinh nhĩn nên gọi là Xuất đạo.

Lại, Thất Địa trở lên được trí phương tiện chẳng dính mắc có-không, sẽ ra khỏi ba cõi đến Bồ-đề, nên gọi là xuất đạo.

Như Luận kia nói: Được năng lực phương tiện, không dính mắc Bát-nhã, ví như trên Thất địa có mười phương tiện tuệ chẳng dính mắc vào không, được Vô sinh nhĩn, như Vô sinh pháp nhĩn trên Thất địa.

Vô Thượng Bồ-đề ở tại quả Phật.

Nghĩa thứ hai:

Phát tâm Bồ-đề ở tại Địa Tiên, vì đây là phát tâm cầu đạo xuất thế.

Phục tâm ở tại các đại; Sơ, Nhị, Tam. Vì ba địa này tu hạnh thế gian, hàng phục phiền não.

Minh tâm ở tại Tứ địa, Ngũ địa, Lục địa, vì ba địa này đồng tu tuệ minh thuận với vô sinh.

Hai Bồ-đề sau như trên.

Nghĩa thứ ba:

Phát tâm Bồ-đề lại ở tại Địa tiên.

Phục tâm ở Sơ địa trở lên đến Ngũ địa. Luận nói: Phục tâm dứt các phiền não, thực hành các ba-la-mật. Trong năm địa này tu Thí, Giới, Nhĩn, Tinh tấn và Thiền định là hạnh cả năm độ.

Minh Bồ-đề: Ở Lục địa. Luận nói: Minh là tướng Bát-nhã. Vì Bát-nhã ở địa thứ sáu.

Hai thứ sau đồng như trước.

Trong năm loại này, bốn loại trước là nhân, một loại sau là quả.

Hỏi: Bốn loại trước đều chung làm nhân, vì sao luận lại nói nghiêng về phát tâm trong nhân nói quả?

Đáp: So với Bồ-đề Vô thượng thì bốn loại trước đều là trong nhân nói quả. Còn theo phần mà luận thì phục tâm trở lên là phần chứng Bồ-đề, cho nên không gọi là trong nhân nói quả. Người mới phát tâm hoàn toàn chưa chứng, cho nên gọi là trong nhân nói quả.

Hỏi: Vì sao biết được Phục tâm trở lên là phần chứng Bồ-đề?

Đáp: Vì có nghiệm xét. Như Luận Pháp Hoa giải thích kinh Pháp

Hoa rằng: “Tám đời cho đến một đời được Bồ-đề là Sơ địa chứng trí”. Nên biết Địa thượng cũng chứng Bồ-đề. Lại kinh Niết-bàn (bản nam quyển 19) nói: “Vị Tu-đà-hoàn tám muôn kiếp đến, cho đến Bích-chi mười ngàn kiếp đến”, là đến Tánh địa Bồ-đề Vô thượng. Biết rõ Chứng tánh trở lên cũng chứng Bồ-đề. Vì đồng chứng nên Luận gia không gọi là trong nhân nói quả.

Năm loại Bồ-đề nói sơ lược như thế.

10. NGHĨA NĂM PHƯƠNG TIỆN

Năm phương tiện như Địa Trì nói: Khéo tu thuận với bậc trên nên gọi là Phương tiện. Một môn Phương tiện có năm phần khác nhau. Năm phương tiện là:

- Phương tiện Tùy hộ
- Phương tiện Vô tội
- Phương tiện Tư duy
- Phương tiện Tịnh tâm
- Phương tiện Quyết định

Hai loại đầu là Chứng Tánh vị.

Loại thứ ba là Giải Hạnh vị.

Loại thứ tư từ Sơ địa trở lên, đến Thất địa.

Loại cuối ở Bát, Cửu, Thập địa.

Tùy hộ: Tu tập hạnh thiện trong Chứng tánh địa, Hạnh có phước và trí. Hạnh trí tuệ theo pháp ngăn ngừa, hộ trì. Hạnh phước đức theo người ngăn ngừa hộ trì. Nghĩa là lúc tu phước tự hộ và hộ người. Nên nói Tùy hộ.

Vô tội: Hạnh lìa lỗi trong Chứng tánh vị, tu Hạnh lìa lỗi nên nói Vô tội.

Tư duy: Luận tự giải thích là Giải hạnh địa. Vì trong Giải hạnh suy nghĩ đạo xuất thế nên nói là Tư duy.

Tịnh tâm: Luận tự giải thích: Từ Tịnh tâm địa đến Cụ hành địa. Đây là xuất thế gian chứng tâm thanh tịnh nên nói là Tịnh tâm.

Quyết định: Là Quyết định địa, Quyết định hạnh địa và Tất cánh địa, Quyết định là Bát địa, Quyết định hạnh là Cửu địa, Tất cánh địa là Thập địa. Ba loại này ở trong dòng nước pháp chắc chắn thú hưởng về Vô thượng Bồ-đề, nên nói là Quyết định.

Năm thứ phương tiện nói sơ lược như thế.

11. NGHĨA NĂM PHÁP THIỆN.

Năm pháp Thiện là Tín, Giới, Thí, Đa văn và Trí Tuệ.

Bắt đầu được tâm thanh tịnh đối với Tam Bảo gọi là Tín.

Nương Tín khởi hạnh, hành lìa lỗi nên kế đó nói về Giới.

Đã lìa ác rồi, kế đó tu hạnh thiện. Thiện có phước và trí. Hạnh, phước dễ làm, nên kế đó nói về Thí.

Đã tu phước rồi, tiếp theo môn khởi trí, trí do nghe pháp, nên kế đó nói về Văn.

Nương theo Văn khởi tuệ, nên thứ năm nói về Trí tuệ.

Năm pháp thiện như thế.

12. NGHĨA NĂM HẠNH

Chia làm ba môn:

- 1- Giải thích tên gọi.
- 2- Nói về thể.
- 3- Phân biệt theo giai vị.

1. Giải thích tên gọi :

Nghĩa năm hạnh xuất xứ từ kinh Niết-bàn (quyển 11). Năm hạnh gồm:

- Hạnh Thánh
- Hạnh phạm
- Hạnh trời
- Hạnh bệnh
- Hạnh trẻ thơ.

Hạnh Thánh: Theo người đặt tên, như trong kinh giải thích: chư Phật, Bồ-tát là bậc Thánh, hạnh của bậc Thánh gọi là Thánh hạnh. Hơn nữa, đây cũng là ngay tướng được đặt tên, hiểu đúng gọi là Thánh. Hiểu đúng Hạnh này nên gọi là Hạnh Thánh.

Hỏi: Năm hạnh đều là Hạnh bậc Thánh, vì sao chỉ có ở đây gọi là Hạnh Thánh?

Đáp: Tên của các hạnh có chung và riêng. Chung thì tất cả đều là Hạnh Thánh. Trong đó chia riêng thì hạnh đầu gọi là Thánh. Các hạnh còn lại tùy nghĩa mà có tên khác. Vì hạnh này chính là thể của bậc Thánh tự hành, nên gọi riêng là Thánh.

Hạnh phạm: Ngay tướng đặt tên Phạm là tịnh. Hạnh lợi tha vì tất cả bất thiện mà đối trị, lìa lỗi được thanh tịnh, nên gọi là Phạm. Cũng có thể là hạnh này đặt tên theo quả. Sơ thiền trở lên được quả báo lìa dục,

gọi là Phạm. Bốn tâm vô lượng, v.v... sinh ra Quả phạm gọi là Hạnh phạm. Lại nữa, Niết-bàn cũng gọi là Phạm quả. Hạnh này được nói là Hạnh phạm.

Hạnh trời: Ngay tướng đặt tên. Tất cả thiên định gọi là Thiên trụ hạnh thiên trụ gọi là Thiên hạnh. Cũng có thể là hạnh này đặt tên theo quả. Sơ thiên trở lên được quả báo ở cõi trên Tịnh thiên nên gọi là Thiên. Thiên vì người gọi là Hạnh trời. Lại, thiên có thể được Đại Bát-niết-bàn, Đệ nhất nghĩa thiên cũng gọi là Hạnh trời.

Hạnh bệnh: đặt tên theo chỗ đối trị. Tội nghiệp là bệnh, hạnh trị bệnh gọi là hạnh bệnh.

Hạnh trẻ thơ: Có hai loại:

a- Tự lợi, b- Lợi tha.

Nếu nói về tự lợi thì theo dụ mà đặt tên: Hạnh lìa phân biệt như đứa trẻ kia không phân biệt được gì cả, gọi là Hạnh trẻ thơ.

Nếu nói về lợi tha, thì theo sự giáo hóa mà đặt tên. Như trong kinh (Niết-bàn quyển 20) nói: Phạm phu, Nhị thừa mới thực hành Bồ-tát giống như đứa trẻ, giáo hóa đứa trẻ này gọi là Hạnh trẻ thơ.

Nói về danh nghĩa như thế.

2. Nói về thể tướng:

Thể của hạnh Thánh, kinh nói có ba:

a- Giới, b- Định, c- Trí tuệ.

Ba loại này như trong chương Tam Học ở trên đã phân biệt rộng..

Thể của hạnh phạm, theo kinh có hai:

- Bảy pháp thiện: Đức giáo hóa người khác.

- Bốn vô lượng: Tâm giáo hóa người khác.

Thế nào là bảy điều thiện?

Như trong Kinh (kinh Niết-bàn, quyển 14) nói:

1- Biết pháp, 2- Biết nghĩa, 3- Biết thời, 4- Biết đủ.

5- Biết mình, 6- Biết chúng, 7- Biết tôn ti.

Năm loại biết trước là hạnh tự lợi, hai loại sau là lợi tha. Hai hạnh này đầy đủ mới mong lợi vật. Vì thế nên nói về hạnh.

Biết pháp: Biết mười hai bộ kinh do Phật nói.

Biết nghĩa: Biết nghĩa của tất cả pháp được nói trong kinh.

Biết thời: Biết lúc khởi tu hành: Biết lúc như thế nên tu vắng lặng, biết lúc như thế nên tu tinh tấn, trong lúc như thế nên tu tâm xả, trong lúc như thế nên tu thí-giới. Tất cả như thế.

Biết đủ: Là hạnh điều độ, biết chừng hạn của các món đồ cần nhận như thức ăn uống, thuốc thang, nên nói biết đủ.

Biết mình: Biết công đức tu hành trước kia của mình có thành tựu, biết rõ như thật. Nên nói biết tự. Nên kinh (bản Bắc quyển 10) chép rằng: “Bồ-tát tự biết ta có tín, giới, thí v.v...”

Biết chúng: Khéo biết các chủng loại khác nhau như Sát lợi, Bà-la-môn v.v... như chỗ nên giáo hóa.

Biết tôn ti: Biết chỗ giáo hóa kia có hơn kém, tùy nghi khuyên dạy.

Bảy thiện như thế.

Bốn tâm vô lượng như trên đã nói rộng.

Có người nói: Biết về Tri kiến v.v... là hạnh phạm. Theo kinh để tìm Bốn tâm vô lượng thì tâm biết về tri kiến và sáu niệm, v.v... cũng thuộc về xả thứ tự, chẳng nên chia riêng.

3. Thể của hạnh trời: là tám thiền định. Nghĩa này như trong chương Tám thiền ở sau sẽ phân biệt rộng.

Ba hạnh trên đây cũng được nhiếp của Ba trụ trong kinh Địa Trì: Hạnh Thánh là Thánh trụ kia, Hạnh phạm là Phạm Trụ kia, Hạnh trời là Thiên trụ kia. Ba hạnh này nhiếp thiện, hai hạnh kia là lỗi. Sám hối, sửa đổi lỗi trước gọi là Hạnh bệnh, không khởi lỗi sau gọi là Hạnh trẻ thơ. Lại, giáo hóa trẻ thơ không để khởi lỗi cũng được gọi là hạnh trẻ thơ.

Nói về thể tướng như thế.

3. Nói theo giai vị :

Năm hạnh này, chung thì ở khắp các địa, theo tướng chia riêng thì tu ở Địa tiền, thành tựu ở Địa thượng. Điều này làm sao biết? Như trong kinh nói: Hạnh Định lúc thành tựu, trụ Kham nhẫn địa, Hạnh Tuệ lúc thành tựu trụ Bất động địa; Hạnh Từ lúc thành tựu trụ ở địa “như yêu thương con một tội bực”, hạnh xả lúc thành tựu trụ ở địa Không bình đẳng. Chỗ thành tựu đều từ Sơ địa trở lên, biết rõ chỗ tu ở Địa Tiền.

Năm hạnh như thế.

13. NGHĨA NĂM SINH

Nghĩa năm sinh xuất xứ từ Luận Địa Trì. Thọ báo tùy vật nên gọi là Sinh. Sinh chia ra khác nhau, một môn nói năm. Năm sinh là:

- Sinh Tức khổ
- Sinh Tùy loại
- Sinh Thắng

- Sinh Tăng thượng
- Sinh Tối hậu

Năm sinh này nói chung thì đều ở khắp các địa. Nếu chia riêng thì ba sinh đầu ở Địa Tiên, hai sinh sau ở Địa thượng.

Sinh Dứt khổ: Bồ-tát do năng lực của nguyện và năng lực tự tại nên thọ sinh trong ba cõi, hề sinh ra chỗ nào đều có khả năng trừ khổ não cho chúng sinh, gọi là sinh Dứt khổ. Khổ được dứt trừ có hai thứ:

Dứt khổ hiện tại là thời gian ba kiếp và ở thời khác có thể dứt khổ cho chúng sinh.

Dứt khổ tương lai: Chúng sinh tà kiến thờ phụng thiên thần và các việc ác; có thể giáo hóa khiến họ xa lìa, không phải chịu khổ ở vị lương.

Sinh Tùy loại: Bồ-tát nhờ năng lực nguyện, năng lực tự tại nên sinh chung với chúng sinh, giáo hóa khiến họ lìa ác, trụ thiên gọi là sinh Tùy loại.

Sinh Thắng: Bồ-tát nhờ công đức nghiệp thiện ở trong trời người được tám sinh thù thắng, tám quả báo là: Tuổi Thọ đầy đủ, sắc lực đầy đủ, v.v...

Sinh Tăng thượng: Sơ địa trở lên được quả báo làm vua trong mười đời v.v... gọi là sinh Tăng thượng.

Sinh Tối hậu: Bồ-tát học đã tốt cùng, thọ sinh trong nhà Sát-lợi, Bà-la-môn, đắc Bồ-đề Vô thượng, làm tất cả Phật sự, gọi là sinh Tối hậu.

Hỏi: Trong hai loại sinh tử, năm sinh này là phần đoạn hay biến dịch?

Đáp: Năm sinh này, ở tại Địa tiên vừa là Ứng hóa, vừa là Phần đoạn. Bồ-tát có năng lực nguyện, năng lực tự tại nên tùy chúng sinh mà thị hiện thọ sinh, nên gọi là Ứng Hóa. Hễ sinh ra chỗ nào đều tương ứng với kết nghiệp hữu lậu, nên là Phần đoạn. Chỗ thọ là thân trong sáu đường nên không phải Biến dịch.

Bậc tại Địa thượng, thân ở đường ác chỉ là Ứng hóa, vì nghiệp ác hết nên không phải Phần đoạn, thân ở đường thiện cũng là Ứng hóa; Ứng hóa như trước, cũng là Phần đoạn. Bồ-tát Địa thượng tập khí hữu lậu còn sót, chưa hết, hề sinh ra cõi nào đều tương ứng với cõi đó. Nên chỗ thọ cũng là thân sáu đường nên chẳng phải Biến dịch. Nghĩa này như trong hai sinh tử trước đã phân biệt rộng.

Năm sinh như thế.

14. NGHĨA NĂM VÔ LƯỢNG

Chia làm năm môn:

- 1- Giải thích tên gọi.
- 2- Nói về tướng.
- 3- Thứ lớp.
- 4- Đối với mười tận cộng tướng thu nhiếp.
- 5- Đối hai mươi vô lượng cộng tướng thu nhiếp.

1. Giải thích tên gọi :

Năm vô lượng là trí giáo hóa người. Năm vô lượng gồm:

- Giới chúng sinh vô lượng.
- Thế giới vô lượng.
- Pháp giới vô lượng
- Điều phục giới vô lượng.
- Điều phục phương tiện giới vô lượng.

Khéo biết chúng sinh được giáo hóa khác nhau gọi là Chúng sinh vô lượng.

Khéo biết chúng sinh có trụ xứ khác nhau gọi là Thế giới vô lượng.

Biết tâm, tâm sở của các chúng sinh khởi các pháp thiện ác, v.v... dùng các tâm ấy để giáo hóa gọi là Pháp giới vô lượng.

Biết các chúng sinh căn tánh khác nhau gọi là Điều phục vô lượng. Nhưng ở đây chẳng phải biết ngay tâm điều phục, mà cũng biết tâm không điều phục, vì điều phục là chủ, nên nói nghiêng về nó.

Biết pháp độ sinh gọi là phương tiện điều phục. Trong pháp độ sinh, tu hành khéo léo gọi là phương tiện. Dùng đây dạy người điều phục khiến họ khởi hạnh, gọi là phương tiện điều phục. Lại nữa, khiến người khác khởi hạnh khéo léo cũng gọi là Phương tiện.

Hỏi: Như Bốn tâm vô lượng gọi là vô lượng. Nay năm thứ này cũng gọi là Vô lượng. Lời Vô Lượng là ở cảnh hay nói theo tâm?

Đáp: Chẳng nghiêng về bỏ tâm nói cảnh. Bốn cảnh, năm cảnh đều là vô lượng. Theo cảnh nói tâm, bốn tâm vô lượng, năm trí vô lượng đều là vô lượng.

Danh nghĩa như thế.

2. Nói về tướng:

1. Như Luận Địa Trì nói: Sáu mươi mốt loại chúng sinh gọi là chúng sinh vô lượng. Sáu mươi một loại. Văn chia không nhất định.

Có người giải thích rằng:

Trong Điều phục giới, y theo người khác nhau có năm mươi lăm, thêm vào sáu đường thành sáu mươi mốt, hoặc có thể như đây, tóm lược như thế.

Nếu chia theo tâm, hình loại khác nhau, địa xứ khác nhau, khó tính giới hạn. Nên Địa Trì nói: Theo ý, địa, thân thì có vô lượng.

2. Cõi nước ở các thế giới mười phương khác nhau, có vô lượng loại, như Ta-bà v.v... gọi là thế giới vô lượng.

3. Pháp của ba tánh thiện, ác và vô ký, mỗi thứ đều phân biệt nhiều vô biên, gọi là Pháp giới vô lượng.

4. Điều phục giới, như Địa Trì nói, từ một đến mười có năm mươi lăm, rộng cũng vô biên.

5. Điều phục phương tiện, như phẩm Thành Tựu trong luận Địa Trì nói: Hai mươi bảy phương tiện, mỗi phương tiện có chia ra chín phẩm là vô lượng loại.

3. Nói về thứ lớp năm loại :

Như Luận Địa Trì nói: Phương tiện của Bồ-tát là giáo hóa chúng sinh. Cho nên trước nói chúng sinh vô lượng. Chỗ ở của chúng sinh được giáo hóa có thể được, nên kế nói vô lượng thứ hai. Dùng pháp gì để giáo hóa? Cho nên kế đó nói vô lượng thứ ba. Nương tâm nào giáo hóa? Cho nên kế nói vô lượng thứ tư. Trụ pháp nào để giáo hóa? Cho nên kế nói vô lượng thứ năm.

4. Đối mười tận cộng tướng thu nhiếp:

Nghĩa mười tận như Địa Kinh (quyển 19) nói:

Tận thế giới Chúng sinh

Tận thế giới

Tận Hư không

Tận Pháp giới

Tận thế giới Phật xuất thế.

Tận thế giới Niết-bàn

Tận thế giới trí tuệ của Như Lai

Tận thế giới Tâm duyên

Tận trí nhập giới cảnh giới Phật.

10- Tận cả Thế gian chuyển, pháp chuyển, trí chuyển giới.

Mười loại này đều gồm thâu nhiếp cùng cực, nên gọi là Tận.

Chúng sinh vô lượng thu nhiếp tận cả chúng sinh.

Thế giới vô lượng thu nhiếp tận cả thế giới, tận cả hư không giới.

Pháp giới vô lượng thu nhiếp tận cả pháp giới.

Điều phục vô lượng thu nhiếp tận cả tâm duyên giới.

Điều phục phương tiện thu nhiếp tận cả Phật xuất thế giới, Niết-bàn giới, Như Lai trí giới, Phật cảnh giới và Trí nhập giới.

Năm loại vô lượng cùng thu nhiếp Thế chuyển, Pháp chuyển, tận cả Trí chuyển giới thứ mười. Vì năm vô lượng ấy thu nhiếp hết.

5. Đối hai mươi vô lượng trong địa kinh cộng tướng thu nhiếp:

Hai mươi thứ vô lượng? Như Địa Kinh (quyển 9) nói:

- 1- Vô lượng chúng sinh giới.
- 2- Vô lượng hóa nghiệp của Phật.
- 3- Vô lượng thế giới.
- 4- Vô lượng tịnh độ của Phật.
- 5- Vô lượng pháp giới.
- 6- Vô lượng trí Phật.
- 7- Vô lượng kiếp.
- 8- Phật thông suốt vô lượng việc trong ba thế giới.
- 9- Vô lượng giáo hóa tùy theo tín căn.
- 10- Vô lượng căn.
- 11- Vô lượng tùy căn nói.
- 12- Vô lượng tâm hạnh.
- 13- Vô lượng tâm hạnh của Phật.
- 14- Vô lượng Pháp đối trị Phật nói
- 15- Vô lượng pháp Thanh văn thừa.
- 16- Vô lượng Thanh văn Thừa do Phật nói.
- 17- Vô lượng pháp Bích-chi-phật Thừa
- 18- Phật biết vô lượng Bích-chi-phật thừa.
- 19- Vô lượng pháp Đại thừa.
- 20- Phật nói vô lượng chủng Đại thừa.

Trong hai mươi loại này:

- Cặp đầu tiên là Chúng sinh vô lượng.
 - Cặp thứ hai là Thế giới vô lượng.
 - Hai cặp kế (từ 5 đến 8) là Pháp giới vô lượng.
 - Ba cặp tiếp theo (từ 9 đến 14) là Điều phục vô lượng.
 - Ba cặp cuối (từ 15 đến 20) là phương tiện Điều phục vô lượng.
- Nghĩa năm vô lượng nói sơ lược như thế.

15. NGHĨA NĂM ĐỨC NÊU TỘI

Năm đức nêu tội trong luật nói, trong Luận Địa Trì (quyển 59) cũng có nói đù,. Năm đức là:

Lòng từ, không do tức giận: Thấy người khác có sự hủy phạm, dùng tâm thương xót nêu tội cho họ biết, không do tức giận mà kể lỗi họ.

Nói lời mềm mỏng,, không dùng thô lỗ: Lúc nêu tội dùng lời nhỏ nhẹ xin họ nghe, sau đó nêu lên, không được thô lỗ khiến người giận dữ, phẫn nộ.

Vì lợi ích, không làm tổn giảm: Lúc nêu tội, ở chỗ kín đáo nói riêng cho họ tỉnh giác, khiến bỏ lỗi làm lành, không hề rêu rao khiến sinh ra phiền não, suy sụp.

Chân thật, không dùng sự lường dối: Lúc nêu tội có đầy đủ ba căn: Kiến, văn, nghi; sau đó nêu tội, không hề hư vọng.

Biết đúng thời không làm phi thời: Lúc nêu tội, trước xem chính mình, có thể lực, nhiều bạn lành lo nổi việc trị phạt thì nên nêu; lúc không có thì dừng. Lại xem người kia, nếu không có thể lực, bạn ác chơi với nhau, lúc đó nên nêu. Còn có thì thôi. Tất cả như thế gọi là dùng đúng thời, không làm phi thời.

Năm đức này là hạnh đức của người nêu tội, nên gọi là năm đức. Nói về năm đức như thế.

16. NGHĨA NĂM THỨ GIÁO GIỚI

Năm thứ giáo giới xuất xứ từ luận Địa Trì (quyển 3). Giáo là dạy dỗ, giới là răn nhắc. Giáo giới khác nhau, một môn nói năm. Năm thứ giáo giới là:

- Chế: Ngăn dứt pháp ác.

- Thính: Cho tu pháp thiện.

Hai loại này là gốc, ba loại sau theo đó

- Cữ: Ở chỗ ngăn và cho trước, nếu có chỗ nào thiếu sót thì đúng như pháp mà nêu lên, ở đây nói cữ là nêu rõ, nêu lỗi cho biết, không đồng với đuổi đi.

- Chiết phục: Đối với chỗ ngăn và cho phép ở trước, nếu họ thường phạm thì chiết phục cho họ nhớ, khiến họ sửa đổi.

- Hoan hỉ: Đối với chỗ ngăn và cho phép ở trước, người có thật đức thì nêu cao, khen ngợi khiến họ vui mừng.

Năm loại giáo giới nói sơ lược như thế.

17. NGHĨA SÁU BA-LA-MẬT

Chia làm mười môn:

- 1- Dịch tên, giải thích.
- 2- Nói về thể.
- 3- Nói về tướng khai hợp.
- 4- Theo phân biệt tướng đồng các hạnh chung.
- 5- Theo phân biệt tướng khác các hạnh riêng.
- 6- Theo các hạnh tu nói về đúng sai.
- 7- Sáu độ thu nhiếp nhau.
- 8- Giúp dắt dẫn làm nhân.
- 9- Chia theo vị và nói về hơn kém chẳng đồng.
- 10- Thứ lớp khởi nhân.

1. Giải thích tên gọi :

Sáu Ba-la-mật là Đàn Ba-la-mật, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật.

Đàn: Là tiếng Phạm, Hán dịch là Bố thí. Đem tài sản của mình chia cho người khác, gọi là Bố; dứt của mình làm ơn cho người là thí.

Thi-la: Hán dịch đúng là thanh lương. Ba nghiệp có lỗi nóng nảy thiêu đốt người tu hành; việc như lửa đốt, giới có công năng ngăn dứt nên gọi là thanh lương (mát mẻ). Lại nói giới là tùy nghĩa dịch thêm, vì ngăn được sự thiêu đốt nên còn gọi là giới.

Sần-đê: Hán dịch là Nhẫn nhục. Người khác hủy báng gọi là nhục, đối với nhục mà an nhiên gọi là Nhẫn.

Tỳ-ly-gia: Hán dịch là Tinh tấn, luyện tâm ở pháp nên nói là Tinh, tâm tinh chuyên cho được việc gọi là Tấn.

Thiền-na: Hán dịch là Tư duy tu, cũng dịch là công đức tông lâm (rừng công đức). Pháp tính lự của cõi trên, quán kỹ mới thành, gọi là Tư duy tu. Có công năng sinh ra các đức nên còn gọi là rừng Công đức.

Bát-nhã: Hán dịch là Tuệ. Đối với pháp, quán được thông đạt nên gọi là Tuệ.

Sáu thứ này vì sao gọi là Ba-la-mật?

Ba-la-mật là tiếng Phạm, Hán dịch là đáu bỉ ngạn, là đến bờ kia.

Độ là theo luận Địa Trì nói, độ có ba thứ:

Thời độ: Sáu thứ này nương từ Chủng tánh qua ba tăng-kỳ mới thành tựu viên mãn. Nên kinh Ưu-bà-tắc nói: Hai tăng kỳ trước thực hành đàn, v.v... chẳng phải Ba-la-mật. Tăng-kỳ thứ ba thì pháp tu hành là Ba-la-mật, đó cũng là nói theo thời độ.

Quả độ: Sáu loại này có công năng đắc quả đại Bồ-đề.

Tự tánh thanh tịnh độ: Tu sáu loại này có thể bỏ hữu tướng đến pháp thật tánh.

Đủ ba nghĩa này nên gọi là Độ.

Đáo bỉ ngạn: Ba-la là ngạn, mật là đáo. Có hai nghĩa:

Hay bỏ bờ sinh tử này đến ở bờ rốt ráo, Niết-bàn ở bên kia. Tương tự phần quả độ ở trước.

Hay bỏ bờ sinh tử Niết-bàn có tướng bên này, đến ở bờ bình đẳng vô tướng bên kia. Nghĩa tương tự với Tự tánh thanh tịnh độ ở trên.

Đủ hai nghĩa này gọi là đáo bỉ ngạn.

2. Nói về thể tướng

Trong đây, y cứ theo các pháp sắc tâm, v.v.. để nói về Tánh. Theo nghĩa tiến lùi, tạm có năm loại:

Theo căn bản: Sáu độ đều lấy tâm pháp làm thể, lia tâm không có hạnh đức.

Y cứ nhiếp tu phương tiện để nói: Sáu độ đều lấy sắc tâm làm thể. Như trong Bồ thí, thân miệng xả bỏ tài sản là sắc tánh; suy nghĩ nguyện bỏ tài sản là tâm tự tánh. Trong giới thứ hai, thân miệng lia lỗi là sắc tánh; nội tâm thanh tịnh là tâm tự tánh. Trong Nhẫn, thân miệng ý không chửi mắng, không trả thù là sắc tự tánh; nội tâm an nhẫn là tâm tự tánh. Theo Tinh tấn, thân miệng tu tạo là sắc tánh, nội tâm gắng gỏi là tâm tự tánh. Theo Thiền định, thân miệng an tĩnh là sắc tánh, nội tâm không loạn là tâm tự tánh. Theo Bát-nhã, thân miệng cầu pháp là sắc tánh, nội tâm chiếu rõ là tâm tự tánh.

Theo cảnh để nói về hành thể: Bốn loại trước tu tạo theo sự, gồm cả sắc và tâm. Hai loại sau là hạnh chứng pháp, chỉ hạn cuộc ở tâm. Vì trụ cảnh thấy pháp thì chỉ có tâm làm được.

Theo hành tướng để phân biệt: Ba loại trước là năng lực giáo hóa chúng sinh. Giáo hóa nhờ ba nghiệp gồm cả sắc và tâm. Ba loại sau là năng lực ngăn ngừa phiền não, chỉ hạn cuộc ở tâm: Hàng phục hoặc, dứt kiết, chỉ tâm làm được. Hai năng lực này sau sẽ nói thêm.

Phân biệt theo nghiệp tánh:

Bồ thí, trì giới: Tự tánh của ba nghiệp gồm cả sắc, tâm. Trong bồ thí, suy nghĩ phát nguyện là ý nghiệp, thân miệng xả bỏ tài sản là thân, nghiệp và khẩu nghiệp. Trong giới, tâm tịnh là ý nghiệp, thân miệng thanh tịnh là thân, khẩu nghiệp. Nên hai loại này gồm cả sắc, tâm.

Bốn tâm pháp sau là tự tánh của ý nghiệp, hạn cuộc ở tâm thôi.

Thể tánh như thế.

3. Nói về tướng khai hợp:

Khai hợp không nhất định.

Chung thì chỉ có một, chỉ một pháp trợ đạo nhiếp chung các hạnh.

Hoặc chia làm hai, hai có hai môn:

Theo hạnh chia làm hai: Là đạo tự lợi và lợi tha, như kinh Tướng Tục Giải Thoát nói. Ba loại trước là năng lực giáo hóa chúng sinh, năng lực giáo hóa là hạnh lợi tha. Ba loại sau là năng lực ngăn dứt phiền não, ngăn phiền não là hạnh tự lợi.

Trong giáo hóa chúng sinh, trước dùng bố thí để nhiếp lấy chúng sinh. Kế dùng trí giới, không não, không sợ. Sau dùng nhẫn nhục, kham nhẫn để nhiếp thủ não hại, bức bách, sợ hãi.

Trong ngăn dứt phiền não, trước dùng tinh tấn thô để hàng phục phiền não, tu tập pháp lành, chẳng bị phiền não làm xao động. Kế dùng Thiền định hàng phục ngay phiền não, không để sinh khởi. Sau dùng trí tuệ dứt hẳn phiền não.

Y theo đức chia làm hai: Đức có hai loại: Phước đức và trí tuệ. Về hai loại này, kinh luận nói khác nhau, có bốn việc khác biệt:

a. Theo kinh Ưu-bà-tắc: Bố thí, trì giới và tinh tấn thuộc về phần phước. Vì trong việc ấy, phương tiện tạo ra nên nói là Phước; Nhẫn nhục, Thiền định, Bát-nhã là phần tuệ. Bát-nhã chính là thể chính của tuệ. Tâm tuệ an pháp gọi đó là Nhẫn. Như năm nhẫn, v.v... dùng Pháp tư duy để hiểu rõ về nhẫn, không lấy An khổ nhẫn, Tha bất nhiều ích nhẫn. Chuyên tâm trụ lý chẳng động gọi là Định, không phải là định của trong sự trụ tâm. Vì nhẫn và định này cũng tức là Tuệ nên nói là phần tuệ. Lấy phần nhỏ gàn, chẳng phải lời nói trọn vẹn.

Theo kinh Tướng Tục Giải Thoát và luận Địa Trì: Ba loại trước là phước; Bát-nhã là trí, Tinh Tấn và Thiền định vừa phước vừa trí. Nương tinh tấn nên tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, bốn tâm vô lượng v.v... gọi là phần phước. Khởi văn, tư, tu ấm, phương tiện khéo léo, v.v... gọi là phần trí. Lại nương thiền định tu bốn vô lượng gọi là phần phước. Tu ấm, giới, nhập, phương tiện quán khéo léo gọi là phần trí. Nhưng đây là theo công năng để xếp vào phước và trí. Nói về thể tánh thì tánh là phước đức.

Theo các kinh như Đại Phẩm, v.v... thì năm loại trước là phước, chẳng phải Tuệ tánh. Bát-nhã là trí, là tuệ tánh.

Theo kinh Niết-bàn thì năm loại trước cùng Bát-nhã trong sự đồng là phần phước. Lý quán Bát-nhã là phần trí. Nên kinh ấy nói: “Phước trang nghiêm là Đàn ba-la-mật cho đến Bát-nhã, chẳng phải Bát-nhã

ba-la-mật. Tuệ trang nghiêm là Bát-nhã ba-la-mật.

Nương theo hạnh sáu độ trong kinh ấy mỗi độ có hai loại.

Tùy sự tu hành chẳng đến thật tánh, chẳng phải là tự tánh thanh tịnh độ, nên không phải ba-la-mật.

Nương lý tu hành đến pháp thật tánh, là tự tánh thanh tịnh độ nên thuộc về Ba-la-mật.

Năm loại trước bất luận y sự hay y lý, đều gọi là Phước. Theo Bát-nhã, loại theo sự tu, không thấy thật tánh cũng cho là Phước. Loại y lý mà thành, thấy thật tánh nên nói là phần trí.

Hoặc chia làm ba: Ba học. Bốn loại trước là giới học. Một loại kế là Định học, một loại sau là Tuệ học. Nên Địa Trì nói: Chúng cụ, tự tánh, quyển thuộc, vô tận thì gọi là Giới học; Thiền là Định học; Bát-nhã là Tuệ học. Nói Chúng cụ là Bồ thí, thí là nhân của giới nên nói Chúng cụ. Tự tánh là giới độ. Giới độ là tự thể của giới học, nên nói Tự tánh. Quyển thuộc là nhãn ba-la-mật, các duyên kham nhãn giúp thành tựu giới hạnh nên nói quyển thuộc. Vô tận, vì tinh tấn nên trì giới không dứt, nên nói Vô tận.

Hỏi: Tinh tấn răn nhắc chung, vì nghĩa gì chỉ nói là giới?

Đáp: Có ba nghĩa:

- Trong ba học, giới đứng đầu. Theo bắt đầu mà nói, thì nên xếp vào giới.

- Trong giới học đầy đủ ba nhóm, hạnh nhiếp rộng khó thể thành lập, phải tinh tấn giúp đỡ mới thành, nên xếp vào giới.

- Giới học theo sự tu hành, khó thành mà dễ thất bại, cần phải tinh tấn giúp đỡ mới lập được; nên xếp vào giới.

Hoặc chia làm bốn: Như kinh Tương Tục Giải Thoát nói. Ba loại trước là Giới học. Thiền là Định học. Bát-nhã là Tuệ học. Tinh tấn sách tấn chung nên làm riêng một môn. Nên có bốn loại.

Có chỗ nói là năm: Thương xót, ái ngữ, mạnh mẽ, bồ thí và nói nghĩa pháp sâu xa. Như Địa Trì nói: Thương xót thuộc về thiền vì thương xót là bi, bi cũng là thiền, nên xếp vào thiền định; ái ngữ thuộc về giới và trí tuệ. Bởi vì ái ngữ là bốn lỗi của miệng, thuộc về phần giới cho nên xếp vào giới. Nương tuệ khởi nói, cho nên thuộc về trí tuệ. Mạnh mẽ xếp vào Nhẫn nhục, Tinh tấn và Trí tuệ. Vì mạnh mẽ nên gặp duyên khổ chẳng động, nên xếp vào nhẫn nhục. Do mạnh mẽ nên cố gắng tu pháp thiện, được xếp vào Tinh tấn. Do mạnh mẽ nên có thể nhập nghĩa sâu, nên xếp vào Bát-nhã. Bồ thí xếp vào Đản, nói nghĩa của pháp sâu xa thuộc về Thiền, thuộc về Tuệ. Y thiền khởi nói, cho nên xếp vào

Thiền. Ý trí khởi nói, cho nên thuộc về Tuệ.

Hoặc chia làm sáu: Là sáu ba-la-mật như Đản, v.v...

Hoặc lại nói mười: Mười Ba-la-mật. Theo sáu loại trước, mở ra thêm bốn ba-la-mật: Phương tiện, nguyện, lực, trí nên hợp thành mười. Nên trong kinh nói bốn loại sau là bạn của sáu loại trước. Nhưng trong kinh luận nói bạn khác nhau.

Nếu theo kinh Tương Tục Giải Thoát nói riêng về bạn, kinh này nói: Phương tiện là bạn của ba loại trước, nguyện là bạn của Tinh Tấn, Lực là bạn của Thiền định, Trí là bạn Bát-nhã.

Vì sao phương tiện là bạn của ba loại trước? Vì ba loại trước là năng lực giáo hóa chúng sinh, giáo hóa chúng sinh cần phải khéo léo, nên phương tiện là bạn ba loại trước.

Vì sao cho nguyện là Tinh tấn? Vì tinh tấn cầu hơn nên cần phải có nguyện giúp đỡ, nên nghiêng về đó làm bạn, bạn có hai loại:

Bạn trước: Như kinh ấy nói, vì đời hiện tại nhiều phiền não không thể tinh tấn siêng tu pháp thiện, nguyện đời vị lai phiền não mỏng ít, siêng tu pháp thiện nên là bạn trước.

Bạn sau: Nương tinh tấn có thể khởi tâm nguyện, cầu vượt thẳng lên nên là bạn sau.

Vì sao cho lực là bạn riêng của Thiền định? Định dùng nhiều sức nên năng lực làm bạn.

Bạn có hai loại:

Bạn trước: Như kinh ấy nói, gần Thiện tri thức, chịu nghe chánh pháp, bên trong chánh tư duy, chuyển hy vọng thấp được hy vọng cao siêu, gọi đó là Lực. Vì lực này nên có thể tu thiền định, nên là bạn trước.

Bạn sau: Nương thiền định nên khởi năng lực thần thông, nên là bạn sau. Lại nữa, thiền định phát sinh chủng tánh Mười lực của Như Lai nên gọi là Lực. Lực này cũng là bạn sau của thiền định.

Vì sao cho Trí là bạn riêng của Bát-nhã? Tánh tri kiến đồng, nghĩa bạn nhau gần, nên nghiêng làm bạn.

Bạn có hai loại:

Bạn trước: Do trí thế đế khai mở sinh ra tuệ đệ nhất nghĩa, nên là bạn trước.

Bạn sau: Nương trí chân đế, khởi dụng thế trí, nên là bạn sau.

Nếu theo Địa Kinh và luận Địa Trì thì bạn cả sáu loại trước.

Kia nói xảo trí là phương tiện, vì phương tiện nên tu được Vô lượng pháp thiện như Thí, v.v...

Cầu trí tăng tiến gọi là Nguyện, vì nguyện này nên khiến Trí v.v... tiến vượt lên trên.

Trí vững chắc không bị ma làm động gọi là Lực. Nhờ năng lực này nên khiến trí, v.v... kia không thể phá hoại.

Đối với pháp thấu biết (khai giác) gọi là Trí. Do trí này nên đối với những pháp thí v.v... khác nhau, thị hiện nhiếp hóa chúng sinh, nên bốn loại sau bạn cả sáu loại trước.

Hoặc lại chia làm tám mươi bốn ngàn các độ pháp môn. Như kinh Hiền Kiếp (quyển 2) nói: Như Lai có tất cả công đức của ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, mười lực vô úy khiến có ba trăm năm mươi môn. Trong mỗi môn đều dùng sáu độ tu hành làm nhân, nên có hai ngàn một trăm độ môn. Dùng đây đối với bốn đại, sáu suy, mười thứ bệnh, liền có hai mươi một ngàn độ môn.

Bốn đại: Đất, nước, lửa, gió là mối lo của tự thân.

Sáu suy: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp bên ngoài, là mối lo của sáu trần. Sáu giặc lớn này làm suy hao pháp thiện nên gọi là Suy.

Đem hai mươi một ngàn bộ môn này giáo hóa bốn loại chúng sinh nên có tám mươi bốn ngàn độ môn.

Bốn loại chúng sinh:

1- Nặng về sân. 2- Nặng về tham. 3- Nặng về si. 4- Ba độc bằng nhau.

Những thứ này rộng, lược mỗi thứ tùy một cách, nay y cứ một môn để nói về sáu loại.

4. Phân biệt chung theo các hạnh đồng tướng:

Các hạnh tương tự gọi là đồng tướng, rộng và lược chẳng nhất định. Trong đây tăng số theo thứ lớp, hoặc nói là hai, hai có hai môn:

Hữu tác, vô tác đối nhau, chia làm hai: Các hạnh đàn, v.v... phương tiện tu thành gọi là hữu tác. Pháp tánh vô tử biến thành đức ngày nay gọi là Vô Tác. Nghĩa này thế nào? Tâm thể của chân thức là pháp tánh của tất cả công đức, vốn bị vọng che gọi là Phật tánh, chẳng gọi là hạnh đức. Sau dứt vọng tưởng, tâm kia hiện rõ, gọi là đàn (bố thí) v.v... nên nói Vô Tác.

Lại trong kinh nói: Trong pháp chân như, lìa tất cả chấp trước, gọi là Đàn. Không tất cả ác tức gọi là giới. Không có sân nào tức gọi là Nhẫn. Không có lười biếng gọi là Tinh tấn. Xa lìa động loạn gọi là Thiền định, không có ám chướng gọi là Bát-nhã.

Các loại này một thể, theo nghĩa để chia ra nghĩa này. Xưa ẩn mà

bây giờ hiển hiện gọi là Vô tác Ba-la-mật. Ba-la-mật này các Thánh đồng thể không có khác nhau, vì pháp chân như không có tự thể khác nhau.

Thế gian, xuất thế gian đối nhau chia làm hai: Tùy sự tu hành gọi là Thế gian. Hợp lý mà thành gọi là Xuất thế. Lại nữa, Địa Tiên gọi là thế gian, Địa thượng gọi là Xuất thế.

Hoặc nói là ba, như kinh Tương Tục Giải thoát nói:

Nhân tướng: Tức Đại bi. Bi có năng lực khởi hạnh nên gọi là Nhân.

Quả tướng: Nhiếp chúng sinh được quả báo vị lai.

Năng tác: Nghĩa lớn như các hạnh thí v.v... sẽ được Bồ-đề.

Hoặc nói làm bốn. Bốn có ba môn:

Nhiếp tu phương tiện để chia ra bốn loại: Như kinh Tương Tục Giải Thoát nói:

Đại bi phương tiện: Có năng lực phát khởi bố thí, v.v...

Tư duy phương tiện: Khởi pháp thí, v.v...

Thường phương tiện: Đối với pháp thí, v.v... tu tập không gián đoạn.

Đốn phương tiện: Đối với những pháp như thí, v.v.. tu tập đầy đủ.

Y cứ theo tu để nói bốn: Như Địa Trì nói:

Quyết định tu: Đối với các pháp như thí v.v... vững tâm tu học không bị duyên làm động.

Chuyên tâm tu: Đối với các pháp như thí, v.v... chuyên ý tu học không lẫn lộn với tướng khác.

Thường tu: Thực hành hoài không dứt.

Vô tội tu: Lúc tu thì lìa lỗi.

Theo khả năng nói bốn: Như kinh Tương Tục Giải Thoát và luận Địa Trì nói:

Đối trị: Trị được sáu tặc.

Thành Bồ-đề: Tu đủ các pháp như thí, v.v... sẽ được Bồ-đề.

Năng nhiếp tự tha: Tu hành các pháp như thí, v.v... sẽ giúp cho mình, người lìa lỗi sợ hãi, được an vui cao quý.

Được quả vị lai: Tu hành các pháp thí, v.v... Ở đời vị lai sinh trong đường thiện, hưởng phước báo thù thắng.

Hoặc chia làm năm, năm có ba môn:

Nhiếp tu phương tiện để nói về năm loại: Như kinh Tương Tục Giải Thoát nói:

Trước nên tu nhiều về tín giải, như luận Địa Trì nói: Ở chỗ Tám giải thoát khỏi lòng tin thanh tịnh.

Khởi văn tuệ, nghe Bồ-tát tạng làm phương tiện.

Hộ tâm Bồ-đề: Tâm là gốc của hạnh, nên phải giữ gìn.

Gần thiện tri thức: Tu hành nương bạn lành mà thành tựu, cho nên phải gần gũi.

Siêng năng tu học: Nghiệp lành không xen hở, bốn thứ trước là khởi tu phương tiện, một loại sau là tu các pháp lành như thí, v.v...

Lìa lỗi nói năm: Cũng như kinh Tương Tục Giải Thoát nói:

Vô ngại: Tu hành thí, v.v... trừ được sáu tệ.

Vô nguyện: Tu hành thí, v.v.. không mong danh lợi.

Vô lỗi: Đối với các pháp như thí v.v... xa lìa tạp nhiễm, không có lỗi phương tiện.

Không vọng tưởng: Không theo lời nói phân biệt chấp trước.

Hồi hướng Bồ-đề: Không dùng thí v.v... để cầu quả báo khác, chỉ cầu trí Phật.

Theo khả năng nói năm: Cũng như kinh Tương Tục Giải Thoát nói:

Nhờ vui tăng thượng sẽ được Bồ-đề.

Nhiếp lấy mình, người.

Được quả báo vị lai.

Xa lìa phiền não.

Chẳng đến đường ác.

Hoặc nói là sáu, như Nhiếp luận nói:

Tâm rộng lớn: Vì tất cả sinh tử vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp tu hành sáu độ không cho là đủ.

Tâm lâu dài: Vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp tu hành sáu độ không lo dài lâu.

Tâm tùy hỷ: Thấy các chúng sinh được Niết-bàn thanh tịnh, Bồ-tát tùy hỷ hơn người được kia.

Tâm ân đức: Chẳng thấy mình có ơn với chúng sinh, chỉ thấy chúng sinh có ơn với mình. Do họ chịu giáo hóa khiến mình thành tựu hạnh các độ.

Tâm đại chí: Đem tất cả gốc lành của mình tu hành, hồi hướng ban cho tất cả chúng sinh.

Tâm tốt đẹp: Đem thiện căn bố thí cho chúng sinh ở trên, thay chúng sinh hồi hướng Vô thượng Bồ-đề.

- Hoặc nói là bảy, như kinh Tương Tục Giải Thoát chép:

+ Tu hành bố thí, v.v... chẳng mong người khác biết.
 Đối với các pháp không chấp các kiến.
 Đối với Đại Bồ-đề không sinh nghi ngờ là đúng hay sai.
 Không khen mình chê người.
 Không cao mạn và không buông lung.
 Không vì kém ít mà cho là đủ.
 Không khởi xúc não, ganh ghét.
 - Hoặc lại nói chín, như luận Địa Trì nói:
 Tự tánh: Nói về hạnh thể.
 Tất cả: Nói về tướng của hạnh.
 Khó: Khởi pháp tu thù thắng khó làm mà làm được.
 Tất cả môn nhiếp hạnh rộng lớn, các hạnh đồng nhập.
 Người thiện khởi hạnh thuần thiện.
 Tất cả hạnh khởi thực hành đầy đủ.
 Công năng trừ não nói về hạnh: Tu hạnh bố thí, v.v...trừ được phiền não.
 Đời này, đời khác an vui, nêu lợi ích của hạnh. Tu hạnh thí, v.v... có công năng giúp cho mình, người được quả vui đời này, đời sau.
 Hạnh thanh tịnh tuy lìa lỗi, các loại này giải thích đầy đủ như Luận Địa Trì. Nếu lại chia rộng ra thì chia đến vô lượng.

5. Phân biệt theo các hành tướng khác nhau:

Lược chia thành bốn loại:
 Tu tâm khác nhau
 Hạnh tướng khác nhau
 Trị chướng khác nhau
 Được quả báo khác nhau.
 Tu tâm khác nhau: Như kinh Kim Quang Minh (quyển thứ bảy) nói mỗi một độ có năm tu tập.
 Nương năm pháp thành tựu Đàn độ:
 Đầy đủ tín căn.
 Khởi tâm từ bi.
 Tâm không cầu gì khác.
 Dùng bố thí, v.v... để nhiếp chúng sinh.
 Cầu Trí nhất thiết.
 Có năm pháp thành tựu giới độ:
 Thanh tịnh ba nghiệp.
 Không vì chúng sinh mà tạo nhân duyên phiền não.

Dứt đường ác, mở cửa các đường thiện.

Qua khỏi địa vị Thanh văn, Bích-chi-phật

Tất cả công đức đều nguyện đầy đủ.

Có năm pháp thành tựu nhẫn nhục:

- Hàng phục tham sân.

- Chẳng tiếc thân mạng.

- Suy nghĩ nghiệp cũ để tự khai mở.

- Vì thành tựu thiện căn cho chúng sinh, phát tâm từ bi.

- Vì được Vô sinh pháp nhẫn sâu xa.

Có năm pháp thành tựu Tinh tấn:

- Không bị phiền não cộng trụ.

- Phước đức chưa đủ, không an ổn được.

- Đối với tất cả hạnh khó làm không sinh tâm chán nản.

- Vì lợi ích chúng sinh, thành tựu đại từ.

- Cầu địa vị Bất-thối.

Có năm hạnh thành tựu Thiên định:

- Đối với pháp lành giữ gìn không tán loạn.

- Giải thoát sinh tử.

- Nguyện được thần thông, thành tựu chúng sinh.

- Tâm từ gọi rửa pháp giới, vì tâm thanh tịnh.

- Vì dứt trừ tất cả phiền não cho chúng sinh.

Có năm pháp thành tựu Bất-nhã:

- Đối với Phật, Bồ-tát cúng dường không nhằm chán vì cầu pháp.

- Đối với pháp cao sâu, ưa nghe không chán.

- Thành tựu thắng trí.

- Dứt được phiền não.

- Khéo đạt năm minh.

Nói về thành hạnh khác nhau: Như kinh Tương Tục Giải Thoát và luận Địa Trì nói: Sáu độ có ba loại:

Bố thí có ba:

1- Tài thí. 2- Pháp thí. 3- Vô úy thí.

Trì giới có ba:

1- Giới Luật nghi. 2- Giới Nhiếp thiện. 3-Giới Nhiếp chúng sinh.

Nghĩa này như trong chương Ba Tự ở trên đã nói rộng.

Nhẫn nhục có ba:

Nhẫn người khác tổn hại: Kham nhẫn người khác xúc não.

An nhiên chịu khổ: Là có năng lực chịu đựng khổ.

Tư duy Pháp hiểu được nhẫn: Trụ pháp bất động.

Tinh tấn có ba:

Tinh tấn Hoằng thế: Phát sinh nguyện lớn.

Tinh tấn nhiếp thiện, tự tu hạnh thiện.

Tinh tấn nhiếp hóa chúng sinh: Dùng điều thiện giáo hóa chúng sinh.

Thiền định có ba:

Trụ trong pháp hiện tại Nội tâm vắng lặng.

Sinh ra công đức: Nương Thiền định, phát sinh thần thông, bốn vô lượng, v.v...

Lợi ích chúng sinh: Nương thiền định, Bốn nhiếp làm lợi ích chúng sinh.

Trong tuệ có ba:

Phân biệt tùy giác: Tuệ đệ nhất nghĩa.

Tuệ thế để khéo đạt năm minh và ba nhóm pháp.

Tuệ lợi chúng sinh: Khéo dùng bốn nhiếp lợi ích chúng sinh.

3. Nói về nghĩa trị chương khác nhau:

Tu bố thí trị xan tham

Giới trị phạm giới cấm

Nhẫn trị tức giận

Tâm tinh tấn trị được biếng lười

Thiền định trị niệm thô.

Tuệ trị ngu si.

Năm thứ trước hàng phục, một loại sau dứt hẳn. Lý thật thì tuệ trị cả các lỗi. Chia tướng cũng vậy. Cũng có thể các lỗi thuộc tuệ trị gọi chung là ngu si.

4. Luận về nghĩa quả báo khác nhau:

Y theo kinh Tương Tục Giải Thoát, hạnh sáu độ mỗi thứ đắc một quả.

Do bố thí nên được niềm an lạc lớn.

Do trì giới nên sinh về đường thiện.

Do nhẫn nhục nên không có oán thù.

Do tinh tấn nên tùy pháp thiện tu được không bị duyên phá hoại.

Do thiền định nên phần nhiều gặp hỷ lạc, làm chủ chúng sinh cõi trời Phạm thiên, v.v...

Do có trí tuệ nên làm được nhiều việc, không bị tất cả sinh tử làm hại.

Nếu theo luận Địa Trì thì:

Thực hành bố thí: Ngoài được tài sản lớn, trong được năm quả

báo: Sắc đẹp, sức mạnh, sống lâu, an vui và biện tài vô ngại.

Năm độ còn lại, mỗi độ được một quả báo.

Nhờ trì giới nên sinh về cõi thiện, tuổi thọ v.v... đặc biệt.

Nhờ nhẫn nhục nên được phương tiện khéo léo, nhẫn sự xâm phạm ép ngặt của người mà không não hại chúng sinh.

Nhờ tinh tấn nên sinh ra đã có tất cả phương tiện vững chắc có công năng.

Nhờ thiên định nên hễ sinh ra chỗ nào thì chỗ đó ít trần uế (bụi dơ), biết nghĩa thông suốt.

Nhờ trí tuệ nên ở đời vị lai trí tuệ thêm rộng lớn.

Tướng khác như thế.

6. Nói về hạnh vị tu và nói đúng sai:

Việc làm có ba:

a- Vì cầu Bồ-đề. b- Vì niệm chúng sinh. c- Vì cầu thật tế.

Vì cầu Bồ-đề là tâm lớn (đại tâm)

Vì nhớ nghĩ chúng sinh: Nhập vào tâm rộng (khấp)

Vì cầu thật tế là tâm sâu xa. Tâm sâu xa nên lìa bỏ hữu vi. Không đồng với phàm phu. Tâm lớn và tâm rộng, không đồng với Nhị thừa.

Vì cầu Bồ-đề nên giữ gìn tâm nhỏ kia. Vì nhớ nghĩ chúng sinh nên giữ gìn tâm hẹp kia, chung thì sáu độ đều là ba việc này.

Như kinh Địa Trì nói: Bồ-tát vì cầu trí Nhất thiết nên tu hành sáu độ. Các loại như thế gọi là vì Bồ-đề. Như kinh Duy-ma nói: Dùng bố thí nhiếp san tham; giới nhiếp hủy cấm; nhẫn trừ tức giận; tinh tấn trừ biếng nhác; thiên định trừ niệm thô; tuệ trừ ngu si.

Trong kinh Thắng-man, vì thành tựu chúng sinh mà tu hành sáu độ. Các loại như thế gọi là vì chúng sinh.

Như kinh Đại phẩm nói, vì thấy thật tướng nên tu hành sáu độ. Kinh Niết-bàn nói: “Vì thấy thật tánh, tu hành sáu độ”. Các loại như thế gọi là thật tế.

Trong đó chia riêng: Hai môn trước là vì nhiếp chúng sinh. Hai môn giữa là cầu thật tế, hai môn sau là cầu Bồ-đề, các sự sai biệt này như kinh Duy-ma nói, nên kinh ấy chép: “Vì trừ san tham, nên khởi Đàn Ba-la-mật. Vì hóa độ kẻ phạm giới, nên khởi Thi-la Ba-la-mật, vì không ngã pháp, nên khởi Sằn-đề Ba-la-mật. Vì lìa tướng thân tâm nên khởi Tỳ-lê-gia Ba-la-mật. Vì tướng Bồ-đề nên khởi Thiền Ba-la-mật, vì trí nhất thiết, nên khởi Bát-nhã Ba-la-mật”.

Vì trừ san tham nên khởi Đàn Ba-la-mật là tự mình thực hành bố

thí và khuyên người khác bố thí.

Vì hóa độ người phạm giới, nên khởi Thi-la là tự mình trì tịnh giới và khuyên người trì.

Hỏi: Vì sao hai loại này chỉ vì chúng sinh?

Đáp: Vì đây thô dễ tu có thể làm được lợi ích cho chúng sinh, nên nghiêng về chúng sinh.

Vì không ngã pháp khởi Sần-đề: Vô ngã nghĩa là chúng sinh không, nương chúng sinh để thành tựu nhân, lại vì chúng sinh nên tu hành nhân nhục.

Vì lìa thân tâm khởi Tỳ-lê-gia: Lìa tướng thân tâm là pháp không, nương để thành tựu tinh tấn, lại vì đó khởi tinh tấn.

Hỏi: Vì sao hai loại này chỉ nương vào hai không?

Đáp: Vì hai hạnh này lúc tu còn có khổ, tại “có” khó thành, nương “không” dễ xong, nên nghiêng về nó. Lại nữa, hai pháp này nương pháp không ngăn được thoái tâm dễ nhập biên tế. Nên nghiêng về nó.

Vì tướng Bồ-đề, khởi Thiên-na: Bồ-đề là hạnh công đức của Phật, Thiên có công năng sinh ra hạnh này nên vì Bồ-đề mà khởi tu thiên định.

Vì trí nhất thiết, khởi Bát-nhã: Nhất Thiết trí là hạnh trí tuệ của Phật, Trí Bát-nhã có năng lực sinh ra hạnh này nên vì trí ấy mà khởi tu Bát-nhã.

Hỏi: Vì sao hai loại này chỉ vì Bồ-đề, trí nhất thiết?

Đáp: Trong các độ, Thiên định sinh ra công đức rộng lớn nhất. Đối với Đại Bồ-đề, khả năng sinh ra rất mạnh. Nên nghiêng về đó mà khởi tu thiên định. Bát-nhã là nhân của trí nhất thiết, sinh ra trí gần và mạnh, nên nghiêng vì nó mà khởi tu Bát-nhã. Vì là môn ẩn hiển.

Chỗ làm là như thế.

Đúng sai là thế nào?

Kinh nói: Sáu loại này có Ba-la-mật, và không phải Ba-la-mật. Nghĩa này thế nào? Nghĩa này chia làm ba cách giải thích:

- Theo thời độ để nói về đúng sai: Như kinh Ưu-bà-tắc nói, chỗ tu hành của hai A-tăng-kỳ trước chẳng phải Ba-la-mật, vì không phải thời độ, chỗ tu hành của A-tăng-kỳ thứ ba là Ba-la-mật, vì là thời độ.

- Phân biệt theo quả độ, như kinh Niết-bàn chép: Trong bốn tâm, tu đến quả đại Niết-bàn rốt ráo, là Ba-la-mật vì là quả độ. Còn không đủ bốn tâm này thì chẳng phải Ba-la-mật, không thể rốt ráo đến được Đại Niết-bàn vì không phải quả độ.

- Bốn tâm nào? Như Địa Trì nói:

Quyết định tu: Tâm tu vững chắc không bị duyên làm động
 Chuyên tâm tu: Ý tu tinh thuần không lẫn lộn ý tưởng khác.
 Thường năng tu: Thường giáo hóa chẳng dừng.

Vô tội tu: Xa lìa phiền não không có đạo phương tiện. Như kinh Niết-bàn (quyển 9,19) trong công đức đầu tiên có nói tướng này.

- Theo tự tánh thanh tịnh độ để nói về đúng và sai: tu hành theo sự không thể đến thật tánh các pháp, vì không phải Tự tánh thanh tịnh độ, nên không phải Ba-la-mật. Nhưng thật mà thành tự, phá bỏ tình tướng đến pháp thật tánh, là tự tánh thanh tịnh độ, gọi là Ba-la-mật.

Đúng và sai là như thế.

7. Nói về sáu độ nhiếp nhau:

Hạnh Bồ-tát khéo tu trong mỗi độ đều nhiếp tất cả, tất cả thành một.

Thế nào là mỗi độ đều nhiếp tất cả? Có hai cách giải thích:

1- Nghĩa nhiếp đồng, 2- Nghĩa nhiếp khác

Nhiếp đồng: Trong sáu độ, chỗ có nghĩa xả bỏ đều nhiếp về Đàn (bố thí). Nên luận Kim cang Bát-nhã nói: “Nghĩa Đàn nhiếp cả sáu. Tư sinh, vô úy, pháp. Trong đây một, hai, ba gọi là Tu hành tự”.

Tư sinh: Tài thí.

Vô úy: Vô úy thí.

Pháp: Pháp thí.

Một: Đàn độ đầu tiên là Tư sinh thí.

Hai: Giới và nhẫn là Vô úy thí.

Ba: Ba độ sau là Pháp thí.

Trong sáu độ: Có lỗi nạn đều xếp vào giới. Có nghĩa an nhẫn thì xếp chung vào Nhẫn. Có nghĩa siêng năng thì xếp vào Tinh tấn. Có nghĩa chẳng loạn thì xếp vào là Thiền. Có nghĩa lìa dính mắc thì xếp vào Bát-nhã.

Nhiếp khác: Như Kinh Đại Phẩm nói: Trong mỗi độ đều nhiếp các độ.

Thế nào là trong Đàn nhiếp cả năm độ kia?

Lúc tu hành bố thí, thân-miệng-ý thanh tịnh không phạm giới của Phật mà thực hành bố thí gọi là nhiếp giới.

Đối với sự tức giận, người nhận có bị đánh mắng vẫn chịu đựng làm lợi ích cho người gọi là Nhiếp nhẫn.

Đối với chúng sinh thường bố thí không mỗi một gọi là nhiếp tinh tấn.

Tâm thí chẳng tán loạn gọi là nhiếp Thiền định.

Phân biệt khéo tu gọi là nhiếp Bát-nhã. Lại trong bố thí không chấp, không giữ cũng gọi là Bát-nhã.

Thế nào là trong giới nhiếp cả năm độ kia?

Lúc tu hành giới, lìa sát sinh, trộm cắp, v.v..., đem đến sự an vui cho khắp cả chúng sinh là nhiếp bố thí.

Dùng năng lực chịu đựng không bị các lỗi gọi là nhiếp nhẫn nhục.

Trì giới không ngừng gọi là nhiếp tinh tấn.

Một lòng trì giới lìa lỗi, mà vẫn vắng lặng gọi là nhiếp thiền định.

Phân biệt khéo tu gọi là nhiếp Bát-nhã. Lại nữa, đối với giới, không chấp, không trước cũng gọi là Bát-nhã.

Thế nào là trong nhẫn nhiếp cả năm độ kia?

Lúc tu hành nhẫn, không làm cho chúng sinh sợ hãi, bố thí an vui cho họ gọi là nhiếp bố thí. Lại nhẫn sự nghèo khổ ban bố tiền tài cho người cũng gọi là nhiếp thí.

Vì an nhẫn nên lìa giết hại, trói buộc, v.v... gọi là nhiếp giới.

Kham nhẫn chẳng dừng gọi là nhiếp tinh tấn.

Tâm nhẫn không loạn động gọi là Nhiếp thiền định.

Phân biệt khéo tu gọi là Nhiếp Bát-nhã. Lại nữa, trong nhẫn, không chấp, không trước cũng gọi là Bát-nhã.

Thế nào là tinh tấn nhiếp cả năm độ kia?

Vì tinh tấn nên siêng tu pháp thiện, lợi ích chúng sinh, gọi là nhiếp bố thí.

Siêng dứt các điều ác gọi là nhiếp trì giới.

Dùng năng lực mạnh mẽ nhẫn chịu mọi sự khổ gọi là nhiếp nhẫn nhục, giữ vững tinh tấn gọi là nhiếp thiền định.

Phân biệt khéo tu gọi là nhiếp Bát-nhã. Lại, tinh tấn xa lìa chấp trước cũng gọi là Bát-nhã.

Thế nào là trong thiền định nhiếp cả năm độ kia?

Nương thiền bỏ chấp trước, từ bi làm lợi ích cho người gọi là nhiếp bố thí.

Nương thiền lìa lỗi gọi là nhiếp trì giới.

Định tâm trụ duyên, an nhẫn, không động gọi là nhiếp nhẫn nhục. Lại, nương thiền định phát tâm từ bi, kham nhẫn bị chúng sinh đánh mắng, lừa dối vẫn thuận theo nhiếp độ họ cũng gọi là Nhẫn.

Cầu thiền định sâu xa không ngừng nghỉ gọi là nhiếp tinh tấn.

Phân biệt khéo tu gọi là nhiếp Bát-nhã. Lại nữa, không mê đắm thiền vị cũng gọi là nhiếp Bát-nhã.

Thế nào là Bát-nhã nhiếp cả năm độ kia?

Lúc tu hành tuệ, hay ban bố cho chúng sinh gọi là nhiếp bố thí.

Dùng tâm trí tuệ quán chiếu tội lỗi, không gây lỗi gọi là nhiếp trì giới.

Đối với các pháp suy nghĩ chẳng động gọi là nhiếp nhẫn nhục.

Lại dùng trí tuệ chịu đựng phiền não do sự người khác ra gây cũng gọi là nhiếp nhẫn nhục.

Quán pháp không khởi vọng tưởng cũng gọi là nhiếp thiền định.

Đối với các pháp không khởi vọng tưởng cũng gọi là nhiếp thiền định.

Lại nương trí tuệ phân biệt khéo tu tất cả Tam-muội cũng gọi là nhiếp thiền định.

Tướng nhiếp là như thế.

8. Nói về nghĩa trợ giúp và dẫn dắt làm nhân:

Trước nói về tư và đạo: Phước có thể trợ giúp, tuệ có thể hướng dẫn đạt được. Dẫn dắt và trợ giúp, lược có năm loại khác nhau:

Tư và đạo sinh nhau, chỉ mong mà chưa khởi: Phước đã sinh giúp cho trí chưa sinh được sinh. Trí đã sinh dẫn dắt cho phước chưa sinh khiến được khởi.

Tư và đạo thành nhau, nghĩa ở đồng thời: Phước đồng thời giúp trí đồng thời khiến cho sáng sạch. Trí đồng thời dẫn dắt, phước đồng thời khiến cho vững chắc không thể phá hoại.

Trợ giúp và dẫn dắt xả bỏ tướng cũng ở đồng thời: Phước đồng thời giúp trí đồng thời chẳng dính mắc vào Không. Trí đồng thời chỉ đạo, phước đồng thời không nhiễm vào “hữu”.

Trợ giúp và dẫn dắt đắc quả có nghĩa rộng thông: Vì rộng thông nên lúc một phước khởi có thể giúp trí tuệ đã sinh, chưa sinh, khiến gần Bồ-đề. Lúc một trí hiện có thể dẫn dắt phước trí đã sinh, chưa sinh khiến gần đạo quả. Vì các hạnh cùng đưa đến một quả nên phước trí kia, lúc mỗi một thứ hiện thì trợ giúp và dẫn dắt tất cả.

Theo hành trước hay sau để nói về trợ giúp và dẫn dắt: Phước hạnh sinh trước, trí tuệ khởi sau. Vì sinh trước nên phước giúp cho trí chưa sinh khiến cho được sinh. Vì trí sinh sau dẫn dắt phước khởi trước, giúp ra khỏi sinh tử, thú hưởng Niết-bàn.

Tư và đạo như thế.

Nói về nghĩa sáu độ làm nhân: Trong đây dùng riêng ba môn để giải thích:

Nói sáu độ có phần hạn cạn sâu.

Nói quả đức có sai biệt không đồng.

Đem sáu độ đối quả để nói về nhân.

Phần hạn: Có ba nghĩa:

Sáu độ duyên tu: Trong sáu thức, bảy thức tâm, duyên quán tu tập.

Sáu độ chân thật có tạo tác: Nương duyên tu trước, phát động chân tâm khiến các hạnh trong chân tâm nhóm khởi. Đây là thế gian, xuất thế gian có tạo tác thanh tịnh cao siêu trong Bát địa trong Địa Kinh (luận quyển 10). Năm công đức trước gọi là Thế gian, một trí tuệ sau gọi là Xuất thế. Đây từ duyên sinh nên nói có tạo tác (hữu tác).

Sáu độ chân thật không tạo tác: Tự thể của chân tâm là pháp tánh của tất cả các công đức. Như tâm vọng tưởng tuy chẳng đối duyên hiện khởi phiền não mà tự thể là tánh của tất cả phiền não. Chân tâm như thế, tuy không đối duyên hiện khởi các công đức mà thể là tánh của tất cả các công đức. Nên Ngài Mã Minh nói: “Từ xưa đến nay vẫn đầy đủ vô lượng pháp tánh công đức. Tánh công đức này vốn bị vọng che, dường như bất tịnh. Sau dùng vọng nhiễm, tánh vốn ẩn lại hiển thành đức ngày nay, gọi là không tạo tác sáu Ba-la-mật. Đây là thế gian, Xuất thế gian tịnh thắng không tạo tác ở Bát địa trong Địa Kinh.”

Nói về phần hạn như thế.

Quả đức: Có hai:

Quả Tánh tịnh, xưa ẩn nay hiển Quả

Phương tiện, vốn không nay có. Nói về quả đức như thế

Đem sáu độ đối quả để nói về nhân: Có hai:

Duyên-chính phân biệt: Quả Vọng tánh tịnh, sáu độ không tạo tác làm chính nhân. Hai thứ sáu độ kia làm duyên. Quả Vọng phương tiện là sáu độ có tạo tác làm chính nhân, hai thứ sáu độ kia làm duyên.

Phân biệt Sinh nhân và liễu nhân: So với Quả thì tánh tịnh là sinh nhân, liễu nhân không nhất định:

Nếu nói từ không khiến có gọi là sinh, thì quả tánh tịnh chỉ là liễu nhân chứ không phải do sinh nhân sinh ra. Như kinh Niết-bàn nói: vì chẳng phải vốn không. Theo liễu nhân, thì hai thứ sáu độ duyên tu và có tạo tác, dị tướng hiển rõ, nên gọi là liễu nhân. Sáu độ không tạo tác, tự thể hiển rõ làm quả đức, nên nói là liễu nhân.

Nếu nói chính khởi cho là sinh nhân, bàng trợ (bên cạnh giúp) là liễu, thì quả tánh tịnh có hai nhân: Sáu độ không tạo tác là sinh nhân. Hai thứ sáu độ kia là liễu nhân. So với quả phương tiện, sinh nhân và liễu nhân chẳng nhất định.

Nếu nói liễu đối với cái có sẵn gọi là Liễu thì quả phương tiện chỉ do sinh nhân sinh ra chứ không phải liễu nhân liễu biết. Vì chẳng phải vốn có. Theo sinh nhân thì sáu độ có tạo tác là chánh nhân sinh ra, hai thứ sáu độ kia là duyên nhân sinh ra.

Nếu nói chánh khởi là sinh nhân, bàng trợ (bên cạnh giúp) là liễu, thì quả phương tiện có đủ hai nhân, như kinh Niết-bàn nói: Sáu độ có tạo tác là sinh nhân, hai thứ sáu độ kia là duyên của liễu nhân.

Hỏi: Tu sáu độ là liễu thì có thể hiểu, còn sáu độ không tạo tác vì sao gọi là liễu?

Đáp: Do thấy pháp kia thành trí Bồ-đề, như sắc sinh thức, nên gọi là Liễu nhân. Vì thể tánh hiển rõ thành quả kia.

9. Ý theo vị để phân ra khác nhau và nói về hơn kém:

Phân ra khác nhau: Sáu độ theo địa vị có hai loại khác:

Khác riêng: Như Địa Kinh nói, Bồ-tát Sơ Địa thì Đàn độ tăng thượng, cho đến Lục địa thì Bát-nhã tăng thượng.

Khác chung: Như kinh Tương Tục Giải Thoát nói, nghĩa sáu độ chia làm ba.

Gọi thẳng là Ba-la-mật.

Thượng Ba-la-mật.

Đại Ba-la-mật.

Bồ-tát Địa Tiền phiền não cũng hiện hành, pháp lành cũng khởi, chẳng thể khởi hơn. Cho nên gọi ngay là Ba-la-mật. Sơ địa trở lên cho đến Thất địa, phiền não không hiện hành, chỉ khởi pháp lành, tùy phần bình đẳng, lìa nhiễm thanh tịnh gọi là Thượng Ba-la-mật. Lục địa trở lên, tánh (kiết) sử nhỏ nhiệm rốt ráo dứt hẳn, khéo thực hành sâu rộng gọi là Đại Ba-la-mật.

Nói về ẩn hiện như thế, chung thì các nghĩa đồng nhau.

Nói về hơn, kém: Có hai giải thích:

Phân biệt xếp vào thiện.

Phân biệt trị hoạn.

Xếp vào thiện, có bốn nghĩa:

Phân biệt theo vị: Đàn ở Sơ Địa cho đến Bát-nhã ở Lục địa. Đàn ở Sơ địa là kém nhất. Giới ở Nhị địa nên hơn. Như thế tăng dần cho đến

Bát-nhã ở Lục địa là hơn hết, nghĩa này như Địa kinh nói.

Phân biệt theo khả năng: Tinh tấn và Bát-nhã có thể thúc đẩy, dẫn dắt tất cả hạnh, nên nói là hơn. Các độ kia thì không như thế, nên nói là kém. Một nghĩa này như Địa Trì nói, luận ấy cho rằng: Tinh tấn, Bát-nhã trong sáu độ hơn các Ba-la-mật khác. Như trong Bốn Nhiếp thì ái ngữ hơn; trong Bốn vô lượng thì đại bi là hơn hết.

Tất cả như thế.

Phân biệt Chủ-bạn: Tuệ là hạnh, đứng đầu gọi là hơn. Năm độ kia là bạn giúp, gọi là kém. Một nghĩa này như kinh Đại Phẩm nói, Địa luận (quyển 3) cũng nói: Quyển thuộc của trí là Đản, v.v...

Phân biệt theo thuyết và hành thành nhau: Cả sáu đều hơn, cả sáu đều kém, vì sao như thế?

Hành của sáu độ giúp thành lẫn nhau.

Hạnh Đản làm chính, năm loại kia giúp thành. Do Hạnh Đản là chính nên gọi là hơn, năm hạnh kia là giúp nên nói là kém.

Cho đến Bát-nhã cũng đồng như vậy.

Một nghĩa này như phẩm sáu độ nhiếp nhau trong kinh Đại Phẩm nói. Trong nghĩa nhiếp Thiện có bốn thứ khác này.

b. Trong nghĩa trị hoạn: cũng có bốn loại:

Đối nghiệp phiền não mà nói về hơn, kém

Giới đối trị nghiệp sai trái, các độ kia trị phiền não. Nghiệp quấy dễ ngừa, hạnh trị được nó bị cho là kém. Phiền não là gốc, sâu xa nhỏ nhiệm khó dứt trừ, trị được nó thường cho là hơn.

Hỏi: Nếu vậy vì sao giới ở trên bố thí?

Đáp: Ở trên có thể khởi phiền não phạm giới, khó trị san tham, nên giới trị được phải ở trên bố thí. Chẳng phải phá giới tế đối với san tham nên giới ở trên tế. Nên trong năm pháp thiện như Tín, giới, v.v..., giới trước, thí sau. Sáu niệm cũng như vậy.

Đối với sử và chẳng phải sử để nói về hơn, kém.

Trong sáu độ, nhẫn và tuệ đối trị sử hoặc: Nhẫn trị sân sử, tuệ trị si sử. Các độ kia đối trị không phải sử. Bố thí trị san cấu, cho nên chẳng phải sử. Giới ngừa nghiệp sai quấy, nên cũng không phải sử. Tinh tấn và Thiện trị phiền não cấu, nên cũng chẳng phải sử.

Sử mạnh khó dứt, chỉ nhẫn và tuệ mới trừ được nên nói là hơn, chẳng phải sử dễ trừ thì bốn độ kia trừ nó nên nói là kém.

Hỏi: Vì sao hai hạnh nhẫn và tuệ trị riêng tánh sử ?

Đáp: Trong sáu độ, ba độ trước là “năng lực giáo hóa chúng sinh”, ba độ sau là “Năng lực hộ phiền não”. Trong sử giáo hóa chúng sinh

thì nhẫn là hơn, những độ kia là kém. Trong ngăn ngừa phiền não, tuệ là hơn, các độ kia là kém. Nay theo chỗ hơn để nói về trừ sử hoặc. Các thứ khác bỏ không nói.

Phân biệt hàng phục và dứt hẳn.

Năm độ trước hàng phục nên nói là kém. Bát-nhã dứt hẳn nên nói là hơn.

Theo lối nói chung, sáu độ đều có nghĩa hơn, kém.

So với bệnh tham, sân thì bố thí là hơn, các độ kia là kém.

Đối với bệnh phá giới, thì Trì giới là hơn.

Cho đến đối trị bệnh ngu si thì Bát-nhã hơn hết, các độ kia là kém.

Cho nên sáu độ đều có hơn, kém.

10. Nói về thứ lớp khởi nhân:

Như Địa Trì nói: Ban đầu không đoái hoài tài sản, xa lìa xuất gia. Nên trước hết nói về bố thí. Đã xuất gia rồi thọ giới Bồ-tát, tinh trì không phạm, nên kế là nói về giới. Vì hộ giới nên năng lực của nhẫn thanh tịnh, không làm cho chúng sinh sợ hãi, nên kế đó nói về nhẫn. Nhờ năng lực của nhẫn nên sẽ an ổn đối với duyên khổ, siêng tu phương tiện pháp thiện không xen hở nên tiếp theo nói về tinh tấn. Vì tinh tấn không buông lung, nên khéo nhất tâm, vì thế tiếp theo nói về thiền. Tâm khéo hợp nhất nên được tri kiến chân thật, nên kế nói về tuệ.

Hỏi: Tinh tấn thúc đẩy chung các hạnh, là gốc của các hạnh. Sao không nói đầu tiên mà lại xếp vào thứ tư?

Đáp: Tinh tấn tuy thúc đẩy các hạnh, nhưng tùy nghĩa chia riêng, hoặc thuộc ba độ trước, hoặc thuộc hai độ sau, nên xếp vào thứ tư.

Thế nào là thuộc trước: Như Địa Trì nói: Bốn độ trước là giới học. Tinh tấn là chỗ nương của giới hạnh, nên ở thứ tư.

Thế nào là thuộc sau? Như Ngài Long Thọ nói: Thí giới và nhẫn, người đời có thể thực hành không cần tinh tấn. Nên chẳng xếp đầu tiên.

Vì sao không cần nói?

Như người có pháp chủ khách phải cúng dường; hoặc vì các nhân duyên mà thực hành bố thí. Cho đến súc sinh cũng biết bố thí thức ăn. Cho nên bố thí không cần tinh tấn. Lại nữa, người đời thấy người làm ác bị phép vua trị tội, nên thuận theo không làm lỗi; hoặc sợ tiếng xấu, hoặc nghĩ các thứ khổ não thế gian, tránh tội không làm; hoặc có tánh thiện không ưa làm ác, không do tinh tấn. Lại như người đời bị đánh

mãng, v.v... vì sợ nên không đánh lại, hoặc sức yếu không thể trả thù, hoặc tánh nhẫn nhục nhu hòa không đáp trả nên chẳng nhờ tinh tấn. Lại, trong ba thứ trước tuy có tinh tấn nhưng ít nên không nói.

Thiền, trí tuệ sâu kín, chúng sinh ở thế gian không thể tự khởi, phải nhờ tinh tấn nên trước thiền định và trí tuệ nói về tinh tấn. Vì sao? Vì thiền định là pháp cao siêu của Bồ-tát Địa thượng, siêng năng tu tập mới hiện. Bát-nhã là y theo lý thực hành sâu, chuyên tu mới thành nên siêng năng cần tinh tấn. Lại, trong thiền định và trí tuệ, lúc được cảnh giới cao siêu, tâm siêng năng càng thêm, ví như người đời đào giếng thấy đất ướt; dùi cây (lấy lửa) thấy khói, tâm cầu càng mạnh. Ở đây cũng như thế. Vì tăng thêm nên nói nghiêng về nó.

Lại nữa, ba loại trước nương sự tu hành, hai loại sau nương nghĩa mà thành. Bỏ sự vào nghĩa không siêng năng thì không thể được nên xếp vào thứ tư.

Hỏi: Nếu có ba phước hạnh ở trước, chỗ nguyện đều được, đâu cần tinh tấn mới được thiền định, trí tuệ?

Ngài Long Thọ giải thích: Phật đạo sâu xa, khó khăn tuy có ba loại trước, cũng không thể thành tựu, phải nhờ tinh tấn mới được thiền định, trí tuệ và các Phật pháp. Kinh Địa Trì nói: Đức Thế Tôn dùng mọi cách khen ngợi tinh tấn là nhân của Bồ-đề.

Nghĩa sáu độ nói sơ như thế.

18. NGHĨA SÁU NIỆM

Chia làm năm môn

- 1- Giải thích danh nghĩa.
- 2- Nói về tướng khai hợp.
- 3- Y theo biệt giải thích rộng.
- 4- Thứ lớp.
- 5- Việc làm của niệm.

1. Giải thích tên gọi :

Nghĩa sáu niệm xuất xứ từ kinh Niết-bàn (Bản Bắc quyển 17). Giữ cảnh gọi là niệm. Niệm chia khác nhau, một môn nói có sáu thứ, sáu thứ gồm:

- 1- Niệm Phật. 2- Niệm Pháp. 3- Niệm Tăng.
- 4- Niệm giới. 5- Niệm thí. 6- Niệm trời.

Trong sáu niệm ấy ba niệm đầu là pháp học, hai niệm giữa là pháp hành của mình, một niệm sau là quả Niết-bàn mình thành tựu.

Niệm Phật: Giác nên gọi là Phật, niệm có bốn nghĩa:

Duyên theo Như Lai có công đức lớn, là Đại sư vô thượng của các chúng sinh, gọi là niệm Phật.

Duyên theo đức của Phật, niệm (nghĩ) mình sẽ đồng; gọi là niệm Phật.

Duyên theo đức của Phật muốn ban cho chúng sinh, gọi là niệm Phật.

Lìa vọng tưởng tương ứng với đức chân thật của Như Lai, gọi là niệm Phật.

Niệm Pháp: Khuôn phép gọi là Pháp, niệm có bốn nghĩa:

Duyên pháp bảo có công đức lớn là thuốc hay vô thượng của chúng sinh, gọi là niệm Pháp.

Duyên pháp bảo, nghĩ mình sẽ chứng, gọi là niệm Pháp.

Niệm pháp bảo muốn truyền cho chúng sinh, gọi là niệm Pháp.

Lìa vọng tưởng, tương ứng với pháp gọi là niệm Pháp.

Niệm Tăng: Hòa hợp nên gọi là Tăng, niệm có bốn nghĩa:

Duyên Tăng bảo có công đức lớn, là ruộng phước tốt đẹp, sâu dày của các chúng sinh, gọi là niệm Tăng.

Duyên tăng đức, nghĩ mình sẽ làm, gọi là niệm tăng.

Duyên tăng hạnh, muốn cho chúng sinh, gọi là niệm tăng.

Lìa vọng tưởng, tương ứng với hạnh, tăng tấn hạnh chân thật kia, gọi là niệm tăng.

Niệm giới: Ngăn cấm gọi là Giới. Niệm có bốn nghĩa:

Duyên giới hạnh có thể lực lớn, có thể trừ pháp ác bất thiện của chúng sinh, gọi là niệm giới.

Nhớ giới mình đã thọ, giữ gìn cẩn thận, gọi là niệm Giới.

Niệm giới của mình, khéo khuyên người đồng tu tập, gọi là niệm Giới.

Lìa vọng tưởng, được thật tánh của giới thanh tịnh, không nhiễm, gọi là niệm giới.

Niệm thí: Ban cho gọi là thí. Niệm có bốn nghĩa:

Niệm hạnh thí có công đức lớn, phá được bệnh nặng san tham của chúng sinh, gọi là niệm Thí.

Nghĩ pháp hành của mình, siêng năng tu tập, gọi là niệm thí.

Nghĩa là dùng bố thí để nhiếp lấy chúng sinh, gọi là niệm thí.

Lìa vọng tưởng, được thật tánh của thí, không bị dính mắc, gọi là niệm thí.

Hỏi: Hành có sáu độ riêng biệt, nay ở đây vì sao chỉ niệm giới,

thí?

Đáp: Vì lược nên nói hai pháp ấy.

Hỏi: Trong sáu độ trước là thí, sau là giới ? Vì sao ở đây trước lại nói Giới sau lại nói Thí ?

Đáp: Hành có hai thứ lớp:

Thứ lớp thô, tế: Bồ thí là hạnh thô dễ làm, cho nên tu trước. Trì Giới là hạnh tế khó làm, do đó tập sau.

Thứ lớp dừng, làm: Trước phải dừng ác, sau đó làm lành. Giống như áo nhuộm, trước phải giặt sạch trừ bẩn, rồi mới nhuộm màu. Giới là hạnh dừng, cho nên nói trước. Thí là tác hạnh, do đó nói sau. Trong sáu độ kia, nương môn tế, thô nên trước nói thí. Trong sáu niệm này, nương môn chỉ, tác nên trước nói về giới.

Niệm trời: Mình vắng lặng tương lai sẽ thành Niết-bàn vắng lặng, gọi là Trời, có ánh sáng thanh tịnh, được thọ dụng tự nhiên cũng gọi là trời. Niệm có bốn nghĩa:

Duyên tất cả chủng đức của lực vị lai, vô úy v.v... có phước lợi lớn, gọi là niệm trời.

Duyên ngay quả khởi ý thành cả, gọi là niệm trời.

Duyên ngay quả muốn cho chúng sinh, gọi là niệm trời.

Lìa vọng tưởng, tương ứng với cảnh giới Bồ-tát kia, gọi là niệm trời.

Danh nghĩa như thế.

2. Khai hợp nói về tướng

Khai hợp không cố định, quan trọng chỉ có ba: Niệm Phật, Niệm Pháp, Niệm Tăng. Nên Tạp Tâm nói: “Vì khai mở niệm Phật, pháp, Tăng cho chúng sinh nên nói kệ này”, đó là nói kệ Quy kính Tam Bảo.

Hoặc chia làm sáu như trên đã nói.

Hoặc chia làm tám, như luận Đại Trí nói, ở sáu loại trên thêm hai loại nữa:

Niệm hơi thở ra vào: Pháp môn cột ý trụ vào đếm hơi thở.

Niệm chết: Thường tu quán tưởng chết.

Hoặc chia làm mười, như luận Đại Trí, phẩm Ma-ha-diễn nói: Ở tám loại trước, thêm hai loại nữa:

Niệm diệt: Niệm Niết-bàn vô vi vắng lặng kia khởi ý cầu hưởng đến.

Niệm thân: Tự niệm thân mình vô thường, khổ, không, bất tịnh,

vô ngã, tu hành nhằm chán xa lia.

Hoặc chia thành mười một, như kinh (Địa Kinh) nói:

1- Niệm Phật. 2- Niệm Pháp. 3- Niệm Tăng.

4- Niệm Bồ-tát. 5- Niệm hạnh Bồ-tát. 6- Niệm Ba-la-mật.

7- Niệm Thập địa. 8- Niệm năng lực bất hoại. 9- Niệm vô úy

10- Niệm pháp bất cộng. 11- Niệm trí nhất thiết chủng nhất thiết

trí.

Mười một loại này vẫn là sáu niệm:

Niệm Phật, niệm pháp đồng với hai niệm đầu trong sáu niệm.

Niệm Tăng, Bồ-tát thuộc niệm tăng trong sáu niệm.

Niệm hạnh Bồ-tát, niệm Ba-la-mật, Thập địa là thuộc niệm giới, niệm thí trong sáu niệm. Trong sáu niệm sơ lược nên chỉ niệm thí, giới. Trong đây rộng nên niệm luôn tất cả.

Niệm lực, v.v... ở sau là thuộc niệm trời trong sáu thứ nhiếp.

Rộng thì vô lượng. Nay y cứ một môn nói sáu loại.

Khai hợp như thế.

3. Nói rộng

Niệm Phật: Như kinh Niết-bàn chép: Niệm mười tên gọi công đức của Phật là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Mười hiệu này như trong chương Mười hiệu ở sau sẽ phân biệt rộng. Đức của Phật vô lượng, nay y cứ một môn để nói mười loại này. Vì tên gọi này sinh ra nghĩa niệm mạnh nên chỉ niệm về mười hiệu này.

Niệm Pháp: Theo luận Đại Trí, pháp có hai loại:

Niệm giáo pháp: Ba tạng, mười hai bộ kinh.

Niệm nghĩa pháp: Ba pháp ấn Vô thường, Vô ngã, Niết-bàn.

Cũng được chia làm ba:

Niệm giáo pháp: Ba tạng, v.v...

Niệm lý pháp: Hai đế, một thật đế, v.v...

Niệm hành pháp: Nghi thức khởi hạnh ba học, v.v...

Niệm tăng: Niệm chúng Ba thừa và hạnh đức bậc thành tựu.

Niệm giới:

Theo tánh chia làm hai, như Ngài Long Thọ nói:

a- Niệm giới hữu lậu. b- Niệm giới vô lậu.

Hỏi: Niệm thắng vô lậu là đủ, đâu cần niệm giới hữu lậu kia làm gì?

Ngài Long Thọ giải thích: Nhờ giới hữu lậu mà được giới vô lậu, cho nên niệm cả. Như người theo giặc mà lại phá được giặc, vua cũng thưởng cho, kia cũng như thế.

Theo hạnh chia làm ba:

a- Niệm luật nghi. b- Niệm nhiếp thiện. c- Niệm nhiếp chúng sinh.

Tùy nghĩa chia thành tám, như Ngài Long Thọ nói:

Giới thanh tịnh.

Không thiếu sót.

Giới không bị rách.

Không xuyên giới.

Không tạp giới.

Giới tự tại.

Giới không dính mắc.

Giới được người trí khen ngợi.

Giới thanh tịnh: Như luận giải thích rằng không có dấu vết gọi là giới thanh tịnh. Câu này làm sáng tỏ cả năm thiên thanh tịnh.

Giới không thiếu sót: Trừ, thiên đầu và thiên thứ hai là ác nặng gọi là giới không thiếu sót.

Giới không phá: Luận lại giải thích:

Thân không làm ác gọi là giới không thiếu sót

Miệng không nói ác gọi là giới không phá.

Giới không lọt: Luận nói: Thiện tâm hướng về Niết-bàn, không cho phiền não ác giác lọt vào gọi là giới không lọt.

Giới không xen lẫn: Chính vì Niết-bàn, không vì quả báo thế gian, gọi là giới không lẫn lộn.

Giới tự tại: Luận nói: Theo giới, không theo duyên bên ngoài, không bị ái kết làm chướng ngại gọi là giới tự tại.

Giới không chấp trước: Luận nói: Đối với giới không chấp trước giới tướng, chẳng sinh yêu đắm gọi là giới không chấp trước.

Giới người trí khen ngợi: Trì giới thanh tịnh thường được Hiền Thánh khen ngợi, gọi là giới người trí khen ngợi.

- Nghĩ bố thí: Nghĩ thực hành tài thí, pháp thí, vô úy thí, v.v...

- Nghĩ Trời: Theo kinh Niết-bàn (quyển 22), trời có ba loại:

- Sinh thiên: Từ Tứ thiên vương cho đến Phi tướng.

- Tịnh thiên: Tất cả Hiền Thánh Ba thừa.

- Trời đệ nhất nghĩa: Là quả đức của Phật

Trong ba loại này, Bồ-tát chỉ nghĩ về Trời đệ nhất nghĩa, vì quả

cầu rớt ráo.

Theo Luận Đại Trí Độ, trời có bốn loại:

- Giả hiệu thiên: Cũng gọi là Danh tự thiên, như người đời gọi vua là Thiên vương hay Thiên tử.

- Sinh thiên: Tứ thiên vương cho đến Phi tưởng.

- Tịnh Thiên: Các Hiền Thánh.

- Sinh tịnh thiên: Bạc Thánh thọ sinh trong ba cõi.

Trong bốn loại này, niệm sinh thiên và sinh tịnh thiên kia, vì đây vị lai lên thắng quả.

Hỏi: Chúng đệ tử Phật đáng lẽ niệm Tam bảo, vì sao lại niệm sinh Thiên kia?

Đáp: Vì đây là quả nghiệp thiện của chính mình.

Hỏi: Sinh Thiên là pháp phàm phu, vì sao lại niệm?

Đáp: Có người không thể nhập Niết-bàn, nên niệm sinh thiên kia, khởi hạnh cầu hưởng về.

4. Nói về thứ lớp:

Phật là quả đức rớt ráo để học, nên niệm trước Phật.

Phật do pháp mà thành, nên kế là niệm Pháp.

Pháp do người thực hành mới có thể đến quả, nên tiếp theo là niệm Tăng.

Trước nương Tam Bảo, phát khởi tu hành. Trước lìa mười điều ác, nên kế là niệm Giới.

Vì giới phá ác liền sinh được thiện, nên kế là thực hành Thí.

Nương giới, nương thí có thể được Niết-bàn đệ nhất nghĩa thiên, nên tiếp theo là niệm Trời.

Lại, theo Ngài Long Thọ (Trí luận quyển 22): Phật là vị hóa chủ nói pháp, nên trước là niệm Phật.

Nương Phật nói pháp, nên kế là niệm Pháp.

Tăng theo lời Phật mà hiểu, thực hành nên kế là niệm Tăng.

Tăng do giới thành nên tiếp theo là niệm Giới.

Nhờ giới phá ác liền thực hành thí, nên kế là niệm Thí.

Nhờ giới và thí nên được hai quả báo: sinh Thiên và sinh Tịnh thiên. Hành giả bậc trung được sinh thiên, hành giả Tăng thượng được sinh lên Tịnh thiên. Nên sau là niệm Thiên.

Thứ lớp như thế.

5. Nói về pháp hành của niệm:

Pháp hành có bốn:

Vì dứt sợ hãi hiện tại. Như Ngài Long Thọ (Trí Luận quyển 21) nói: Hoặc có ác ma đến làm cho hành giả sợ hãi, Phật liền dạy người tu tập sáu niệm. Nếu có sợ hãi thì niệm Phật liền diệt. Như chúng Trời và chúng A-tu-la đánh nhau, tâm sinh sợ hãi, nếu có vị nào nhớ nghĩ cờ báu của Đế-thích thì sợ hãi liền diệt. Nếu có sợ hãi thì niệm Pháp liền diệt, như trời lúc sợ, nhớ nghĩ cờ báu của Thiên vương Y-na-xá, mặt bên trái của Đế-thích thì hết sợ; lại niệm cờ báu của thiên vương Bà-lâu-na mặt bên phải cũng hết sợ. Hoặc có sợ hãi niệm thiện căn thí, giới mình đã tu và quả báo cõi trời cũng trừ diệt được.

Vì ra khỏi nhân quả sinh tử nên tu sáu niệm.

Vì cầu Nhất thiết chủng đức của Phật nên tu sáu niệm.

Vì hóa độ tất cả chúng sinh nên tu sáu niệm.

Nghĩa sáu niệm nói sơ như thế.

19. NGHĨA SÁU THỨ QUYẾT ĐỊNH

Sáu thứ quyết định xuất xứ từ luận Địa Kinh. Đây là tâm của Bồ-đề xuất thế, tức thật không lui sụt gọi là quyết định. Quyết định này là thể của Thập địa. Trong Địa Kinh, lúc mới khai tông, nói rằng: Bồ-tát nguyện thiện quyết định không tạp, chẳng thể thấy rộng lớn như pháp giới, rất ráo như hư không, tận mé vị lai, che chở tất cả chúng sinh giới, có thể nhập vào trí địa của chư Phật ba đời. Tuy nói nguyện khéo nạp hết mọi đức nhưng đều ở trong đó. Tướng trạng của các đức khó nói cho hết. Nay y cứ một môn mà nói sáu thứ. Sáu thứ quyết định là:

Quyết định quán tướng thiện

Quyết định thiện Chân thật

Quyết định Thắng thiện

Quyết định Nhân thiện

Quyết định Đại thiện

Quyết định Thiện không yếu đuối.

Trong sáu thứ này, năm thứ trước là công đức tự phần, một loại sau là thắng tấn. Nên trong Địa Trì, loại thứ sáu gọi là Tăng trưởng thắng phần rất ráo Bồ-đề.

Trong tự phần, bốn loại đầu là tự lợi, một loại sau là lợi tha. Theo tự lợi, hai loại trước là thể của hạnh, một loại kế là đức của hạnh, một loại sau là hạnh năng tạo “nhân”.

Trong thể, loại đầu nói về quán giải phá tướng nhập vào Như. Một loại sau nêu kế hợp thật, là tướng.

Quán tướng: Luận tự giải thích là chân như quán tướng một vị. Một vị là theo dụ mà gọi tên, giống như biển lớn tuy bao la mà muối cùng một vị mặn. Các pháp tuy rộng, mà tánh chỉ một vị là Như. Quán lý Như này không còn duyên gì khác gọi là tướng một vị.

Chân thật: Luận tự giải thích: Chẳng phải cảnh giới thế gian, vì hạnh khế chân không phải chỗ soi thấy của trí thế gian, gọi là phi thế cảnh.

Thắng thiện: Hạnh đức sâu rộng giống như pháp giới nên gọi là Thắng.

Nhân thiện: Hạnh nguyện thiện có thể làm nhân cho quả thường và quả vô thường nên nói nhân thiện. Quả Thường là Đại Niết-bàn. Quả Vô thường là tác dụng đại bi của chư Phật, Bồ-tát. Theo đời sinh diệt nên nói là vô thường. Hai thứ này vẫn là hai thứ trang nghiêm trong kinh Niết-bàn (quyển 27): Thường là trí tuệ trang nghiêm thế gian, nên kinh ấy nói “Trí tuệ trang nghiêm vô ngại, thường trụ”. Vô thường là công đức trang nghiêm, nên kinh ấy nói: “Công đức trang nghiêm có chướng ngại chẳng phải thường”. Lại kinh Niết-bàn (quyển 3) nói: “chư Phật, Như Lai vô thường cộng thường, thường cộng vô thường” là quả thường này thường cộng vô thường; ở đây nói là “vô thường ái quả”. Nguyện thiện so với kia, đồng có thể sinh ra nên gọi là Nhân.

Đại thiện: Ở trên là tự lợi, một loại này là lợi tha. Hạnh lợi tha rộng bằng cõi chúng sinh nên gọi là Đại. Nên kinh nói rằng: “Che chở tất cả cõi chúng sinh”.

Chẳng yếu đuối: Trí đức của chư Phật, Bồ-tát chứng từng phần, sâu có thể vào được, tâm không sợ hãi lui sụt, nên nói không yếu đuối. Kinh nói rằng: Hay nhập trí địa của chư Phật ba đời.

Sáu quyết định giải thích như thế.

20. NGHĨA SÁU DIỆU HẠNH

Sáu diệp hạnh là hạnh lìa lỗi của bậc Thánh Vô học, kinh cũng gọi là sáu pháp diệp. Giải thích chung thì mọi khởi tác gọi là hành, tự thể của hành là pháp. Hành và pháp này xa lìa tất cả lỗi thô bất thiện, nên gọi là Diệp. Theo tướng phân riêng, hạnh diệp và pháp diệp chẳng phải không khác nhau.

Tướng khác thế nào?

Hành ấm không lỗi gọi là hạnh diệp.

Các ấm khác lìa nhiễm gọi là pháp diệp.

Nghĩa này thế nào?

Theo Luận Tỳ-đàm, thức, tưởng, thọ, hành khởi đồng thời. Lúc nhãn thức khởi liền đủ bốn ấm. Nhãn thức là Thức ấm, tâm sở thọ đồng thời là Thọ ấm, tâm sở tưởng đồng thời là Tưởng ấm; suy nghĩ, mong muốn, v.v... khác là Hành ấm. Cho đến lúc ý thức khởi cũng vậy. Trong sáu hành kia, lia lỗi không tội gọi là sáu hạnh diệu. Ba ấm còn lại lia lỗi không nhiễm gọi là sáu pháp diệu.

Đại thừa cũng vậy.

Nếu theo luận Thành Thật: Thức, tưởng, thọ, hành không khởi một lượt mà có trước sau. Sau nhãn thức có đủ bốn tâm: Ban đầu là thức; kế là tưởng, thọ; sau là hành. Cho đến sau ý thức cũng vậy.

Trong hành sau sáu thức, không có lỗi gọi là sáu hạnh diệu. Thức, tưởng và thọ, tánh tuy vô ký chẳng sinh lỗi phiền não hữu lậu trong hành, cũng không từ phiền não hữu lậu sinh gọi là sáu pháp diệu.

Nghĩa sáu diệu hạnh nói sơ như thế.

21. NGHĨA SÁU PHÁP THIỆN.

Sáu thứ pháp thiện như Luận Đại Trí nói: Sáu pháp thiện là năm thiện ấm và thường diệt vô vi là sáu.

Trong năm thiện ấm có bốn loại:

Thiện ấm Sinh đắc: Xưa tu tập nay thành.

Thiện ấm Phương tiện: Hiện tại tu khởi.

Thiện ấm Vô lậu: Người Ba thừa duyên tu Pháp thân. Năm

ấm Thường trụ: Pháp thân chân thật của Phật, Bồ-tát.

Nên kinh Niết-bàn (Bản Nam, quyển 30) nói: Bỏ sắc vô thường, đạt được sắc thường. Thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như thế. Các loại này như trong Chương Năm Ấm ở trước đã phân biệt rộng.

Thường diệt vô vi, lược có ba loại:

Diệt Phiền não: Dứt tất cả phiền não thuộc năm trụ.

Diệt Nghiệp: Dứt nghiệp hữu lậu, vô lậu.

Diệt Khổ: Dứt quả phần đoạn, biến dịch.

Các loại này như trong ba vô vi ở trước đã giải thích rộng. Đây đều phân biệt theo Đại thừa.

Sáu thiện như thế.

22. NGHĨA SÁU HÒA KÍNH

Sáu hòa kính: Đồng ở an vui không làm nào hại. Khởi hạnh chẳng trái gọi là hòa, vì hạnh hòa nên coi trọng tình tương thân gọi là kính. Hòa kính khác nhau, có một môn nói sáu. Sáu hòa kính là:

Đồng thân nghiệp
 Đồng khẩu nghiệp
 Đồng ý nghiệp
 Đồng giới
 Đồng thí
 Đồng kiến.

Trong sáu loại, ba loại đầu là nói theo thân để nêu chỗ đồng, ba loại sau là theo hạnh nói đồng.

- Đồng thân nghiệp : Lược có hai loại:
- Đồng lừa dối: Đồng lừa những việc sát sinh, trộm cắp, tà dâm,

v.v...

- Đồng làm thiện : Đồng làm những việc thiện như lễ bái, v.v...

Đồng khẩu nghiệp : Cũng có hai loại:

- Đồng lừa dối : Đồng lừa nói dối, nói hai lưỡi, ác khẩu, thêu dệt.
- Đồng làm thiện : Đồng làm việc lành tán, tụng, vịnh.

Đồng ý nghiệp : Cũng có hai loại:

- Đồng lừa dối : Đồng lừa tất cả nghiệp suy nghĩ phiền não.
- Đồng làm thiện : Đồng tu tất cả pháp thiện, tiến niệm định tuệ,

v.v...

Đồng giới: Lược có hai loại:

- Đồng thọ giới.
- Đồng trì giới.

Lại có thể chia làm hai nữa.

- Đồng tác giới
- Đồng vô tác giới.

Cũng được chia làm ba:

- Đồng luật nghi giới
- Đồng nhiếp thiện giới
- Đồng nhiếp chúng sinh giới

Đồng thí: Lược có hai loại:

- Đồng nội thí : Tự bỏ thân mình để cung cấp, hầu hạ bậc tôn quý.
- Đồng ngoại thí : Xả bỏ của cải khác, cũng được chia làm ba:

Đồng tài thí

Đồng pháp thí

Đồng vô úy thí

Đồng kiến: Kiến là kiến giải, lược có hai loại:

Trong thế đế, kiến giải chẳng khác.

Trong chân đế, kiến giải chẳng khác.

Hỏi: Ba hạnh trước đều thu nhiếp tất cả, vì sao lại nói ba hạnh sau?

Đáp: Ba loại trước là năng tác, ba loại sau là sở tác nên lại nói ba loại này. Lại trong ba loại trước nhiếp hạnh khó hết, chưa biết sở tác ba loại trước thế nào, nên nói thêm cho rõ.

Hỏi: Sở tác hạnh chia vô lượng, vì sao chỉ nói giới, thí và kiến?

Đáp: Vì nói sơ lược. Trong sáu độ, giới, thí ở đầu, tuệ, kiến ở sau. Theo đầu và cuối để nêu chỗ đồng thì ở giữa có thể biết, nên lược chẳng nói.

Nghĩa sáu hòa kính nói sơ như thế.

23. NGHĨA SÁU TU ĐỊNH

Chia làm bảy môn:

- 1- Nói về tướng.
- 2- Hành nghĩa khác nhau.
- 3- Phân biệt theo giai vị.
- 4- Phân biệt theo địa vị.
- 5- Phân biệt theo giới.
- 6- Phân biệt theo trí.
- 7- Phân biệt theo thọ.

1. Nói về tướng

Sáu tu định:

- 1- Sổ. 2- Tùy. 3- Chỉ. 4- Quán.
- 5- Hoàn (Tỳ-bà-sa gọi là chuyển). 6- Tịnh.

Sổ: Chế ngự giác quán, cột niệm đếm hơi thở, gọi là sổ. Trong sổ có bốn:

- a- Thêm. b- Bớt. c- Loạn. d- Đồng đều.

Như trong năm độ có phân biệt rộng. Sổ này là phương tiện của người tu chỉ.

Tùy: Tâm không thực hành gì khác chỉ trụ theo hơi thở: là dài hay ngắn, là gần hay xa, là khắp thân hay ở một chỗ, đi đến chỗ nào, đến đâu rồi trở lại, tâm theo đó giác biết, gọi là Tùy. Tùy này là phương tiện của người tu quán.

Chỉ: Ở trên phần thân của mình, giữa hai đầu chân mày, chót mũi, rún, ngón chân, tùy tâm thích hợp, cột niệm cho trụ, nên gọi là Chỉ.

Quán: Bắt đầu quán hơi thở trong thân mình là tổn hay ích, là lạnh hay ấm, quán sát kỹ lưỡng. Hơi thở này tức là phong đại. Luận Tỳ-bà-sa

nói: Vì phong đại nên quán cả bốn đại. Quán bốn đại rồi, kế quán sắc do bốn đại tạo, nghĩa là sắc, thanh, hương, vị, v.v... Sắc nường pháp nào mà có thể tạo tác? Nường tâm pháp.

Kế nên quán sát thọ, tưởng, hành, thức. Quán sát những thứ này gọi là Quán.

Hoàn: Công năng của hành chỉ. Hành chỉ thành tựu nên đối với pháp dục ác, nếu khởi suy tư, giác biết thì có thể chế ngự, khiến tâm trụ lại trong giác xuất ly, gọi là Hoàn. Nên Tạp Tâm nói: Dục giác hành ít, xuất giác hành nhiều. Vì sao? Trong Luận Tỳ-bà-sa gọi đây là chuyển? Vì chuyển lìa ác giác, trụ trong thiện giác. Lại, trong thiện giác chuyển từ thấp lên cao cũng gọi là Chuyển.

Tịnh: Công năng của quán. Hạnh quán thành tựu nên sẽ dứt được các điều ác, nên gọi là Tịnh.

Sáu tướng như thế

2. Nói về nghĩa sai biệt của các hạnh như chỉ v.v...

Như Luận Tỳ-bà-sa nói:

Sổ, có hai việc:

- Đếm hơi thở ra vào.
- Bỏ được ác giác.

Tùy, cũng có hai:

- Theo hơi thở ra vào
- Lìa được ác giác.

Chỉ, cũng có hai:

- Trụ tâm ở chót mũi, giữa hai đầu chân mày, ngón chân.
- Không xả Tam-muội.

Quán, cũng có hai:

- Quán hơi thở ra vào những việc tổn, ích như trên đã nói.
- Hay khéo giữ tướng tâm, tâm sở.

Chuyển, cũng có hai:

- Biết được năm ấm.
- Hay nhập Thánh đạo.

Tịnh, cũng có hai:

- Dứt được kiết.
- Đối với đế có thấy biết thanh tịnh.

Hạnh khác nhau như thế.

3. Nói theo giai vị

Nói chung theo nghĩa thì mỗi vị đều có. Trong đó chia ra sổ, tùy, chỉ, quán ở năm dừng tâm; hoàn ở Niệm xứ đến pháp Thế đệ nhất. Nên Tỳ-bà-sa nói: Chuyển hơi thở ra vào, khởi thân niệm xứ. Như thế thứ lớp cho đến chuyển Nhẫn khởi pháp Thế đệ nhất; gọi là Chuyển. Tịnh ở Kiến đạo trở lên. Nên Tỳ-bà-sa nói: Tịnh là khổ pháp nhẫn, v.v...

4. Theo địa luận:

Địa là cõi Dục cho đến Phi tưởng.

Theo Tỳ-bà-sa, sáu thứ này thuộc cõi Dục, Vị lai, Trung gian, Nhị thiên, Tam thiên, Phương tiện đạo. Trong đó, chia riêng hai hạnh sổ, tùy ở cõi Dục, Vị Lai, Trung gian, Nhị thiên, Tam thiên, Phương tiện đạo. Chỉ, quán, hoàn, tịnh thuộc tất cả địa Phương tiện đạo. Tất cả các địa đều có nghĩa bốn loại Chỉ, Quán, Hoàn, Tịnh.

5. Nói theo giới :

Giới là ba cõi.

Theo Luận Tỳ-bà-sa, sáu loại này bắt đầu khởi ở cõi cõi Dục. Sau nương cõi Sắc cũng được khởi theo.

6. Nói theo trí :

Trí là mười trí. Sáu loại này chỉ thuộc đẳng trí, vì thế gian tu, nếu y theo vị chia tịnh ở Kiến đạo trở lên, thì trong tịnh có đủ mười trí tánh.

7. Nói theo cử thọ:

Thọ là khổ, vui, ưu, hỷ và xả. Sáu thứ này chỉ tương ứng với xả căn. Vì chẳng thuộc về Căn bản thiên địa. Nếu theo nghĩa các thiên mà nói chỉ, quán và hoàn, tịnh thì hoặc tương ứng với lạc, hoặc tương ứng với xả. Ở Sơ thiên, Nhị thiên thì tương ứng với Hỷ, thọ. Ở Tam thiên thì tương ứng với Lạc, thọ. Ngoài ra, tất cả đều tương ứng với Xả thọ.

Sáu tu định như thế.

24. NGHĨA SÁU TAM-MUỘI

Nghĩa sáu Tam-muội như luận Thành Thật (quyển 15) định nghĩa. Sáu Tam-muội là:

- Tu nhất tướng vì một tướng.
- Tu nhất tướng vì nhiều loại tướng.
- Tu nhất tướng vì một tướng và nhiều loại tướng.

- Tu nhiều tướng vì nhiều thứ tướng.
- Tu các tướng vì một tướng.
- Nhiều thứ tướng tu vì nhiều thứ tướng và một tướng.

Tướng trạng thế nào?

Luận giải thích khác nhau.

Có Luận sư nói: Tu đệ Tứ thiền gọi là Nhất tướng tu; Tu năm định Thánh chi gọi là tu Chung chung tướng (tu nhiều loại tướng). Năm định Thánh chi như trên đã nói rộng.

Tu nhất tướng vì một tướng: Tu đệ Tứ thiền vì đắc quả A-la-hán.

Tu nhất tướng vì nhiều loại: Tu đệ Tứ thiền vì được năm thần thông.

Nhất tướng tu vì một tướng và nhiều loại: Tu đệ Tứ thiền vì được quả La-hán và năm thần thông.

Các thứ tu vì nhiều loại: Tu năm Thánh chi vì được năm pháp thần thông.

Tu nhiều loại tướng vì một tướng: Tu năm Thánh chi vì được quả La-hán.

Nhiều loại tướng tu vì nhiều loại tướng và một tướng: Tu năm Thánh chi vì được năm thần thông và quả La-hán.

Một nghĩa này, luận Thành Thật không lập, nên luận ấy bác rằng: Trong năm hành chi, ba chi trước vẫn là Bốn thiền của thế tục. Lúc được quả A-la-hán, trong Bốn thiền nương bất cứ một thiền nào. Vì sao nói tu Năm Thánh Chi được quả A-la-hán gọi là nhất tướng? Lại nữa, trong hai Thánh Chi Minh và Quán, nương ngay Quán cho được quả A-la-hán, không nương chi Minh. Nên biết không do tu năm Thánh chi để được nhất tướng.

Luận Thành Thật lập định, giữ một duyên gọi là tu nhất tướng, tâm tuệ thấy nhiều pháp khác nhau gọi là tu các thứ.

Tu một tướng vì một tướng: Luận nói nương định lại sinh thiền định, như từ Sơ thiền sinh Nhị thiền v.v...

Tu một tướng vì nhiều tướng: Nương định sinh tuệ.

Tu một tướng vì một tướng và nhiều tướng: Nương định sinh định và sinh trí tuệ.

Tu nhiều tướng vì nhiều tướng: Nương tuệ sinh tuệ, như văn sinh tư, như tư sinh tu.

Tu nhiều tướng vì nhiều tướng và một tướng: Nương tuệ sẽ sinh tất cả định tuệ.

Hỏi: Trong đây định tuệ sinh nhau là hữu lậu hay vô lậu?

Đáp: Luận không nói nhất định, giải thích có ba nghĩa:

Luận chung: Tất cả định tuệ năng sinh và sở sinh đều có cả hữu lậu và vô lậu.

Nói theo định tuệ hiển ẩn thì định chỉ thuộc về hữu lậu, tuệ chỉ vô lậu.

Nói theo định tuệ năng sinh, sở sinh ẩn hiển thì định tuệ năng sinh ẩn, hoàn toàn hữu lậu; định tuệ sở sinh hiển, hoàn toàn vô lậu.

Nghĩa sáu Tam-muội nói lược như thế.

25. NGHĨA SÁU NHIẾP

Nghĩa sáu nhiếp xuất xứ từ Luận Địa Trì. Duyên vật theo đạo gọi là nhiếp. Chỗ nhiếp khác nhau, một môn nói có sáu, sáu nhiếp gồm:

- Đốn nhiếp
- Nhiếp Tăng thượng
- Thủ nhiếp
- Nhiếp lâu
- Nhiếp không lâu
- Nhiếp sau

Trong sáu thứ này, ba thứ trước là theo hóa sự (việc giáo hóa) mà phân biệt. Trong ba thứ, thứ đầu là đốn trong sở hóa. Môn thứ hai trên thân năng hóa (người giáo hóa). Môn thứ ba việc giáo hóa tròn đủ. Ba thứ sau là tùy căn cơ mà phân biệt: Thứ đầu là hạ căn, kế đó là trung căn, loại sau là thượng căn, nên có sáu thứ.

Nhiếp Đốn: Đối với tất cả chúng sinh nghĩ là cha mẹ, tùy sức mình có thể dùng tất cả mọi thứ để làm an vui, lợi ích, đó gọi là Đốn nhiếp.

Nhiếp Tăng thượng: Bồ-tát ở chỗ tôn quý nhiếp lấy chúng sinh gọi là Tăng thượng nhiếp. Theo luận thì có ba thứ:

Vua khéo thu nhiếp nhân dân.

Gia chủ khéo làm lợi ích cho thân thuộc.

Cha làm lợi ích cho các con bình đẳng không thiên vị.

Nhiếp lấy: Dùng tài sản và dùng giáo pháp nhiếp lấy chúng sinh.

Nhiếp lâu: Chúng sinh căn tánh yếu kém, giáo hóa lâu dài cho thuần thực.

Nhiếp không lâu: Chúng sinh căn cơ bậc trung dễ giáo hóa, mau được thanh tịnh.

Nhiếp sau: Chúng sinh thượng căn ở đời hiện tại có thể thanh tịnh được, giáo hóa đến cùng cực nên gọi là nhiếp sau.

Hỏi: Sáu thứ này, trong bốn nhiếp thuộc về tướng nào?

Đáp: Bốn nhiếp chung cả sáu thứ, không có tướng đối riêng.
Sáu nhiếp như thế.

26. NGHĨA BẢY THIỆN LUẬT NGHI

Chia làm bốn môn:

- 1- Nói về tướng
- 2- Khai - hợp - rộng - lược
- 3- Phân biệt đối cảnh
- 4- Chi nhân có, hay chẳng có

1. Nói về tướng:

Thiện vô tác gọi là luật nghi. Luật nghi một môn nói có bảy loại là:

Không sát sinh
Không trộm cắp
Không tà dâm
Không nói dối
Không hai lưỡi
Không nói ác
Không thù dật

Không sát sinh: Luận (luận Thập Địa quyển 4) nói có ba:

a- Lìa nhân. b- Lìa quả hạnh. c- Lìa đối trị.

Nhân lìa: Có hai:

Nhân Cộng: Các nghiệp tham, sân, si đều dùng đây làm nhân, nên gọi là Cộng.

Nhân Bất cộng: Lìa tâm giết, không chứa dao, gậy, v.v... Đây chỉ là nhân giết hại nên nói Bất cộng.

Hỏi: Nếu nói xa lìa tâm giết hại là lìa nhân. Vì sao trong luận nói là lìa quả?

Đáp: Tâm giết hại có chỗ so sánh không cố định. Nếu so sánh theo tham, v.v... thì là quả hạnh. Nếu so sánh ngay sự giết thì đó là nhân hạnh, nay nói theo môn sau là lìa nhân.

Lìa Quả: Chính là lìa nghiệp giết hại.

Lìa Đối trị: Tâm từ, tâm an ổn v.v... Từ ban cho vui, an cho pháp thiện. Dùng hai loại này trị được nghiệp giết hại nên gọi là lìa đối trị (đối trị mà lìa được nghiệp giết hại).

Không trộm cắp: Cũng có ba loại:

a-Lìa nhân . b- Lìa quả hạnh . c- Lìa đối trị

Lìa Nhân: Có hai:

- Lìa nhân cộng: Tham - sân - si

- Lìa nhân bất cộng: Tâm trộm và không có tài sản sinh sống. Nên Địa kinh nói tư sinh (tài sản) đầy đủ gọi là lìa nhân. Đầy đủ là thường tu tâm ít muốn biết đủ, không mong muốn điều gì, nên nói đầy đủ.

- Lìa Quả hạnh: Chính là lìa việc trộm

- Lìa Đối trị: Bồ thí.

- Không dâm dục: Cũng có ba loại:

a- Lìa Nhân. b- Lìa Đối trị. c- Lìa Quả hạnh.

- Lìa Nhân: Có hai:

- Lìa cộng nhân: Tham - sân - si

Hỏi: Trong luận nói rằng tà dâm chỉ do tâm tham làm thành, nay tại vì sao nói lìa tham sân si là lìa nhân?

Đáp: Cuối cùng thành thì chỉ do tham, xa thì theo tham, sân, si khởi, cho nên lìa gọi chung là lìa nhân.

Lìa nhân bất cộng: Cái gọi là tâm dâm với người không phải vợ mình. Nên Địa kinh nói tự đủ với vợ, gọi là nhân lìa. Tự đủ thế nào? Nghĩa là ở đời hiện tại, phạm hạnh còn sót, tâm không tìm dục gọi là đủ với vợ mình. Vì tự đủ nên tâm không mong muốn, nên là nhân lìa dâm.

Lìa Quả hạnh: Chính là lìa nghiệp dâm.

Lìa Đối trị: Thường tu phạm hạnh, quán Bất tịnh, v.v...

Không nói dối: Luận giải thích có hai:

Lìa Đối trị: Nói thật, đối trị tâm nói dối.

Lìa Quả hạnh: Chính là lìa nói dối.

Y theo thật để nói đủ, cũng có ba thứ:

a- Lìa Nhân. b- Lìa Quả hạnh. c- Lìa Đối trị.

Lìa Nhân: Có hai:

Lìa cộng nhân: Tham, sân, si

Lìa nhân bất cộng: Tâm dối gạt người.

Lìa Quả hạnh: Chính là lìa nói dối.

Lìa Đối trị: Thường tu lời chân thật.

Hỏi: Trong đây thật có đủ ba thứ lìa, vì sao trong luận chỉ nói hai?

Đáp: Để nêu miệng nói dễ phát, không cần nhân xa. Cho nên không nói lìa tham sân si làm lìa nhân. Lìa tâm dối người tuy là lìa nhân mà có thể đối trị tâm đối trá, trong đối trị đã nói nên không nói riêng. Nên Địa Luận (quyển 4) nói: Đối trị tâm nói dối là lìa nhân.

Không hai lưỡng: Cũng có ba thứ:
 a- Lìa Nhân. b- Lìa Đối trị. c- Lìa Quả hạnh.
 Lìa Nhân: Có hai:
 - Lìa nhân cộng: Tham, sân, si
 - Lìa nhân bất cộng: Lìa tâm phá hoại
 Lìa Quả hạnh: Chính là lìa hai lưỡng.
 Lìa Đối trị: Tu lời hòa hợp.
 Không nói ác: Cũng có ba loại:
 a- Lìa Nhân. b- Lìa Quả hạnh. c- Lìa Đối trị.
 Lìa Nhân: Có hai:
 Lìa nhân cộng: Tham, sân, si..
 Lìa nhân bất cộng: Tâm xâm não
 Lìa quả hạnh: Chính là lìa ác khẩu. Lìa
 Đối trị: Thường tu nói lời mềm dịu.
 Không nói thêu dệt: Cũng có ba loại:
 a- Lìa Nhân. b- Lìa Quả hạnh. c- Lìa Đối trị.
 Lìa Nhân: Có hai:
 Lìa nhân cộng: Tham, sân, si
 Lìa nhân bất cộng: Tâm thêu dệt
 Lìa Quả hạnh: Chính lìa thêu dệt
 Lìa Đối trị: Hềng tu lời chân chánh.

2. Nói về nghĩa khai hợp, rộng - lược:

Khai hợp bất định.

Tóm lại chỉ có thuộc về luật nghi Thiện.

Hoặc chia làm hai: Thân nghiệp và khẩu nghiệp, ba thứ trước là thân nghiệp, bốn loại sau là khẩu nghiệp.

Hoặc chia làm bảy, đầy đủ như vừa nói.

Hoặc chia làm hai mươi mốt: Bảy luật nghi này, mỗi thứ khởi theo tâm thượng, trung, hạ phẩm, cho nên nói chung có hai mươi mốt.

Hoặc lại chia ra làm sáu mươi ba: Hai mươi mốt thứ trên, mỗi thứ theo ba thiện căn vô tham, vô sân, vô si mà khởi. Cho nên nói chung có sáu mươi ba.

Hỏi: Ba thiện thường theo nhau không hề lìa nhau, vì sao chia riêng thành sáu mươi ba?

Đáp: Ba thiện, thể tuy đồng thời nhưng tùy dụng mạnh yếu, chẳng phải không có trước sau. Như quán Bất tịnh là tánh Vô tham; quán Từ bi v.v... lại là tánh Vô sân; quán Nhân duyên v.v... là tánh Vô si. Ba thiện

đã có nghĩa khởi riêng, luật nghi sinh ra vì sao không khác? Cho nên chia ra sáu mươi ba thứ được.

Nếu theo Phạm Thánh Thiên địa khác nhau, cảnh giới khác nhau thì có vô lượng.

3. Đối cảnh mà nói:

Bảy luật nghi này khởi khắp tất cả cõi chúng sinh, nếu không như vậy thì luật nghi được thọ sẽ có thêm bớt.

Hỏi: Luật nghi khởi ở chỗ chúng sinh hiện tại, hay khởi chỗ chúng sinh ba đời?

Đáp: Luận giải thích khác nhau. Nếu theo Luận Thành Thật, thì khởi khắp chỗ chúng sinh ở ba đời. Duyên nó thì khởi được tâm thiện. Nếu theo Tỳ-đàm chỉ khởi chỗ chúng sinh hiện tại. Vì chúng sinh quá khứ, vị lai không thể giết, trộm, cho đến thêu dệt. Vì duyên này nên nó không phát luật nghi.

Hỏi: Nếu chúng sinh ở hiện tại được luật nghi, thì lúc chúng sinh hiện tại chết rồi, đáng lẽ mất luật nghi mới phải?

Đáp: Không mất, vì niệm niệm thường đối với chúng sinh hiện tại được luật nghi.

Hỏi: Đối với phi chúng sinh có được luật nghi chăng?

Đáp: Cũng được, nên luận Thành Thật nói: Phi chúng sinh được luật nghi thiện.

Hỏi: Duyên ngay phi chúng sinh số, có được luật nghi thiện chăng?

Đáp: Không được. Nên luận Thành Thật (quyển 9) nói: Phải nhờ chúng sinh được luật nghi thiện. Vì sao? Vì ở chúng sinh thì xa lìa tánh tội, còn ở phi chúng sinh thì xa lìa giá tội. Lìa tánh là gốc, cho nên được ở chúng sinh. Duyên ngay cỏ, v.v... thì không phát luật nghi.

4. Nói về chi nhân có hay không có:

Chi là bảy chi. Bắt đầu từ không sát sinh cho đến không thêu dệt, Nhân là tâm thượng, trung, hạ.

Hỏi: Bảy chi phải đủ mới được hay không đủ cũng được?

Đáp: Không nhất định. Giới của đại Tỳ-kheo phải đủ mới được, Sa di và người đời không đủ cũng được. Cho nên năm giới, tám giới, mười giới đều không đủ bảy chi.

Hỏi: Trong ba thứ nhân thượng, trung, hạ phẩm, phải đủ để phát sinh giới hay không đủ cũng được?

Đáp: Không nhất định. Hoặc có người dùng đủ tâm thượng, trung, hạ thọ giới tại gia, sa di mười giới, giới đại Tỳ-kheo, gọi là đủ nhân. Hoặc có người dùng thiên về tâm thượng phẩm thọ ba loại giới; hoặc trung, hoặc hạ, gọi là chẳng đủ. Vì chi và nhân này có đủ và chẳng đủ.

Trong Tạp Tâm có bốn câu phân biệt, thế nào là bốn?

Tất cả nhân không phải tất cả chi: Dùng tâm thượng, trung, hạ phẩm thọ năm giới, tám giới, mười giới. Nướng đủ ba nhân gọi là tất cả nhân, Chỗ thọ chỉ lia lỗi sát, đạo, dâm, vọng, nên không phải tất cả chi.

Tất cả chi chẳng phải tất cả nhân: Có người dùng ngay tâm thượng phẩm thọ giới cụ túc, hoặc trung, hoặc hạ. Giới thọ có đủ bảy chi, nên gọi là tất cả chi, không đủ ba tâm, gọi là chẳng phải tất cả nhân.

Tất cả nhân cũng đủ tất cả chi: Dùng đủ tâm thượng, trung, hạ phẩm thọ giới tại gia, mười giới Sa-di, giới đại Tỳ-kheo.

Chẳng phải tất cả nhân, chẳng phải tất cả chi: Dùng tâm hạ phẩm thọ giới tại gia và giới Sa-di, trung, thượng cũng vậy.

Bảy luật nghi thiện nói sơ lược như thế.

27. NGHĨA BẢY TỊNH

Chia làm hai môn:

- 1- Nói về tướng.
- 2- Phân biệt theo giai vị.

1. Nói về tướng:

Hạnh đức không cấu uế gọi là Tịnh. Nghĩa tịnh khác nhau, một môn nói có bảy loại, bảy loại là:

- 1- Giới tịnh. 2- Định tịnh cũng gọi là tâm tịnh
- 3- Kiến tịnh. 4- Độ nghi tịnh. 5- Đạo phi đạo tịnh.

Năm thứ tịnh trên. Đại thừa và Tiểu thừa có tên gọi giống nhau.

Theo Tiểu thừa:

6- Hạnh tịnh. 7- Hạnh đoạn trí tịnh

Nếu theo Đại thừa:

6- Hạnh đoạn. 7- Tư lương Bồ-đề phần pháp thượng thượng tịnh
Hai loại sau này gọi theo thuyết của Địa Kinh.

Giới tịnh: Ban đầu tu hành, từ giới lia lỗi, nên nói Giới tịnh.

Do giới tịnh nên sinh ra định thanh tịnh, gọi là Định tịnh.

Vì định tịnh nên phát sinh trí tuệ chân thật, sinh rồi sẽ trừ thân kiến, gọi là Kiến tịnh.

Dứt được nghi ngờ gọi là Độ nghi tịnh.

Lìa được giới thủ, biết tuệ vô lậu là chân đạo giới, đồng với phi đạo gọi là đạo Phi đạo tịnh.

Trong hai loại sau, nếu y theo Tiểu thừa:

Duyên ở đế lý, tiến tu tập sở hành gọi là Hạnh tịnh.

Hành tột cùng sạch hết chướng gọi là Hạnh dứt trí tịnh.

Nếu theo Đại thừa:

6. Tùy đạo dứt chướng gọi là Hạnh dứt.

Y hạnh đoạn này hướng về cảnh Phật gọi là Tư lương Bồ-đề thượng thượng tịnh.

Loại đầu tiên trong bảy thứ tịnh là Giới học.

Một loại kế là Định học.

Năm loại sau là Tuệ học.

2. Nói theo giai vị:

Hạnh thật đều thông, tùy theo tướng ẩn hiển thì chẳng phải không có giai vị khác. Tướng khác thế nào?

Theo Tiểu thừa: Hai loại đầu ở tại Kiến đạo trở xuống, ba loại tiếp theo ở trong Kiến đạo. Loại tiếp theo thuộc Tu đạo, loại sau cùng là Vô học.

Hỏi: Vì sao trước Kiến đạo lại nói về giới, định?

Đáp: Ngoại phạm lỗi thô nếu không có giới thì không ngăn được nên trước nói về giới. Thánh đạo xuất thế không có định thì không thể sinh, nên kế là nói về định.

Hỏi: Vì sao ba loại kế lại thiên về Kiến đạo?

Đáp: Vì trong Kiến đạo dứt ba kiết, thành tựu ba tịnh nên nghiêng về trong đây. Ba kiết nào? Là thân kiến, giới thủ và nghi. Dứt thân kiến nên được Kiến tịnh; Dứt tâm nghi nên được Độ nghi tịnh; Dứt giới thủ nên được Đạo phi đạo tịnh.

Hỏi: Bạc Thánh lúc nhập Kiến đạo, mười sử đều dứt, vì sao nói rằng chỉ dứt ba kiết?

Đáp: Như kinh Niết-bàn giải thích: Vì ba loại này nặng, nên nói nghiêng về chúng. Như người đời nói vua đến, vua đi. Nặng nên nghiêng về để nói. Lại, trong mười sử, năm kiến và nghi chỉ chướng kiến đế; lúc vào Kiến đạo, hoàn toàn dứt. Còn tham, sân, si, mạn chướng cả Kiến và Tu, lúc vào Kiến đạo dứt chúng chưa sạch. Năm kiến và nghi trong kiến dứt sạch nên gọi tên là dứt. Tham, sân, si mạn không dứt sạch nên không gọi là dứt. Trong năm kiến, nghi dứt. Ba sử là gốc và ba sử là tùy. Thân

kiến là gốc, biên kiến là tùy; Giới thủ là gốc, kiến thủ là tùy; tâm nghi là gốc, tà kiến là tùy. Nói dứt ba gốc, ba tùy cũng vậy. Nên trong kinh luận nói nghiêng về Kiến đạo dứt trừ ba kiết.

Vì sao hạnh tịnh nghiêng về tu đạo? Vì trong vị này, duyên ở để lý hưởng về hạnh tu.

Vì sao hạnh dứt nghiêng về Vô học? Vì đạo Vô học đã lìa sạch chướng.

Theo Đại thừa, năm thứ đều đồng với trước. Hai thứ sau ở trong vị Tu đạo. Theo Tu đạo có chung, có riêng. Chung thì trong tất cả địa, có nghĩa trừ chướng đều gọi là dứt Hạnh. Có nghĩa trên cầu, đều gọi là Tư lương. Trong đây chia ra bắt đầu từ Nhị địa cho đến Thất địa tu đạo dứt chướng gọi là dứt Hạnh. Bát địa trở lên trong dòng nước pháp, thú hưởng cảnh Phật, gọi là Tư lương thượng thượng tịnh.

Bảy tịnh như thế.

28. NGHĨA BẢY THỨ TÀI SẢN

Bảy thứ của cải: Khéo léo hay đầy đủ bảy thứ của cải nên gọi là bảy thứ tài sản. Tài chia khác nhau, một môn nói có bảy thứ. Bảy thứ gồm những gì?

- | | | |
|----------|----------|-----------------|
| 1- Tín. | 2- Giới. | 3- Thí. |
| 4 - Văn. | 5- Tuệ. | 6- Tàm. 7- Quý. |

Nghĩa này như trong chương Thập Tạng (quyển 14) ở sau sẽ phân biệt rộng.

Bảy tài sản là như thế.

29. NGHĨA BẢY ĐẠI THỪA

Bảy thứ Đại thừa xuất xứ từ luận Địa Trì; Chuyên chở thông suốt gọi là Thừa. Trong thừa không thêm gì được gọi là Đại, Đại thừa thì khác, một môn nói bảy, bảy thứ Đại thừa là:

- 1- Pháp đại, 2- Tâm đại, 3- Giải đại.
4- Tâm tịnh đại, 5- Chúng cụ đại, 6- Thời đại, 7- Đắc đại.

Sáu loại trước là nói đại theo nhân. Một loại sau, là nói đại theo quả. Trong nhân, một loại đầu là nhân pháp, năm loại sau là nhân hạnh.

Pháp đại: là Tạng mười hai bộ kinh, Phương Quảng Đại Thừa, về hơn khế kinh khác nên gọi là Pháp đại.

Hỏi: Trong pháp nói chung cả lý và giáo. Vì sao trong đây nói nghiêng về giáo pháp?

Đáp: Thật có thông, nhiếp chỉ theo lời nên không nói riêng.

Tâm đại: Phát tâm Vô thượng Bồ-đề, siêu vượt nguyện khác nên nói là Tâm đại.

Giải đại: Hiểu tạng Bồ-tát Phương Quảng hơn sự hiểu biết khác, gọi là Giải đại. Tâm và Giải này ở Địa tiền.

Tịnh tâm đại: Trong Sơ địa, quán Giải, Hạnh, Trụ, nhập Hoan hỷ địa, chứng tâm, giải nhiễm, gọi là Tịnh tâm đại.

Chúng cụ đại: Từ Nhị địa cho đến Thất địa, tu tập nhiều công đức trí tuệ, đầy đủ hương về Bồ-đề, gọi là Chúng cụ đại.

Thời đại: Bát địa trở lên đến Thập địa, qua ba tầng-kỳ kiếp, đầy đủ mọi hạnh gọi là Thời đại.

Đắc đại: Như Lai địa được quả Bồ-đề không có gì bằng, hướng chi là vượt hơn, nên nói Đắc đại.

Bảy Đại thừa nói sơ lược như thế.

30. NGHĨA BẢY ĐỊA

Chia làm ba môn:

- 1- Giải thích tên gọi.
- 2- Nói về thể.
- 3- Nói về tướng.

1. Giải thích tên gọi :

Nghĩa bảy địa xuất xứ từ luận Địa Trì. Năng sinh gọi là Địa, Địa vị khai hợp rộng lược khó nhất định. Nay y cứ một môn, hãy nói về bảy địa.

Địa vị Chứng tánh

Địa vị Giải hạnh

Địa vị Tịnh tâm

Địa vị Hành tích

Địa vị Quyết định

Địa vị Quyết định hạnh

Địa vị Rốt ráo.

- Địa vị Chứng tánh: Tập chủng và Tánh chủng đồng gọi là Chứng tánh. Hạnh bốn đạt lập, sinh ra nhân quả nên gọi là Chứng. Nghĩa chủng không hoại, gọi là Tánh. Dùng tánh phân biệt địa nên gọi là Chứng tánh địa.

- Giải hạnh địa: Nương Chứng tánh trước khởi tu phương tiện hưởng nhập xuất thế, đối với đạo xuất thế hiểu rồi mà thực hành nên gọi là Giải hạnh. Dùng giải để phân biệt địa, gọi là Giải hạnh địa.

- Tịnh tâm địa: Ở Sơ địa, quá Giải Hạnh Trụ và Hoan Hỉ địa, chứng tâm lìa cấu, gọi là tịnh tâm. Lại, đối với Bồ-đề có lòng tin trong sạch, hy vọng cũng gọi là tịnh tâm, dùng đây để phân biệt địa, gọi là Tịnh tâm địa.

- Hành tích địa: Nhị địa trở lên cho đến Thất địa khởi tu đạo gọi là hành tích. Dùng hành để phân biệt địa gọi là Hành tích địa.

- Quyết định địa: Ở Bát địa tại dòng nước pháp quyết định hưởng đến Vô Thượng Bồ-đề gọi là Quyết định địa.

- Quyết định hạnh: Ở Cửu địa, nương quyết định trước thượng thượng tăng tiến gọi là Quyết định hạnh địa.

- Tất cánh địa: Đệ Thập địa và Như Lai địa. Ở đệ Thập địa, nhân hạnh viên mãn. Trong Như Lai địa quả đức tròn đầy cùng cực. Vì nghĩa này nên đồng gọi là Tất cánh. Vì nói theo một môn, nếu theo môn khác thì nhân quả khác.

Danh nghĩa như thế.

2. Nói về thể :

Các địa đều dùng hạnh đức làm thể. Hạnh môn khai hợp rộng lược không nhất định.

Chung thì chỉ một hạnh.

Hoặc chia làm hai: Chứng hạnh và A-hàm hạnh.

Rộng như trên đã nói.

Lại, theo phước trí cũng chia làm hai.

Hoặc chia làm ba: Chứng, Trụ và Bất trụ, Cũng nói như trên.

Giới, định, tuệ cũng được chia làm ba.

Hoặc chia làm bốn: Văn, Tư, Tu, Chứng.

Hoặc nói là sáu: Sáu Ba-la-mật.

Hoặc chia làm mười: Mười Ba-la-mật.

Lại nữa, tín v.v... cũng được chia làm mười.

Hoặc lại chia làm ba mươi bảy phẩm.

Rộng thì vô lượng.

Thể tánh như thế.

3. Nói về tướng:

Địa vị khai hợp, rộng lược không nhất định.

Nhiếp gọn chỉ có hai:

1- Tín địa, 2- Chứng địa.

Bồ-tát Địa tiền ở Đạo xuất thế tin thuận thú hưởng gọi là Tín địa.

Sơ địa trở lên chứng thật tướng nên gọi là Chứng địa.

Hoặc chia làm ba, như luận Địa Trì nói:

- Chứng tánh trì ở Chứng tánh địa.
- Phát tâm trì ở Giải hạnh địa
- Hành phương tiện trì ở Sơ địa trở lên.

Hoặc chia làm bốn:

- Phương tiện đạo ở tại Địa tiền,
- Kiến đạo ở Sơ địa.
- Tu đạo ở Nhị địa trở lên.
- Vô học đạo ở Phật địa.

Hoặc chia làm năm: Trong bốn loại trước, chia Phương tiện đạo thành hai loại riêng là Chứng tánh và Giải hạnh, nên có năm loại.

Hoặc chia làm sáu, như Địa Trì nói:

- Chứng tánh địa
- Giải hạnh địa
- Tịnh tâm địa
- Hạnh tích địa
- Quyết định địa: Bát địa, Cửu địa
- Tất cánh địa: Thập địa.

Trong kinh Niết-bàn nói các Bồ-tát Lục trụ, là nói theo đây.

Hoặc lại nói bảy, rộng như trên đã giải thích. Trong sáu loại trên, chia Quyết định địa thành Quyết định và Quyết định hạnh, nên có bảy loại.

Cũng được chia làm tám: Trong bảy loại trước, chia Chứng tánh địa thành Tập chủng và Tánh chủng riêng, nên có tám.

Cũng được chia làm chín: Trong tám loại trước, chia Tất cánh địa thành Tất cánh và Như Lai địa, nên có chín loại.

Hoặc chia thành mười ba, như trong Phẩm Trụ của luận Địa Trì nói: Trên mười địa kia thêm Chứng tánh trụ, Giải hạnh trụ và Như Lai trụ, nên có mười ba.

Cũng được chia ra thành mười bốn: Trong mười ba loại trước, chia Chứng tánh trụ thành Tập chủng và Tánh chủng, nên có mười bốn.

Trong kinh có chỗ nói bốn mươi hai Hiền Thánh.

Rộng thì vô lượng.

Những loại này rộng lược mỗi thứ tùy một thích hợp, nay chỉ nói bảy.

Bảy địa như thế.

31. NGHĨA TÁM TRAI GIỚI

Chia làm bảy môn:

- 1- Giải thích tên gọi, nói về số.
- 2- Nói về tướng.
- 3- Được đủ nhân duyên.
- 4- Phân biệt giới thú.
- 5- Phân biệt hình báo.
- 6- Phân biệt đối cảnh.
- 7- Nghĩa thọ trì.

1. Định nghĩa

Tám trai giới là: Không sát sinh, không trộm cắp, không dâm, không nói dối, không uống rượu, không ca múa hát xướng, không mặc áo xông hương, không nằm giường cao rộng, không ăn quá ngọ. Đó là tám giới. Những điều này ngăn cấm nên gọi là Giới, trong sạch gọi là Trai.

Hỏi: Trong năm giới nói không tà dâm, nay ở đây vì sao nói thẳng là không dâm?

Đáp: Năm giới là người tại gia trì giới tại gia, chỉ cấm tà dâm, không cấm với vợ mình, vì thế nên chỉ nói không tà dâm. Nói về tám giới là người tại gia được trì giới xuất gia, chẳng những cấm tà mà vợ mình cũng cấm, nên nói chẳng dâm.

Hỏi: Trong đây chỗ lia có chín, vì sao chỉ nói tám giới?

Đáp: Có lý do. Nếu theo Tỳ-đàm thì không mặc áo xông hương, không nằm giường cao, hai loại này đồng khởi từ chỗ trang nghiêm nên hợp thành một, vì thế nói tám. Nếu theo luận Thành Thật và luận Đại Trí thì tám loại trước là giới, một loại sau là trai. Giới, trai hợp lại nói chung, cho nên gọi là tám trai giới.

2. Nói về tướng:

Trong đây có năm loại:

Phân biệt Thế đủ: Ăn không quá ngọ là trai, cũng là trai chi. Ngoài ra là trai chi mà không phải là trai. Như tám chánh đạo, Chánh kiến là đạo cũng là đạo chi mà không phải là đạo, ở đây cũng như thế, vì không giết hại là pháp ngăn ác, cấm tội để giúp thành tựu trai.

Trong pháp giúp trai, khác nhau không đồng nên gọi là trai chi, chẳng phải pháp đoạn thực nên không gọi là trai. Không ăn quá ngọ là pháp đoạn thực nên gọi là trai, khác bảy loại trước nên gọi là Trai chi.

Phân biệt tánh ngăn ngừa: Bốn loại trước là lia bỏ tánh ác, chẳng uống rượu v.v... là lia bỏ tội ngăn ngừa (giá tội).

Hỏi: Tánh ác có bảy thứ. Bắt đầu từ sát sinh cho đến thêu dệt, sao không lia đủ mà chỉ lia bốn thứ trước?

Đáp: Vì thêu dệt, v.v... khó có thể ngăn giữ, người tại gia khó có thể bỏ được. Nên luận (Tập Tâm, quyển mười) nói rằng: Người xuất gia còn không lia được, huống chi tại gia. Lại, thêu dệt chẳng ứng với pháp nên gọi chung là nói dối. Chỉ bỏ nói dối, những thứ còn lại đều theo nên chẳng nói riêng. Lại bốn thứ trước nặng nên nói nghiêng về đó, các thứ khác nhẹ, cho nên không nói.

Hỏi: Tội ngăn ngừa khác nhau vô lượng sao không nói lia mà chỉ nói bỏ uống rượu, v.v...

Đáp: Cũng vì những lỗi khác người tại gia khó ngăn giữ, lại uống rượu v.v... sinh ra lỗi nặng nên chỉ nói bỏ, lỗi khác nhẹ do đó không nói.

Phân biệt Đạo - Phước: Như luận Thành Thật (quyển chín) nói: bỏ năm lỗi trước là nhân duyên phước, lia ba tội sau là nhân duyên đạo. Vì người tại gia chưa thể đắc đạo, cho nên chỉ nói nhân duyên đạo. Chung thì bằng nhau.

Phân biệt theo cụ: Cụ là ba nghiệp.

Không sát sinh, không trộm cắp, không dâm dục, không uống rượu, không mặc áo xông hương, không nằm giường cao, không ăn quả ngọc là thân nghiệp.

Không nói dối là khẩu nghiệp.

Không ca múa chung cả nghiệp thân và miệng.

Phân biệt Sở phòng: Y như Luận Tỳ-đàm (Tập Tâm quyển 10), bốn giới chi đầu lia bỏ tánh ác. Không uống rượu là chi không buông lung, lia nhân duyên buông lung. Ngoài ra là trì chi, lia các lỗi về giá (ngăn ngừa). Trong Luận Thành Thật cũng chia làm ba, tên gọi là chẳng khác. Luận này nói: Bốn loại đầu xa lia thật ác. Không uống rượu là cửa bỏ các điều ác, Ngoài ra xa lia nhân duyên buông lung.

3. Nói về nhân duyên được giới khác nhau:

Theo Luận Tỳ-đàm có tám nhân duyên, nên kệ ấy nói:

Là Ưu-ba-bà-tố

Thọ, thời, tha hai thuyết

Cụ túc, một ngày đêm

Lìa trang sức oai nghi.

Ưu-ba-bà-tổ là nhân duyên thứ nhất, tám giới này là Ưu-bà-tắc thọ, chẳng phải người xuất gia. Vì người xuất gia có thể thọ trì giới suốt đời.

Thọ là nhân duyên thứ hai: Tám giới này hề thọ là được, không đồng thiên giới, giới vô lậu, v.v...

Thời là nhân duyên thứ ba: Tám giới này thọ lúc sáng sớm, không được thọ vào lúc khác vì muốn cho đầy đủ một ngày đêm. Trong Luận Thành Thật (quyển 9) nói: Tùy lúc nào cũng đều thọ được cả.

Tha là nhân duyên thứ tư, nói tám giới phải từ người khác nhận, tự thệ không được. Luận Thành Thật thì nói khác. Luận ấy nói: Nếu lúc không có người thì tâm niệm miệng nói cũng thọ được.

Hai thuyết là nhân duyên thứ năm tám giới này phải có hai thuyết mới được. Giới sư trước dạy, người thọ theo sau; giới sư trước hỏi, người thọ sau đáp. Đó là hai thuyết. Luận Thành Thật khác với đây, luận ấy nói: Tự mình không hiểu nên phải có thầy dạy cho, nếu người tự hiểu, đâu cần thầy dạy? Vì thế nên không cần hai thuyết.

Cụ túc là nhân duyên thứ sáu tám giới này thọ đủ thì gọi là đắc, không được thọ từng phần. Trong Luận Thành Thật nói không đủ cũng được. Nên luận ấy (quyển 9) nói: Tùy khả năng thọ được bao nhiêu giới không cố định.

Một ngày đêm là nhân duyên thứ bảy, nói tám giới này thời gian chỉ một ngày đêm không thêm, không bớt. Luận Thành Thật thì khác, nên luận ấy nói: Nếu nói tám giới nhất định một ngày đêm thì việc này không đúng. Tùy thời nhiều ít, hoặc có thể nửa ngày cho đến một tháng, thì có lỗi gì?

Lìa trang sức oai nghi là nhân duyên thứ tám, mục đích tám giới này là lìa bỏ những vật trang sức trên thân, phương tiện thọ trì, vì người tại gia tùy phần tu học giới xuất gia.

Luận tuy khác nhau nhưng người thọ nên y theo Luận Tỳ-đàm mà thọ vì phần nhiều đồng với lời của các kinh.

4. Y theo cõi, đường phân biệt tướng:

Cõi là ba cõi. Cõi Dục được thọ chẳng phải hai cõi trên đường là năm đường, theo Luận Tỳ-đàm, người trong ba thiên hạ được thọ tám giới vì tâm hiểu biết có năng lực mau lẹ, không chung cho đường khác và người cõi Uất-đơn-việt. Nếu theo Luận Thành Thật thì người, trời, quỷ, súc sinh đều thọ được. Nên Luận ấy nói: Phần nhiều như Thiên đế, loài rồng, vv.cũng được thọ, không hạn cuộc ở loài người.

5. Y theo hình báo phân biệt tướng:

Theo Luận Tỳ-đàm, nam nữ đều thọ được, thân hình khác không được. Trong Luận Thành Thật nói hoàng môn, hai hình chẳng thể thành nam v.v...đều thọ được, chẳng hạn cuộc nam nữ.

6. Đối giới nói về chung riêng:

Nên biết tám giới khắp đối với tất cả chúng sinh mà được, không được duyên riêng.

Hỏi: Là ở bên tất cả chúng sinh hiện tại được hay ở bên chúng sinh ba đời được?

Luận giải thích khác nhau. Nếu theo Luận Tỳ-đàm, chỉ ở bên chúng sinh hiện tại mà được. Trong luận Thành Thật nói khắp đối với chúng sinh ba đời mà được. Chúng sinh ở quá khứ vị lai tuy không thể giết, không thể trộm, v.v...mà duyên cũng khởi được thiện, ác.

7. Nói về nghi thức thọ trì tám giới:

Người muốn thọ giới trước phải khởi tâm nhằm chán sinh tử và có ý cầu Niết-bàn, sau đó mới thọ. Vì pháp thọ này là của người xuất thế.

Cách thọ thế nào?

Ngày thứ sáu vừa hết, lúc sáng sớm đến chỗ giới sư, trước lễ Tam bảo, kế lạy giới sư. Ở trước giới sư quỳ gối chấp tay, đầu tiên sám hối các tội, sau đó thọ giới. Giới sư dạy cho ba pháp quy y Tam bảo, ba lần đọc quy y xong, cho thọ năm giới đồng với giới sa-di. Sau đó, nêu các pháp đã kể trên.

Hỏi: Có thể giữ được không.

Nói: “Một, không sát sinh là giới của Ưu-bà-tắc (nếu là người nữ thọ nên nói Ưu-bà-di) từ lúc này cho đến sáng ngày mai, thọ một ngày một đêm như chư Phật, có giữ được không?” Người thọ nên đáp: “Giữ được”. Như thế cho đến “không quá ngộ ăn”. Hỏi đáp giống như thế. Một lần là đủ. Xong đánh lễ lui ra. Pháp giữ gìn đồng với giới xuất gia. Đồ trang sức nên cởi cất, nam nữ không được ở cùng phòng.

Tám giới như thế.